Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 116
THÁNG 07.20201

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | *Tel.:* (714) 571-0473 | *Email:* baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **ssibergerin (pixabay)**

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo / Phát hành:*
  (714) 638-0989
  (714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biếu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, *trang 2*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 3*
- **NHẬN ĐỊNH VỀ: SAI VÀ TRÁI** *(thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8*
- **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t.** *(HT. Thích Thắng Hoan), trang 9*
- **PHÁP AN CƯ CỦA CHƯ TĂNG** *(Thích Thái Hòa), trang 12*
- **TÂM THÀNH ĐẢNH LỄ, CHUÔNG NGÂN** *(thơ Diệu Viên), trang 15*
- **HT. THÍCH PHƯỚC SƠN VỚI VĂN HÓA & GIÁO DỤC** *(HT. Thích Như Điển), trang 16*
- **NÓI VỚI CON** *(thơ Hồ Thanh Nhã) trang 19*
- **CUỘC KHỦNG HOẢNG HIỆN ĐẠI** *(Krishnamurti – Thích Trí Chơn dịch), trang 20*
- **ĐE DỌA CỦA THỜI GIAN** *(thơ Thy An), trang 21*
- **THEO CHÚNG NHẬP HẠ...** *(Quảng Tánh), trang 22*
- **ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: NI TRƯỞNG TN DIỆU TÂM VIÊN TỊCH** *(GHPGVNTNHK), trang 23*
- **TÁN THÁN CÔNG HẠNH SƯ BÀ DIỆU TÂM** *(thơ Chúc Hiền), tr. 24*
- **PHẢN CHIẾU TRÊN TÍNH VÔ THƯỜNG** *(Dalai Lama - Tuệ Uyển dịch), trang 25*
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ** *(Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 29*
- **NGƯỜI NGU ĂN MUỐI** *(thơ TM Ngô Tằng Giao), trang 32*
- **THẾ ĐỨNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM, *VNPG Sử Luận, Chương 36*** *(Nguyễn Lang), tr. 33*
- **GẶP PHẬT GIẾT PHẬT – Câu Chuyện Cuối Tuần** *(Nhóm Áo Lam), trang 38*
- **AN VUI** *(thơ Lưu Lãng Khách), tr. 39*
- **THE STORY OF THE BHIKKHU WHO HAD BEEN A TRAINER OF ELEPHANTS** *(Daw Tin), tr. 40*
- **THẦY (2)** *(thơ Đồng Thiện), tr. 24*
- **THOẢNG HỒN THƠ VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ** *(Trần Kiêm Đoàn), tr. 47*
- **THINGS I HEAR OUTSIDE OF MY WINDOW** *(thơ Alexandria Huỳnh), trang 49*
- **MỪNG NGÀY ĐẢN SANH CỦA ĐỨC PHẬT, NGHĨ VỀ DI SẢN VÔ GIÁ CỦA NGÀI** *(Huỳnh Kim Quang), trang 51*
- **VÀI ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THUỐC NGỦ** *(Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 55*
- **NẤU CHAY: MIẾN CHAY THANH MÁT** *(Hoàng Oanh), trang 57*
- **VẺ ĐẸP KHÔNG HOÀN HẢO HAY MỸ HỌC CỦA SỰ DIỆT VONG** *(Hoàng Long), trang 58*
- **NÉM ĐI** *(TK Vĩnh Hữu), tr. 61*
- **TÂM LÀNH AN LẠC** *(thơ Nhật Quang) trang 62*
- **BẠN BÈ TRĂM NGẢ** *(Nguyễn Ngọc Tư), trang 63*
- **11 BÀI HAIKU CỦA MATSUO BASHO** *(Pháp Hoan dịch thơ), trang 64*
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** *(Steven N.), trang 65*
- **MỐI TÌNH THÂN HỮU** *(Truyện cổ Phật giáo), trang 67*
- **PHƯỢNG THẮM HÈ XƯA...** *(thơ Thục Uyên), trang 69*
- **BÀI HỌC ĐÁNG NHỚ...** *(Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 70*
- **CON VỀ BÊN PHẬT** *(thơ Lê Đình Cát), trang 72*
- **Ý NGHĨA DANH HIỆU BỒ TÁT DI LẶC, ĐỊA TẠNG...** *(TN Giới Hương), trang 73*
- **NGÕ THOÁT – *chương 8*** *(truyện dài Vĩnh Hảo), trang 81*

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 116, tháng 07 năm 2021, do Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

NGỒI IM

Tiếng xe cộ qua lại trên đường đánh thức khu xóm vốn lặng lẽ về đêm
Nắng mai trải nhẹ một dải lụa hoàng kim lên góc vườn nhỏ
Giọt sương vừa đủ nặng để rơi nhanh khi nhành lá lay động trước gió
Con chim vỗ cánh trăm lần mà tợ như đứng yên – chỉ để hút tí mật từ nhụy hoa
Qua một đêm, con nhện kiên nhẫn dệt lại một mạng lưới khác sau khi bị phá hủy bằng một cái quơ tay của người đi đường
Có người ngồi im bên cửa sổ không làm không nói gì cả
Có người ngồi im nơi ghế đá công viên nhìn mây trắng biến dạng từ từ trên cao
Có người ngồi im trên cỏ làm bạn với con sóc, nhẹ nhàng chia sẻ những hạt hướng dương khô
Có người ngồi im trên tảng đá cheo leo lưng đồi
Có người ngồi im nơi thư phòng bao vây bởi những chồng sách

Phóng cái nhìn thật xa, kéo cái nhìn về gần.

Nhìn những cái cận kề
Thế giới trình hiện trên màn hình nhỏ trong lòng bàn tay
Người bắn giết người vì tham lam, thù hận
Người nguyền rủa người vì đố kỵ, nhỏ nhen
Chiến tranh, bom đạn nổ
Những cao ốc sụp đổ
Những ngôi làng xinh tươi hôm qua trở thành bình địa sáng nay
Đoàn người kéo nhau bỏ xứ, tị nạn
Thị trường tuột dốc rồi lại lên
Đá bóng, tranh nhau chiếc cúp
Dịch bệnh dập chỗ này lại trỗi lên chỗ kia
Người người nằm xuống vì không thở được ngay cả nguồn dưỡng khí vô tận của thiên nhiên
Đâu đó vẫn còn những lời kêu gọi tha thiết nên chích ngừa
Và vẫn còn những tranh cãi, chống đối chích ngừa
Những cái chết vô duyên chỉ vì đeo hay không đeo khẩu trang
Và dù thế nào, những con trùng nhỏ vẫn tiếp tục quật ngã những mạng người tin hay không tin sự hiện hữu của chúng

Nhìn những điều bên trong
Ý tưởng vùn vụt tràn lấn, trượt lên nhau
Cảm giác dây dưa buồn vui đắp đổi
Ôi những người thân yêu, lần lượt ra đi, mất dấu
Tuổi già, tóc bạc, hồn vẫn còn ngây dại như trẻ thơ, ham vui
Tình yêu như lá, như hoa, như trái ngọt-bùi-chua-đắng
Như con sông đi mãi về đại dương xanh

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Những cuốn sách chồng lên nhau, nhiều cuốn hãy còn đọc dang dở
Có một gã ngồi đây hay đi đâu mất
Ngươi là ai, từ đâu đến, đến tự bao giờ
Làm người chủ hay làm người khách trong ngôi nhà trống trơ
Ngồi im đó hay đang loanh quanh
Thoạt đến thoạt đi, như thơ như mộng
Hôm qua, hôm nay và ngày mai
Có bao giờ ngươi chịu ngồi im

Ngồi im nào, ngồi im nào
Chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối
Chẳng nơi nào ngươi chịu ngồi im
Một thoáng bất chợt ngươi đâu mất
Ta nhìn ngươi hay ngươi nhìn ta
Khoảnh khắc phân hai và nhập một
Tịch mịch soi chiếu tận nguồn cơn
Bàn tay vô ngã chạm cành hoa
Cành hoa vô nhân chạm nụ cười
Nụ cười vô tận ý vô chung
Tịch lặng ngồi im khoảnh khắc này

Nắng vẫn chan hòa hoa cỏ xanh
Mây trôi như nước qua đất lành
Con nhện giăng tơ chờ thời vận
Bên cửa ngồi im một lữ hành.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

NHẬT BẢN: Chùa Mimuro-to ở Kyoto trưng bày Rồng làm bằng hoa cẩm tú cầu

Với mong ước kết thúc nhanh chóng đại dịch coro-navirus đang diễn ra, 600 chậu hoa cẩm tú cầu xếp thành hình một con rồng đang bay lên đã được trưng bày vào ngày 31-5 tại chùa Mimuroto ở Uji, tỉnh Kyoto, miền tây Nhật Bản.

Những chậu hoa tú cầu đỏ, trắng và xanh đang nở rộ được đặt trên 60 bậc đá dẫn đến chánh điện của chùa để tạo dáng con rồng đang leo lên tìm một viên đá quý. Du khách có thể ngắm rồng hoa này cho đến khoảng ngày 10 -6.

Thiết kế nói trên được lấy cảm hứng từ một mạn đà la tại bản tự, bao gồm một con rồng và một viên ngọc như ý.

"Chúng tôi muốn du khách đến để xem con rồng, cầu nguyện cho sự kết thúc của đại dịch này và sự phục hồi kinh tế", sư trưởng Kokyo Itami, 78 tuổi, nói.

Khoảng 20,000 cây hoa cẩm tú cầu với hơn 50 giống được trồng trong khu vườn của ngôi chùa Mimuroto, nơi cũng nổi tiếng với hoa sen và hoa đỗ quyên.

(Tipitaka Network – June 2, 2021)

Bức ảnh này được chụp vào ngày 31 tháng 5 năm 2021, cho thấy khoảng 600 chậu hoa tú cầu màu xanh, trắng và đỏ tượng trưng cho một con rồng đang bay lên được trưng bày tại chùa Mimuroto ở Uji, tỉnh Kyoto

Photo: Mainichi

ĐÀI LOAN: Ni sư Shih Chao-hwei nhận Giải thưởng Hòa bình Niwano lần thứ 38

Ngày 2-6-2021, Tổ chức Hòa bình Niwano của Nhật Bản đã trao Giải thưởng Hòa bình Niwano lần thứ 38 cho Ni sư Phật giáo Đài Loan Shih Chao-hwei, người nổi tiếng toàn cầu với tư cách là một Phật tử dấn thân, nhà hoạt động, học giả và tác giả.

Ni sư Chao-hwei đã viết hơn 20 cuốn sách và hơn 70 bài báo nghiên cứu.

Là người sáng lập Hiệp hội Bảo tồn Sự sống, Ni sư Chao-hwe là một người ủng hộ thẳng thắn cho luật bảo vệ quyền động vật và là tác giả của nhiều bài báo về bảo tồn thiên nhiên và động vật hoang dã. Bà cũng là người lên tiếng ủng hộ hôn nhân đồng giới và là nhân vật chủ chốt trong phong trào ủng hộ việc xuất gia cho phụ nữ trong tất cả các truyền thống Phật giáo.

Giải thưởng Hòa bình Ni-wano dưới dạng huy chương, giấy chứng nhận và khoản tài trợ trị giá 20 triệu yên (183,000 USD). Lễ trao giải được tiến hành tại Nhật Bản vào ngày 2-6 trong một buổi lễ ảo do các hạn chế liên quan đến đại dịch.

(Buddhistdoor Global – June 2, 2021)

Ni sư Shih Chao-hwei
Photo: Buddhistdoor

INDONESIA: (Tin ảnh) Lễ Vesak được tổ chức quần thể đền thờ Borobudur ở Trung Java

Yogyakarta, Java - Các đền thờ Borobudur và Sewu ở Trung Java đã tổ chức đại lễ Vesak vào thứ Tư ngày 26-5.

Hàng chục nhà sư Phật giáo và hàng trăm tín đồ đã tham gia lễ pradakshina, đi vòng quanh theo một nghi lễ 'vòng tròn' như một hình thức cúng bái. Họ đánh dấu lễ kỷ niệm bằng việc đánh chuông và rảy nước phép xung quanh các ngôi đền.

Vào cuối nghi lễ, một vị đại sư kêu gọi mọi tín đồ tiến lên giai đoạn giác ngộ của họ bằng cách bảo tồn những việc thiện và lời dạy của Đức Phật Cồ Đàm.

Chư tăng và Phật tử tham gia nghi lễ pradakshina trong đại lễ Vesak tại quần thể đền thờ Borobudur Temple ở Trung Java vào ngày 26-5-2021

Cảnh sát Indonesia hộ tống các nhà sư và tín đồ Phật giáo trong nghi lễ pradakshina

Phật tử và chư tăng cầu nguyện trong đại lễ Vesak tại đền Borobudur

Một nhà sư rảy nước sái tịnh trong nghi lễ pradakshina

Phía trước đền Borobudur
JG Photos: Yudha Baskoro
(Tipitaka Network – June 2, 2021)

ẤN ĐỘ: Phát hiện 3 hang động mới trong quần thể hang động Phật giáo Trirashi

Vào tháng 5, Cơ quan Khảo sát Khảo cổ học Ấn Độ (ASI) đã tìm thấy thêm 3 hang động trong quần thể hang động Phật giáo Trirashmi (còn được gọi là Pandav Leni) ở gần Nashik, bang Maharashtra.

Phát hiện nói trên đã khiến các nhà khảo cổ học tin rằng có thể có nhiều hang động ẩn khuất và chưa được nhìn thấy trong cùng một khu vực này. Xem xét khả năng này, ASI đang lên kế hoạch khảo sát kỹ lưỡng ngọn đồi.

Các hang động Trirashmi là một nhóm gồm 24 hang động có niên đại từ thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên đến thế kỷ 6-7 sau Công nguyên.

Quần thể hang động Phật giáo Trirashmi lần đầu tiên được ghi nhận vào năm 1823 bởi thuyền trưởng James Delamaine và hiện là một địa điểm được bảo vệ bởi ASI.

Kiểm tra sơ bộ, các nhà khảo cổ học tin rằng những hang động này có thể lâu đời hơn hang động Trirashmi. Atul Bhosekar, giám đốc Viện nghiên cứu Phật giáo Trirashmi cho biết một nghiên cứu sâu rộng về các hang động này có thể xác định lại niên đại của các hang động Phật giáo ở bang Maharashtra.

(Hidustan Times – June 3, 2021)

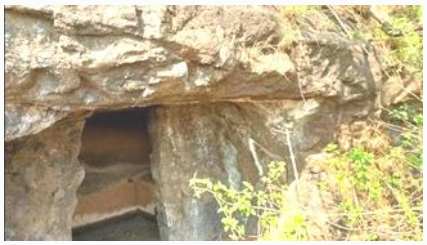

Một hang động ẩn khuất sau những bụi cây ở Pandav Leni - quần thể hang động Phật giáo Trirashmi - ở Nashik (Ấn Độ)

Tất cả các hang động đều có hàng hiên và một bệ đá vuông dành cho các nhà sư
Photos: Hidustan Times & IE

HÀN QUỐC: Cao Ly đại tạng kinh lần đầu tiên mở cửa cho công chúng

Cao Ly đại tạng kinh - hay "Palmandaejanggyeong" trong tiếng Hàn - một bộ sưu tập các mộc bản kinh Phật giáo, sẽ mở cửa cho công chúng vào thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần, bắt đầu từ cuối tháng này.

Được xem là bộ kinh Phật toàn diện nhất được tìm thấy cho đến nay, Cao Ly đại tạng kinh bao gồm các kinh Phật thế kỷ 13 được khắc trên hơn 80,000 mộc bản.

Chúng được cất giữ tại Điện Tàng kinh bản (Janggyeong Panjeon) trong chùa Hải Ấn (Haein) ở Hapcheon - cách thủ đô Seoul 354 km về phía nam.

Theo chùa Hải Ấn, một chương trình tham quan sẽ bắt đầu vào ngày 19-6, cho phép mọi người nhìn xung quanh bên trong Điện Tàng kinh bản hai lần một ngày - lúc 10 giờ sáng và 2 giờ chiều vào các ngày thứ bảy và Chủ nhật.

Chùa này cho biết đây là lần đầu tiên Cao Ly đại tạng kinh, một Bảo vật Quốc gia được UNESCO công nhận là Bảo vật Thế giới, được mở cửa cho công chúng kể từ khi được tạo tác vào thế kỷ 13.

(Yonhap – June 6, 2021)

Chư tăng và mộc bản tại Điện Tàng kinh bản trong chùa Hải Ấn ở Hapcheon
Photo: Yonhap

TÍCH LAN: Nhà sư chiến đấu với cá sấu để cứu ông lão

Một nhà sư Phật giáo 30 tuổi, người đã nhảy xuống hồ nước ở Diyamailagaswewa, Kahatagasdigiliya, đã giải cứu một ông lão 70 tuổi đang tắm khi ông bị một con cá sấu tấn công và lôi đi.

Cảnh sát cho biết nhà sư Ven. Pellandeniya Piyananda Thero và nạn nhân đang tắm trong hồ vào sáng ngày 7-6-2021 thì vụ việc được báo cáo.

Tuy nhiên, khi nhà sư đang chuẩn bị về lại chùa sau khi tắm thì ông cụ 70 tuổi này bị cá sấu tấn công và kéo đi.

Nhà sư sau đó đã nhảy xuống hồ và chiến đấu với cá sấu để cứu ông lão.Ông lão bị thương nặng ở chân sau đó được đưa vào bệnh viện Anuradhapura với sự hỗ trợ của người dân.

(Daily Mirror – June 8, 2021)

Nhà sư Ven. Pellandeniya Piyananda Thero
Photo: Daily Mirror →

CAM BỐT: Hoa Kỳ trả lại 27 cổ vật bao gồm tượng Phật giáo và Hindu bị đánh cắp cho Cam Bốt

Sau nhiều năm làm việc của các nhà điều tra New York để thu hồi các đồ tạo tác bị buôn lậu, Hoa Kỳ đã cho hồi hương 27 cổ vật về Cam Bốt, bao gồm cả tượng Ấn Độ giáo và Phật giáo.

Trị giá khoảng 3.8 triệu đô la Mỹ, các cổ vật nói trên bao gồm một số bức tượng Phật giáo Hindu và Angkorian, chẳng hạn như tượng Phật bằng đồng ngồi thiền trên rắn Naga, tượng thần Shiva và tác phẩm điêu khắc Phật giáo Bát-nhã-ba-la-mật bằng sa thạch.

"Việc hồi hương 27 di tích tuyệt đẹp này cho người dân Cam Bốt sẽ khôi phục mối liên hệ quan trọng giữa thời kỳ Angkor cổ điển của quốc gia với các phong tục và tín ngưỡng hiện đại, vốn từ quá lâu rồi đã bị phá vỡ bởi lòng tham của những kẻ buôn bán cổ vật bị đánh cắp", Luật sư quận Manhattan Cy Vance Jr cho biết trong một tuyên bố.

Bộ trưởng Văn hóa và Mỹ thuật Cam Bốt Phoeurng Sackona nói rằng những cổ vật này là "những linh hồn mất tích" của tổ tiên đất nước.

Các cổ vật của Cam Bốt nằm trong số gần 400 món được trả lại cho 10 quốc gia sau cuộc điều tra của Đơn vị Buôn bán Cổ vật và Điều tra An ninh Nội địa của Manhattan.

Các cổ vật được trao trả về Cam Bốt tại Văn phòng Biện lý Quận Manhattan ở New York vào ngày 9-6-2021.

(straitstimes.com - June 11, 2021)

Các cổ vật được trao trả về Cam Bốt tại Văn phòng Biện lý Quận Manhattan ở New York vào ngày 9-6-2021
Photo: Reuters

NHẬT BẢN: 'Cuộc gặp gỡ tiền định': 2 tượng Phật Nhật Bản có thể là cặp đôi bị chia cách từ 1,300 năm trước

Otsu, Nhật Bản - Bảo tàng Lịch sử Thành phố Otsu trưng bày một cặp tượng Phật - một được lưu giữ ở thành phố Otsu phía tây Nhật Bản và một ở Tokyo - có thể có cùng nguồn gốc, cùng được tôn trí cách đây khoảng 1,300 năm.

Hai tác phẩm này là tượng Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc sở hữu tư nhân, và tượng Bồ tát Quán Thế Âm bằng đồng thuộc sở hữu của chùa Shinkoji ở thành phố Otsu.

Tượng Quán Thế Âm Bồ Tát được đăng ký là Tài sản Văn hóa Quan trọng, và được cho là có từ đầu thế kỷ thứ 8. Bảo tàng Lịch sử Thành phố Otsu cho biết vào ngày 9-6 rằng nhiều khả năng 2 tượng này là một cặp.

Các đặc điểm tương tự

và kim loại được sử dụng để chế tác cho thấy 2 tượng này đã được làm trong cùng một xưởng. Mặc dù lịch sử cụ thể của cả hai tượng đều không được biết, nhưng rõ ràng chúng được dự định tôn trí ở mỗi bên của một bức tượng Phật A Di Đà.

"Có khả năng ban đầu chúng được tạo ra như một bộ tượng Phật giáo. Đây là cuộc gặp gỡ tiền định sau 1,300 năm", một đại diện bảo tàng cho biết.

(Maichini Japan - June 12, 2021)

Tượng Đại Thế Chí Bồ Tát (bên trái) thuộc sở hữu tư nhân, và tượng Bồ tát Quán Thế Âm thuộc sở hữu chùa Shinkoji

Photos: Bảo tàng Lịch sử Thành phố Otsu

ẤN ĐỘ: Tượng Phật nằm lớn nhất Ấn Độ sẽ được lắp đặt ở Bồ Đề Đạo Tràng

Pho tượng Phật nằm lớn nhất Ấn Độ, dài khoảng 30 mét, sẽ được lắp đặt trong khuôn viên của ngôi chùa Hội Phúc lợi Phật giáo Quốc tế (BIWM) ở Bồ Đề Đạo Tràng, Bihar, trong vòng vài tháng tới.

Theo lời người sáng lập BIWM, Hòa thượng Ariyapala, bức tượng dự định sẽ được lắp đặt vào lễ Phật Đản (26-5-2021), nhưng buổi lễ ra mắt đã bị hoãn lại do những hạn chế của COVID-19.

Nhà điêu khắc nổi tiếng Mintu Pal đến từ Kolkata và nhóm 22 nghệ nhân của ông đã được giao nhiệm vụ tạo tác pho tượng tại khu đất Nainan Bandhab Samiti ở Baranaga's Ghoshpara, ngoại ô Kolkata. Pho tượng, được chế tạo hoàn toàn từ sợi thủy tinh kết hợp với thuốc màu nhũ vàng, được làm thành nhiều phần. Mỗi phần của pho tượng hiện đang ở BIMW, nơi cuối cùng tượng sẽ được lắp ráp.

Tượng Phật nằm lần đầu tiên được mô tả trong nghệ thuật Gandharan từ năm 50 trước Công nguyên đến năm 75 sau Công nguyên, đạt đỉnh cao trong thời kỳ Kushan giữa thế kỷ thứ 1 và thứ 5 sau Công nguyên.

(Buddhistdoor global – June 11, 2021)

Tượng Phật nằm lớn nhất Ấn Độ sẽ được lắp đặt ở Bồ Đề Đạo Tràng
Photos: face-book.com

NHẬT BẢN: Ngôi chùa Di sản Thế giới Kenninji trưng bày tranh của cựu Thủ tướng Morihiro Hosokawa

Kyoto, Nhật Bản - Vào ngày 5-6-2021, cựu Thủ tướng Morihiro Hosokawa, người đã dành thời gian nghỉ hưu cho hội họa, đã trình bày một loạt tác phẩm mực in trượt của mình cho một ngôi chùa Kenninji ở phường Higashiyama, Kyoto.

Hosokawa, 83 tuổi, đã giành được sự hoan nghênh rộng rãi về chuyên môn của ông trong lĩnh vực nghệ thuật và bút vẽ.

Các bức tranh bằng mực này được vẽ trên cả 2 mặt của 12 cánh cửa trượt bằng giấy để tô điểm cho việc nghiên cứu chánh điện của chùa Kenninji, một Di sản Thế giới UNESCO.

Các bức vẽ đã được trưng bày trước công chúng vào ngày 6-6 trong một cuộc triển lãm đặc biệt được lên kế hoạch kéo dài suốt năm.

Nhà chùa đã ủy quyền cho Hosokawa thực hiện những bức tranh để kỷ niệm 880 năm ngày sinh của Eisai (1141-1215), nhà sư đã mang trường phái Thiền tông Rinzai đến Nhật Bản từ Trung Quốc và thành lập chùa Kenninji vào năm 1202.

(Big News Network – June 14, 2021)

Cựu thủ tướng Hosokawa và tác phẩm tại chùa Kenninji, Kyoto
Photo: asahi.com

NHẬN DỊNH VỀ: SAI VÀ TRÁI

Khi sai mà mình biết rằng sai,
Có thế nên ta mới hết sai,
Đã biết rằng sai không nên trái,
Nếu không biết trái lại làm sai.
Cần nên thẩm định sai hay trái?
Để biết rõ ràng trái hoặc sai!
Mù quáng cho nên sai làm trái,
Không cần phân định trái với sai...

Tưởng rằng là đúng lại làm sai,
Cứ thế nên chi sai mãi hoài,
Tự xét phận mình sai hay đúng?
Đừng nhìn người khác đúng hay sai!
Tu nhơn tích đức xa sai, trái,
Làm phước tạo duyên bỏ trái, sai.
Bao nhiêu hiền thánh đều nhìn rõ,
Mới thoát ra ngoài cảnh trái, sai...

(Quý hạ Tân sửu - June 10th, 2021)

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

(tiếp theo kỳ trước)

a/2.- Biện Minh Sai Biệt:

1)- Phàm Thánh Sai Biệt:

Bài Tụng:

"Có điên đảo thuận theo không điên đảo, không điên đảo có điên đảo đi theo, không điên đảo không bị điên đảo đi theo, là tu đối trị sai biệt."

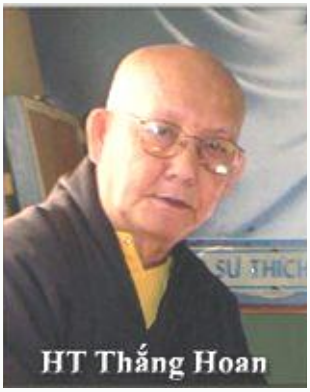

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh kẻ Phàm Thánh có sai biệt. Căn cứ nơi Đại Thừa giải thích, kẻ chưa vào bậc Thánh thì có ngôi vị khác phát sanh từ ngôi vị ban đầu, nghĩa là có khác biệt của ngôi vị Nội Phàm và Ngoại Phàm: Ngôi vị Ngoại Phàm là ngôi vị Thập Tín; ngôi vị Nội Phàm là ngôi vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Căn cứ nơi Tiểu Thừa giải thích: trước Ngũ Đình Tâm là ngôi vị Ngoại Phàm, sau Ngũ Đình Tâm là ngôi vị Nội Phàm. Ở đây trên địa vị Phàm Phu, nếu có thể tu tập các hạnh Ba Mươi Bảy Bồ Đề Phần, tức là có điên đảo thuận theo không điên đảo. Do tâm hạnh của phàm phu có điên đảo, Thức thứ bảy luôn luôn chấp ngã, cho nên ở địa vị căn bản của phàm phu chưa lìa khỏi điên đảo, mặc dù địa vị căn bản của phàm phu tuy còn điên đảo mà vẫn có thể thuận theo thật hành không điên đảo, cho nên gọi là Thuận Giải Thoát Phần. Không điên đảo có điên đảo đi theo, nghĩa là từ nơi Kiến Đạo trở về sau đã có thể nương nơi Huệ không điên đảo để tu hành, mặc dù ở nơi địa vị hữu học còn có pháp hữu lậu, do đó vẫn có điên đảo phát khởi, cho nên gọi là không điên đảo có điên đảo đi theo. Đã đến địa vị Phật là địa vị vô học, hoặc kẻ đã đến Địa thứ tám trở lên của Thập Địa thì Huệ không điên đảo luôn luôn lúc nào cũng sanh khởi, lúc bấy giờ tâm hạnh đều hoàn toàn không điên đảo, cho nên gọi là không điên đảo không bị điên đảo đi theo. Đây là sự sai biệt của Phàm Thánh tu hành đối trị.

2)- Đại Tiểu Sai Biệt:

Bài Tụng:

"Bồ Tát chỗ tu tập; do sở duyên, tác ý, chứng đắc; vì thù thắng; cùng Nhị Thừa sai biệt."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh sự sai biệt của Đại Thừa và Tiểu Thừa. Nghĩa là Bồ Tát chỗ tu của họ có ba thứ điều kiện thù thắng hơn người Nhị Thừa:

1, Sở Duyên thù thắng: nghĩa là Thinh Văn và Độc Giác chỉ duyên nơi thân tâm của chính mình làm bối cảnh để tu phương tiện đối trị phiền não giải thoát sanh tử, cho nên gọi là Tự Liễu Tự Độ. Còn Bồ Tát thì thông dụng cả thân tâm của mình và người làm bối cảnh để tu đối trị, đây là sở duyên không giống nhau.

2, Tác Ý thù thắng: nghĩa là Thinh Văn và Độc Giác phần lớn đều từ nơi vô thường, khổ, v.v... tác ý tu hành; còn Bồ Tát thì quán khắp tất cả mình và mọi người giống nhau đều bình đẳng và bình đẳng không có tự tánh, đều là không không có chỗ được, do đó khởi tác ý tu đối trị tất cả.

3, Chứng Đắc thù thắng, nghĩa là chỗ chứng đắc của Nhị Thừa chỉ là Tiểu Niết Bàn; còn chỗ chứng đắc của Bồ Tát chính là Vô Trụ

Đại Niết Bàn. Hơn nữa Đại Bi của Bồ Tát lúc nào cũng hiện tiền, mặc dù đã thấu đạt tất cả sanh tử đều không, mà lại lúc nào cũng tế độ chúng sanh, cho nên chỗ chứng quả của Bồ Tát cũng rất thù thắng.

[BIỆN MINH TỤ PHẦN VỊ PHẨM THỨ NĂM]

b)- Biện Minh Tu Phần Vị:

Phần Vị của tu hành, đơn giản thì chỉ có ba phần vị, mở rộng thì có mười tám phần vị, lại có thể tùy theo nghĩa mà thiết lập riêng biệt, chẳng qua trên kinh luật mở bày và hợp chung lại có thể hoàn toàn không giống nhau. Hôm nay để so sánh cho thích đáng trước hết xin trình bày mười tám phần vị.

b/1- Mười Tám Phần Vị:

Bài Tụng:

"Chỗ trình bày tu đối trị, phần vị có mười tám: gọi là Nhân, Nhập, Hành, Quả, Tác, Vô Tác, Thù Thắng, Thượng, Vô Thượng, Giải Hạnh, Nhập, Xuất Ly, Ký, Thuyết, Quán Đảnh, và Chứng Đắc, Thắng Lợi, Thành Sở Tác."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích mười tám phần vị trên tu hành. Mười tám phần vị này là do phàm phu tiến vào giai đoạn quả Phật:

1- Nhân Vị, chính là chủng tánh vị; chủng tánh gồm có Bản Tánh Trụ Chủng và Tập Sở Thành Chủng. Bản Tánh Trụ Chủng tức là Câu Sanh Chủng Tánh có từ vô thỉ đến nay; còn Tập Sở Thành Chủng chính là Vô Lậu Chủng do lắng nghe chánh pháp được kết thành, ở đây Pháp Tướng Duy Thức Tông lại cho là năm loại Chủng Tánh: gọi là Thinh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, Bất Định, Vô Tánh. Trong năm thứ Chủng Tánh đây Vô Tánh tức là chủng tử không xuất thế, nghĩa là không thể giải thoát. Trong đây, Nhân Phần Vị chính là chỉ cho Tập Sở Thành Chủng và Tập Sở Thành Chủng có khả năng đầy đủ hành tướng của Đại Thừa đó là Đại Thừa Chủng Tánh cụ thể mầu nhiệm, như Bồ Tát Ngoại Phàm có thể tu Lục Độ, nhưng chưa có thể tương ưng cùng Thắng Giải Không, chẳng qua nhờ đây huân tập tăng trưởng thành chủng tánh Bồ Tát mà thôi.

2- Nhập Vị, chính là đã vào Sơ Trụ ở trên và trải qua các ngôi vị của Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng.

3- Hành Vị, nghĩa là phát tâm tu hành Bồ Tát Gia Hạnh là ngôi vị chưa được Thánh Quả.

4- Quả Vị, nghĩa là do tu Gia Hạnh mà chứng đặng Bồ Tát Sơ Địa.

5- Tác Vị, nghĩa là địa vị Hữu Học.

6- Vô Tác Vị, nghĩa là ngôi vị La Hán Vô Học.

7- Thù Thắng Vị, nghĩa là đã thành tựu công đức thù thắng. Bảy Phần Vị trên mặc dù Đại Thừa đã thuyết minh, nhưng thật ra cũng thông qua cả ba Thừa.

8- Thượng Vị, nghĩa là Bồ Tát đã vượt qua khỏi Nhị Thừa ở trên và nơi Bồ Tát đầy trở lên lại có Phật quả ở trong.

9- Vô Thượng Vị, chính là chỉ cho quả vị Phật.

10- Giải Hạnh Vị, nghĩa là từ Sơ Trụ của Thập Trụ đến Tứ Gia Hạnh là hạnh vị Thắng Giải.

11- Nhập Vị, nghĩa là chứng vào Hoan Hỷ Địa ban đầu.

12- Xuất Ly Vị, nghĩa là từ Nhị Địa đến Thất Địa, mỗi Địa đều đã ra khỏi (đều đã giải thoát) sanh tử.

13- Thọ Ký Vị, nghĩa là Bồ Tát Bát Địa sau khi biết đạo, tự mình tu tập đã trải qua hai A Tăng Kỳ Kiếp, đây tất nhiên tương đương một vị Phật.

14- Thuyết Vị, nghĩa là Địa thứ chín đã được bốn biện tài vô ngại và khéo biện giải những pháp yếu.

15- Quán Đảnh Vị, nghĩa là Địa thứ mười đã được Như Lai làm quán đảnh.

16- Chứng Đắc Vị, nghĩa là ngôi vị chứng đặng Pháp Thân của Phật.

17- Thắng Lợi Vị, nghĩa là ngôi vị chứng đặng Báo Thân của Phật và thọ dụng quả thắng lợi của Phật.

18- Thành Sở Tác Vị, nghĩa là thân biến hoá đi xây dựng các việc để độ chúng sanh. Trong đây từ phần vị tứ tám đến phần vị thứ mười lăm hoàn toàn là trình bày phần vị ở trên của Bồ Tát và chứng đặng ba bậc đây là trình bày các việc trên quả Phật.

b/2- Thuyết Minh Sơ Lược Ba Bậc:

Bài Tụng:

"Nên biết trong pháp giới; sơ lược có ba phần vị: Bất Tịnh, Tịnh Bất Tịnh, Thanh Tịnh; Tùy Sở Ưng."

Giải Nghĩa:

Câu Tụng đây là thuyết minh tu ba thứ phần vị trong đối trị. Chỗ gọi là Pháp Giới đây có hai nghĩa rộng và hẹp: Nghĩa hẹp là pháp trần trong sáu trần, là pháp giới sở duyên của Thức thứ sáu. Nghĩa rộng là biệt danh hai không chân như của nhân và pháp. Về phương diện trước mặt cũng được nói qua, pháp giới chính là nhân của tất cả Thánh phàm, trong đó chỗ nói đến cũng tức là trông cậy vào pháp giới làm nhân sở duyên của tất cả Thánh pháp thanh tịnh để cho Thánh trí vô lậu tác dụng duyên đến. Nên biết ở trong pháp giới đây, đại lược có ba phần vị: Một là Bất Tịnh Vị, tức căn cứ theo hai không chân như mà nói chính là chỉ cho phàm phu khi còn ở trong pháp tạp nhiễm chưa phát sanh hành động đối trị. Hai là Tịnh Bất Tịnh Vị, nghĩa là chỉ chứng được một phần thanh tịnh mà chưa được thanh tịnh hoàn toàn, cho nên gọi là trong thanh tịnh còn mang theo không thanh tịnh. Còn căn cứ nơi Nhị Thừa mà nói, như quả Tu Đà Hoàn của Thinh Văn, mặc dù chứng được quả Thánh, mà còn có tu chỗ đoạn Hoặc, đây cũng chính là trong thanh tịnh mang theo không thanh tịnh. Lại nữa căn cứ nơi Đại Thừa mà nói, như chứng được Hoan Hỷ Địa ban đầu trở lên còn có hai chướng cần phải đoạn trừ, đây cũng chính là trong thanh tịnh mang theo không thanh tịnh. Ba là Thanh Tịnh Vị, nghĩa là La Hán và Bích Chi Phật của Nhị Thừa, ở nơi hai quả vị này có thể đối trị phiền não đã được thanh tịnh, có chỗ gọi là Tố Hoàn Toàn Thanh Tịnh.

Ba phần vị đây đều là tùy theo chỗ tương ưng mà phân chia thành phần như nhau, nên gọi là Tùy Sở Ưng.

b/3- Tùy Ưng Lập Vị:

Bài Tụng:

"Nương nơi trong các phần vị trước, chỗ có tướng sai biệt, tùy theo chỗ tương ưng mà kiến lập, các Bổ Đặc Già La."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh tùy theo chỗ tương ưng của nó mà kiến lập riêng biệt các thứ phần vị. Như Du Già Sư Địa Luận, v.v... kiến lập mười ba Trụ. Rõ ràng hơn như Hoa Nghiêm kiến lập năm mươi hai phần vị, chỗ gọi là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cộng thêm Thập Địa, Đẳng Giác và Diệu Giác, là năm mươi hai phần vị. Hoặc về sau cộng thêm Tứ Gia Hạnh của Thập Hướng trở thành là năm mươi sáu phần vị. Hoặc nơi Thập Tín ở trước cộng thêm Càn Huệ Địa thì trở thành năm mươi bảy phần vị. Những Phần Vị đây là tùy theo sự phân chia đều nhau mà kiến lập, chính là hiển bày một thứ Phần Vị Đại Thừa Bồ Đề trên tướng sai biệt mà tu hành. Bốn câu Tứ Quả của Tiểu Thừa, hoặc rộng ra như Câu Xá, v.v... lại thuyết minh hai mươi bảy Hiền Thánh, tất cả đều là tùy theo chỗ tương ưng mà kiến lập các thứ không giống nhau, đây là biệt danh của Bổ Đặc Già La.

(Biện minh đắc quả phẩm thứ sáu)

C.- BIỆN MINH QUẢ:

Trên đây Cảnh và Hạnh đã giảng xong, sau đây bao gồm giảng về Biện Minh Quả. Thứ lớp của Cảnh, Hạnh và Quả này có thể phân biệt tất cả Phật Pháp, căn cứ nơi Giáo để sáng tỏ về lý gọi là Cảnh, căn cứ nơi Lý để tu hành gọi là Hạnh, căn cứ nơi Hạnh để chứng quả gọi là Quả. Nơi trong Luận đây phân chia đều nhau, quan trọng là hiển bày rõ ràng, ba phẩm trước là biện minh Cảnh, phẩm bốn và năm là biện minh Hạnh, phẩm thứ sáu là biện minh Quả. Do tu chứng chỗ đạt được chính là Quả Sở Đắc; chữ Đắc đây có nghĩa phổ thông là thành tựu, như sách nọ vật nọ đã được thành tựu đều gọi là Tố Đắc. Còn nơi Phật Pháp thì cho rằng, chữ Đắc đây nghĩa là có chủng tử thành tựu, có hiện hành thành tựu; nhưng có chủng tử mặc dù đã thành tựu mà hiện hành thì chưa thành tựu, như phàm phu có tánh thành Phật, nghĩa là chủng tử đây đã thành tựu, nhưng còn chưa sanh hiện hành. Hoặc có chủng hiện mặc dù đã thành tựu mà lại bị tiêu mất, như chủng tử phiền não có thể do đối trị cho tiêu mất, tâm thiện, v.v... đã phát khởi cũng có thể bị tiêu mất, cho nên những thứ này đều không thể cho là thành tựu chính xác. Thành tựu chính xác phải là pháp vô lậu xuất thế, phải là chứng được Thánh quả, v.v... và những thứ đây vĩnh viễn không bị tiêu mất, như chứng được Thánh cảnh của quả Tu Đà Hoàn thì không bị tiêu mất. Tuy La Hán Nhị Thừa có thể thối lui, nhưng quyết định không bị thối lui xuống đến hạng phàm phu, Thành tựu đây gọi là nhất định thành tựu và vĩnh viễn thành tựu, không giống như trong phần vị sanh tử lưu chuyển đã thành tựu quả báo nhân thiên, tuy đã được thành tựu mà lại còn bị tiêu mất. Nhưng thành tựu thì phải thành tựu quả Phật thì mới tính là thành tự viên mãn của tột cùng cứu cánh, đây là nghĩa của đắc quả, đại lược như thế.

(còn tiếp)

PHÁP AN CƯ CỦA CHƯ TĂNG

Thích Thái Hòa

Các Tỳ-kheo thực hành pháp an cư, là biểu hiện mẫu mực đời sống ly dục, tịch tịnh của một vị A-la-hán. Đời sống ấy được thực hành miên mật đầy đủ bốn chất liệu thanh tịnh.

Ý Nghĩa và Duyên khởi

Sau khi thành đạo, từ dưới gốc cây Bồ-đề, đức Thế Tôn đến vườn Nai, chuyển vận bánh xe chính pháp Tứ thánh đế, độ năm anh em Kiều-trần-như (1), từ đó Phật, Pháp và Tăng hiện hữu đầy đủ cả hai mặt lý và sự trong thế gian, làm chỗ nương tựa phước đức và trí tuệ cho hai thế giới nhân và thiên, nhằm hướng đến đời sống giải thoát, giác ngộ.

Giới luật hành trì đầu tiên của Tăng đoàn, theo Luật Tứ Phần, trong mười hai năm đầu chỉ bao gồm những lời dạy căn bản như sau:

"Khéo phòng hộ lời nói, tâm ý tự lắng trong, thân không làm điều ác, ba nghiệp đạo này tịnh, thực hành được như thế, là đạo đấng Đại Tiên" (2).

Và sau mười hai năm, kể từ khi thành đạo, đức Thế Tôn mới dạy nhiều về giới luật và pháp an cư cho Tăng đoàn. Ngài dạy pháp an cư cho Tăng đoàn, vì những lý do như sau:

– Do một số cư sĩ than phiền nhóm sáu Tỳ-kheo luôn luôn du hành trong dân gian, bất luận mùa nào, giẫm đạp làm chết vô số côn trùng.

– Họ còn than phiền rằng, những du sĩ ngoại đạo, một năm còn có những tháng ở yên một chỗ để tịnh tu. Ngay cả những loài vật, chúng cũng còn có những mùa trú ẩn, huống nữa Tăng sĩ dòng họ Thích, tại sao không có đời sống như vậy.

Do duyên cớ trên, đức Phật quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo ấy. Và Ngài chế định pháp an cư cho Tăng đoàn (3).

Song, an cư của Tăng đoàn không phải chỉ để tránh giẫm đạp sâu bọ hay cỏ non, khiến làm thương tổn lòng từ bi đối với muôn vật hay vì tránh những gì than phiền của hàng cư sĩ, mà còn có những ý nghĩa và mục đích sâu sắc hơn nữa, đó là:

– Nhằm trau dồi và nuôi lớn pháp Tam vô lậu học là giới, định, tuệ, để xứng đáng là "Chúng Trung Tôn" của bậc Trí, Đức hoàn toàn.

– Nhằm biểu lộ tinh thần thanh tịnh, hòa hợp và đồng bộ của Tăng đoàn. Và khi nào Tăng đoàn biểu lộ được tính chất ấy, thì chính pháp của đức Thế Tôn do Tăng đoàn tuyên dương mới có hiệu quả và chứng nghiệm hiện thực.

– Và nhằm củng cố niềm tin cho hàng đệ tử tại gia của đức Thế Tôn, đối với ngôi vị thế gian trú trì Tăng bảo.

– Và an cư là pháp truyền thống để trau dồi giới-định-tuệ của Tăng đoàn, đệ tử đức Thế Tôn trong ba đời.

Ý nghĩa pháp an cư như vậy, không phải chỉ được thực hành bởi Thanh Văn Tăng mà còn phải thực hành bởi Bồ-tát Tăng nữa (4).

Thanh Văn Tăng là Tăng chỉ thọ và hành trì theo Biệt giải thoát luật nghi, nhằm phòng hộ và giải thoát theo từng đối tượng cá biệt của các loại phiền não do duyên xúc và thọ, mà ái, thủ, hữu sinh khởi hay do duyên vô minh và hành, mà phiền não và các đối tượng của phiền não khởi sinh làm vẩn đục đời sống giải thoát hay đời sống chính mạng vốn thiết lập trên nền tảng của Tứ thánh chủng. Tứ thánh chủng là pháp hành của vị Tỳ-kheo, pháp hành ấy đã được đức Thế Tôn cụ thể hóa từ bản thể tịch diệt, thanh tịnh của Niết bàn.

Bồ-tát Tăng, là Tăng không những chỉ hành trì đầy đủ Biệt giải thoát luật nghi như Thanh Văn Tăng, mà còn thọ và hành trì Đại thừa Bồ-tát giới, tức là giới làm lợi ích cho hết thảy muôn loài, lấy bồ-đề tâm làm bản

thể và tác nhân, lấy bồ-đề quả làm định hướng cho bồ-đề nguyện và bồ-đề hạnh.

Bất cứ xứ sở nào, các Tỳ- kheo cùng nhau tu tập, cùng nhau hòa hợp để an cư, sống bằng đời sống hòa hợp và thanh tịnh, thì xứ sở ấy, xem như Phật, Pháp, Tăng, có mặt đúng ý nghĩa, làm chứng cứ cho niềm tin của chư Thiên và loài người đối với chính pháp.

Nội Dung Pháp An Cư

Các Tỳ-kheo thực hành pháp an cư, là biểu hiện mẫu mực đời sống ly dục, tịch tịnh của một vị A-la-hán. Đời sống ấy được thực hành miên mật đầy đủ bốn chất liệu thanh tịnh, gồm:

– Thanh tịnh về biệt giải thoát luật nghi: Ấy là hành trì đầy đủ đối với các học giới của một vị Tỳ-kheo mà pháp và luật đã quy định, khiến cho ngay cả những học giới quy định những điều nhỏ nhặt như trăm pháp chúng học, cần phải thực hành bởi một Tỳ-kheo cũng không bị tỳ vết, rạn nứt và sứt mẻ.

– Thanh tịnh về các căn môn: Vị Tỳ-kheo có đầy đủ giới hạnh, vị ấy luôn hành trì thanh tịnh đối với các quan năng nhận thức, khiến cho các quan năng nhận thức luôn luôn ở trong sự phòng hộ và thanh tịnh. Chẳng hạn, khi mắt tiếp xúc với sắc, vị Tỳ-kheo có đầy đủ giới hạnh, gồm có niệm và giác, khiến cho sắc không thể khuấy động tâm ý và tâm ý không khởi lên các cảm thọ thèm khát và chiếm hữu.

Cho đến tai nghe thanh trần, mũi ngửi hương trần, lưỡi nếm vị trần, thân xúc với xúc trần và ý tiếp xúc với pháp trần, đều luôn luôn có niệm và giác, khiến cho các trần tướng ấy, không thể khuấy động tâm thức qua các quan năng nhận thức, khiến tâm thức luôn được an trú ở trong sự thanh tịnh.

– Thanh tịnh về mạng: Thanh tịnh về mạng, chính là thanh tịnh về sự nuôi dưỡng đời sống, tức là sống theo Bốn thánh chủng.

Thánh chủng là dòng giống cao quý của các bậc thánh hay của những bậc giác ngộ. Xã hội Ấn Độ bấy giờ có bốn giai cấp. Giai cấp Bà-la-môn hay giáo sĩ là giai cấp nuôi dưỡng đời sống bằng sự tế tự thần linh; giai cấp Vua chúa nuôi dưỡng đời sống bằng những vũ khí quyền lực và chính trị; giai cấp Phệ-xá hay thương gia, nuôi dưỡng đời sống bằng sản xuất, buôn bán cạnh tranh trao đổi hàng hóa và giai cấp Thủ-đà-la nuôi dưỡng đời sống bằng nghề làm thuê hay nô lệ.

Đời sống của các đệ tử Thế Tôn, nuôi thân bằng một bình bát, khất thực ngày một bữa đúng ngọ, ngủ nghỉ qua đêm dưới gốc cây, nơi rừng vắng hay ở những hang động, che thân bằng ba y phấn tảo, trị bệnh của thân bằng các dược liệu của cỏ cây. Sống cuộc đời ít ham muốn, biết vừa đủ để tinh

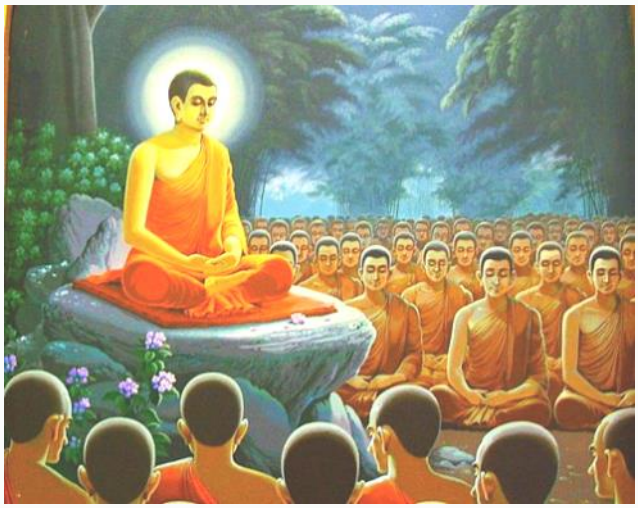

cần đoạn trừ các dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu ở nơi tâm, và nuôi tâm bằng các pháp vô lậu, nhằm hướng tới đời sống ly dục, tịch tịnh tối thắng của Niết-bàn.

– Thanh tịnh về niệm: Thanh tịnh về niệm là thanh tịnh về chính niệm, tỉnh giác. Nghĩa là vị Tỳ-kheo, luôn luôn có chính niệm, tỉnh giác trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Khi bước tới hay bước lui, đứng lại, nằm hay ngồi, hoặc mọi động tác co duỗi của thân thể, vị ấy đều có chính niệm tỉnh giác đối với chúng.

Khi ăn, uống, đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc các cảm thọ, các chủng tử tâm, hành, nội pháp và ngoại pháp hiện khởi và ẩn tàng như thế nào, vị Tỳ-kheo đều biết rõ chúng đang diễn ra như thế ấy. Và do thực tập niệm thanh tịnh, khiến cho đời sống của một vị Tỳ-kheo đệ tử của Thế Tôn luôn luôn ở trong sự thanh tịnh với đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, có khả năng đoạn trừ tất cả những loại phiền não thô phù và tinh tế, làm dẫn sinh các thánh quả giải thoát.

Vậy, pháp an cư của Tăng là cơ hội tốt để cho các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, thực tập bốn sự thanh tịnh nầy một cách miên mật ở trong chính niệm tỉnh giác hay ở trong thiền định. Nói cách khác, an cư là để cho các Tỳ-kheo và các Tỳ- kheo-ni an trú tại một trú xứ nhất định để thực hành vững chãi đối với bốn sự thanh tịnh.

Nên, kinh Chính pháp Niệm xứ nói rằng: "Vào thời kỳ an cư mùa mưa, các Tỳ-kheo ngoại trừ việc đi đại tiện và tiểu tiện, còn tất cả đều ngồi kiết già tại chỗ để tu tập thiền định" (5).

Kỳ Hạn Thọ Và Xả Pháp An Cư

Kỳ hạn an cư của Tăng đoàn đệ tử Thế Tôn, ngày nay không nhất định, vì tùy theo khí hậu và lịch biểu từng vùng. Tăng đoàn các nước Phật giáo Nam phương như Tích

Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, v.v… bắt đầu an cư vào ngày mười sáu tháng sáu, theo lịch Trung Quốc. Và Tăng đoàn Phật giáo các nước Bắc phương như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam,… bắt đầu an cư vào ngày mười sáu, tháng tư theo lịch Trung Quốc.

Tăng đoàn Phật giáo Bắc phương an cư vào thời gian trên là do dựa vào bản kinh Vu Lan. Theo kinh này, thì ngày rằm tháng bảy là ngày Tự tứ của Tăng.

Theo Luật tạng của Thanh Văn Tăng, chỉ qui định mỗi năm vào mùa hạ là mùa an cư của Tăng và chỉ có một ngày tự tứ cho Tăng, sau khi đã an cư mà thôi và các Tỳ-kheo lấy tuổi hạ làm tuổi của giới đức.

Có hai hạn kỳ an cư, gọi là tiền an cư và hậu an cư. Tiền an cư là an cư vào phần đầu của mùa hạ, tức là an cư vào ngày mười sáu tháng tư, theo lịch Trung Quốc, cho Tăng đoàn Bắc phương. An cư từ mười bảy tháng tư đến hết mười sáu tháng năm theo lịch Trung Quốc gọi là thời kỳ hậu an cư. Hậu an cư cũng có hai thời kỳ, gọi là trung an cư và hậu an cư.

Trung an cư bắt đầu từ ngày mười bảy tháng tư, đến hết ngày mười lăm tháng năm. Hậu an cư là bắt đầu ngày mười sáu tháng năm.

Thời hạn tiền an cư theo truyền thống Tăng đoàn Bắc phương là bắt đầu từ ngày mười sáu tháng tư và đến mười lăm tháng bảy âm lịch là kết thúc.

Nếu hậu an cư, kể từ mười bảy tháng tư thì đến ngày mười sáu tháng bảy âm lịch là kết thúc. Và nếu an cư sau ngày mười bảy tháng tư, thì sau đó phải tính đủ chín mươi ngày để kết thúc pháp an cư (6).

Tác Pháp An Cư

Các chùa hay các tự viện của Tăng, phần nhiều đều có tác pháp yết-ma kết cương giới của trú xứ, để thuận tiện cho sự tu học và tiến hành các pháp thuộc về tăng sự của trú xứ, thì khỏi phải tác pháp yết-ma để kết đại giới của trú xứ an cư. Nếu trú xứ nào chưa có kết đại giới của trú xứ, thì khi Tăng an cư phải tiến hành pháp yết ma kết đại giới của trú xứ an cư, trước khi tiến hành pháp an cư của Tăng.

Nếu cương giới trú xứ trước đó đã kết quá nhỏ, nay lượng Tỳ-kheo an cư của Tăng trong trú xứ quá lớn, cần nới rộng cương giới của trú xứ cho thích hợp, thì Tăng phải tiến hành tác pháp giải cương giới cũ, sau đó mới tiến hành tác pháp kết lại cương giới mới rộng hơn. Sau khi nhắc lại cương giới cũ của trú xứ hoặc tiến hành tác pháp yết-ma kết cương giới mới của trú xứ, Tăng mới tiến hành tác pháp an cư như sau:

Tăng tiến hành tác pháp an cư có hai loại:

1. Tác pháp an cư của hàng Thượng tọa

Tác pháp hàng Thượng tọa không có y chỉ luật sư, vì hàng Thượng tọa là bắt buộc phải thông hiểu luật và phải trì luật để làm chỗ y chỉ cho các hàng trung tọa và hạ tọa.

Hàng Thượng tọa tác pháp thọ an cư bằng đối thú. Nghĩa là vị thượng tọa nầy đối diện với vị thượng tọa kia hoặc quỳ, hoặc đứng để tác pháp thọ an cư.

Văn tác bạch thọ an cư của hàng Thượng tọa như sau:

"Đại đức nhất tâm niệm. Tôi Tỳ kheo,… nay y (tên của trú xứ an cư) Tăng già-lam, an cư ba tháng đầu của mùa hạ. Nếu phòng xá có hư hại, sẽ tu bổ" (7) (Bạch ba lần).

2. Tác pháp an cư của đại chúng

Tác pháp thọ an cư của đại chúng là phải có vị luật sư cho đại chúng y chỉ, để vị luật sư luôn nhắc nhở, hướng dẫn cho những Tỳ-kheo ở trong đại chúng chưa thông suốt luật, phải y luật hành trì đúng theo pháp an cư và xử trị đối với các Tỳ-kheo an cư không như Thọ an cư đại chúng theo thứ tự lớn nhỏ, Tỳ-kheo có tuổi hạ lớn nhất trong đại chúng tác bạch thọ an cư trước, tuần tự cho đến vị Tỳ-kheo hạ tọa sau cùng. Vị thọ an cư đảnh lễ Thượng tọa y chỉ luật sư một lạy, rồi quỳ xuống tác bạch, văn tác bạch như sau:

"Đại đức nhất tâm niệm. Con Tỳ-kheo… nay y nơi (nói tên của trú xứ) Tăng già-lam an cư ba tháng đầu của mùa hạ, nếu phòng xá có hư hại, sẽ tu bổ".

Thượng tọa nói: "Vậy, hãy cẩn thận chớ buông lung".

Người thọ, đáp: "Y giáo phụng hành". Thượng tọa hỏi tiếp: "Y vị nào làm luật sư?". Người thọ đáp: "Y (nói hiệu của vị luật sư y chỉ) làm luật sư". Thượng tọa nói: "Có điều gì nghi ngờ, nên đến hỏi". Người thọ đáp:

"Kính vâng". Và lễ Thượng tọa ba lễ, lui về chỗ cũ, đợi những vị khác thọ xong và cùng hồi hướng.

Trong trường hợp có những trú xứ chỉ một Tỳ-kheo, không có ai để y chỉ, Tỳ-kheo ấy được phép tác pháp tâm niệm an cư. Vị ấy đến trước hình tượng của đức Phật hay chính điện, kính Lễ như pháp và tác bạch như sau:

"Con Tỳ-kheo,… nay y nơi (nói tên trú xứ) an cư ba tháng đầu của mùa hạ" (bạch ba lần).

Cảm Nhận Và Kế Thừa

Ở trên trời và dưới đất hay bất cứ ở đâu trên thế gian này, không thể có một ai trồng quýt mà lại thu được quả cam. Cũng vậy, ở trên trời và dưới đất không một ai có quyền

cho ta hạnh phúc, khi mà ta đã gieo nhân bất thiện và không một ai có quyền làm cho ta đau khổ, khi ta đã gieo xuống mảnh đất tâm của ta những hạt giống lành của Bồ-đề và đại nguyện. Hạnh phúc của ta thực sự chỉ có mặt, khi thân ta hành thiện, miệng ta nói thiện và tâm ta luôn luôn an trú ở trong điều thiện của Bồ- đề và đại nguyện ấy.

Giới luật, uy nghi và các pháp hành khác của Tăng như bố-tát, an cư, tự tứ cũng vậy, chúng có tác dụng giúp cho các Tỳ-kheo thực hành đời sống xuất gia và sinh khởi các thiện pháp giải thoát cho họ. Trong Tăng đoàn có nhiều Tỳ-kheo thành tựu được tâm giải thoát và tuệ giải thoát là Tăng đoàn vững mạnh, làm chỗ quy tín cho hàng cư sĩ tại gia và khiến cho ma quân chuyển đổi tà tâm, khởi sinh chính tín đối với Tăng.

Vì vậy, ở trú xứ nào có các Tỳ-kheo bố-tát, an cư và tự tứ đúng pháp, đúng luật, đúng thời, thì ở trú xứ đó có Tăng bảo thường trú, nhằm khẳng định sự có mặt của chính pháp một cách hiện thực, làm ngọn đuốc soi đường cho thế gian trong đêm dài tăm tối. Nên, pháp an cư của Tăng không phải mang một ý nghĩa hình thức, mà đó là một pháp hành, chuyển tải một nội dung thanh tịnh và trong sáng, đầy đủ các chất liệu của Giới, Định và Tuệ mà phận sự của các Tỳ- kheo phải miên mật hành trì, để kế thừa dòng mạch tâm linh cao cả của chính pháp, khiến cho dòng chảy ấy không bao giờ bị đứt đoạn giữa thế gian này.

---

(1) Phật Thuyết Tam Chuyển Pháp Luân kinh, Tạp, tr 504, Đại Chính 2.

(2) Giới kinh của đức Phật Thích-ca, mười hai năm đầu, kể từ khi thành đạo, theo Tứ Phần Luật, Đại Chính 22.

(3) Tứ Phần Luật 37, An cư kiền-độ, tr. 830b, Đại Chính 22. Pàli, A, A, ii 97.

(4) Phạm Võng Kinh, tr 1008a, Đại Chính 24.

(5) Dẫn theo Tứ Phần Luật San Phiền Bổ Khuyết Hành Sự Sao, tr 58a, Đại Chính 40.

(6) Theo Luật Tứ Phần 58, có ba thời kỳ an cư: – Tiền an cư – Trung an cư – từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 8., tr 451b10, Đại chính 22.

(7) Tứ Phần 37, tr 380, Đại Chính 22.

TÂM THÀNH ĐẢNH LỄ

Trăng vàng, nước bạc, rặng núi xanh
Người tu hờ hững với công danh
Giới đức vun bồi tâm thanh tịnh
Xa lìa ngũ dục sống cao thanh
Giáo hóa chúng sanh theo chánh đạo
Thuyết pháp, giảng kinh độ muôn người
Bát Nhã Tâm Kinh khai mở trí
Soi sáng mấy ngàn năm tối tăm
Giác tánh chân như không tức sắc
Ba đời sanh-tử quyết dừng ngăn!

Cao tăng nhập thế độ quần sanh
Nhiều đời nối gót Thích Ca Văn
Trời khuya chong đèn nghe Viên Giác
Tâm thành đảnh lễ tôn đức Tăng.

CHUÔNG NGÂN

Nếu không có tiếng chuông ngân
Làm sao ta sống tới khi xuân chiều
Gió rung, cành đập, cây nghiêng
Thổi vào tâm thức sáng, chiều, ngày, đêm
Tàn thu cảnh vật tiêu điều
Cành trơ, lá rụng, bên thềm hoa rơi
Thân này cũng thế mà thôi
Sống chỉ là chết tả tơi mấy hồi
Chỉ có Phật Pháp sống đời
Người tu đi, đứng, nằm, ngồi an nhiên
Chim bay gọi bước chân về
Màng chi thế giới hão huyền diệt-sanh
Chân như tánh Phật thường chân
Trả về quán trọ tháng ngày phù hoa.

thơ DIỆU VIÊN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

HÒA THƯỢNG THÍCH PHƯỚC SƠN VỚI VĂN HÓA & GIÁO DỤC

HT. Thích Như Điển

Kể từ khi con người mới bắt đầu xuất hiện trên quả địa cầu nầy. Trong trang nghiêm kiếp của quá khứ, hiền kiếp của hiện tại, hay tinh tú kiếp của tương lai thì sự tu học của chư Tăng Ni và Phật tử vẫn là những điều kiện cần thiết để xiển dương giáo lý Phật đà. Nhằm tiếp nối tinh hoa tuệ giác siêu việt của chư Phật, chư Bồ tát, chư vị Tổ sư đã kinh qua trong suốt nhiều đời, nhiều kiếp mới có được sự kế tục đến ngày hôm nay. Nếu dùng thời gian hiện tại của kiếp nầy, kể từ thời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giáng thế đến nay chỉ trên 2.500 năm, mà chúng ta đã có vô số văn kiện và dữ liệu để tham cứu học hỏi, tu niệm, và cần bàn đến. Gần gũi và trung thực nhất là hai bộ thánh điển Phật giáo của truyền thống Nam và Bắc truyền. Nếu căn cứ theo đó để nghiên cứu thì chúng ta sẽ có một đáp án tương đối chính xác để ghi nhận những giá trị về Văn hóa và Giáo dục xuyên qua nhiều tâm lực và nguyện lực của các bậc tiền nhân.

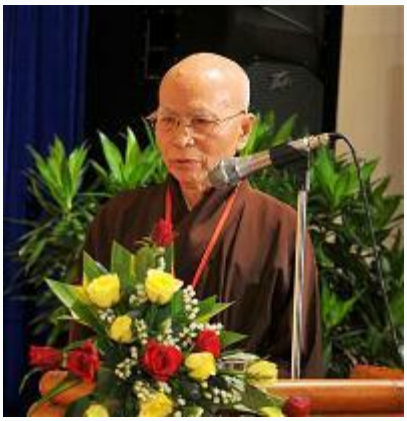

HT. Thích Phước Sơn

Bộ Đại tạng kinh Nam truyền được xuất bản bằng cổ ngữ Pāli 58 tập bởi Hội đồng Kinh tạng Pāli (Pāli Text Society) do Thomas William Rhys Davids thành lập vào năm 1881 tại Anh quốc. Sau đó, bộ Đại tạng này được dịch ra nhiều thứ tiếng khác như Anh, Pháp, Đức, Nhật, và Hán, cũng đã được xuất bản cho đến nay. Tạng Luật (Vinaya piṭ aka) từ tập 1 – 9; tạng Kinh (Suttanta piṭ aka) từ tập 10 – 45; tạng Luận (Abhidhamma piṭ aka) từ tập 46 – 58. Tạng kinh hay còn gọi là năm bộ Nikāya, gồm: Trường bộ kinh (Dīgha nikāya) 3 tập, Trung bộ kinh (Majjhima nikāya) 3 tập, Tương ưng bộ kinh (Saṃ yutta nikāya) 5 tập, Tăng chi bộ kinh (Aṅ guttara nikāya) 6 tập, và Tiểu bộ kinh (Khuddaka nikāya) 17 tập. Cố Hòa thượng Thích Minh Châu dịch thẳng từ tiếng Pāli sang Việt ngữ gồm Trường bộ, Trung bộ, Tương ưng bộ và Tăng chi bộ. Riêng Tiểu bộ kinh do Giáo sư Nguyên Tâm - Trần Phương Lan dịch thẳng từ tiếng Anh sang Việt ngữ. Bộ Đại tạng này vẫn còn thiếu phần Luật và Luận chưa được đưa vào Đại tạng kinh Việt Nam, thực tế, các Sư bên Phật giáo Nam truyền đã dịch sang Việt ngữ.

Từ 1965 trở đi, văn học Pāli được đưa vào nội dung giảng dạy tại Phân khoa Phật học của Viện Đại học Vạn Hạnh. Nguồn văn học Pāli đóng vai trò tối quan trọng đối với việc nghiên cứu lời dạy của đức Phật và đối chiếu dịch thuật Hán tạng. Năm bộ Kinh tạng xuất bản đã phần nào đáp ứng nhu cầu nghiên cứu làm tài liệu chuẩn mực cho hàng Tăng Ni, Phật tử và giới nhân sỹ trí thức Phật giáo Việt Nam. Quả thực, việc Đại tạng kinh Nam truyền được xuất bản bằng tiếng Việt không chỉ làm cơ sở ở phương diện học thuật, mà quan trọng hơn thế nữa là giúp cho Tăng Ni và Phật tử Việt Nam tiếp xúc được với nền văn học Phật giáo chính thống từ kim khẩu của đức Thế Tôn tuyên thuyết. Đại tạng Nam truyền viết bằng ngôn ngữ Pāli được xem là văn bản cổ xưa và nguyên chất của đạo Phật.

Bắc truyền có khá nhiều bộ Đại tạng khác nhau ở các quốc gia Phật giáo đại thừa như Tây Tạng, Trung Quốc, Cao Ly, Hàn Quốc, và Nhật Bản. Ở Đại lục đã có Đại tạng kinh khá sớm và trải qua nhiều lần biên tập, khảo đính.

HT. Thích Tịnh Hạnh

HT. Thích Như Điển

Bộ Đại chánh tân tu Đại tạng kinh (Taisho Shinshu Daizokyo) hiện đang lưu hành bằng chữ Hán phồn thể đã được nhiều lần hiệu đính và được xem là bộ Thánh điển Phật giáo đáng tin cậy và đầy đủ về phương diện học thuật lẫn nội dung. Quí Tôn đức Tăng Ni, những nhà Phật học ở các nước theo truyền thống Đại thừa và ngay cả các giáo sư ở Âu Mỹ đều dùng bộ Thánh điển này để làm tư liệu nghiên cứu trong việc giảng dạy cũng như sự tu học.

Đại chánh tân tu Đại tạng kinh gồm 100 tập, trong đó có 85 tập về nội dung kinh luật luận cùng các sớ giải và 15 tập sau là phần mục lục. Mỗi quyển độ dày mỏng khác nhau và thường mỗi trang chia ra làm ba cột trên, giữa và dưới. Nếu dịch một trang chữ Hán ra tiếng Việt sẽ trở thành 4 đến 5 trang giấy khổ A4. Tổng quát nội dung như sau:

Quyển 1 & 2 thuộc bộ A-hàm. Quyển 3 & 4 thuộc bộ Bản duyên. Quyển 5 đến quyển 8 thuộc bộ Bát nhã. Quyển 9 & 10 thuộc bộ Pháp hoa và Hoa nghiêm. Quyển 11 & 12 thuộc bộ Bảo tích và Niết bàn. Quyển 13 thuộc Đại tập bộ. Quyển 14 đến 17 thuộc Kinh tập bộ. Quyển 18 đến quyển 21 thuộc Mật giáo bộ. Quyển 22 đến quyển 24 thuộc Luật bộ. Quyển 25 & 26 thuộc Thích kinh luận bộ. Một phần quyển 26 đến quyển 29 thuộc Tỳ đàm bộ. Quyển 30 thuộc Trung quán bộ. Một phần quyển 30 đến quyển 31 thuộc Du già bộ. Quyển 32 thuộc Luận tập bộ toàn. Từ quyển 33 đến quyển 39 thuộc Kinh sớ bộ. Quyển 40 thuộc Luật sớ bộ. Một phần của quyển 40 đến quyển 44 thuộc Luận sớ bộ. Một phần quyển 44 đến quyển 48 thuộc Chư tông bộ. Từ quyển 49 đến hết quyển 52 thuộc Sử truyện bộ. Quyển 53 & 54 thuộc Sự vị (vựng) bộ. Một phần của quyển 54 đến hết quyển 54 thuộc Ngoại bộ giáo toàn. Quyển 55 thuộc Mục lục bộ toàn. Từ quyển 56 đến quyển 61 thuộc Tục kinh sớ bộ. Quyển 62 thuộc Tục luật sớ bộ toàn. Từ quyển 63 đến quyển 70 thuộc Tục luận sớ bộ. Một phần quyển 70 đến quyển 84 thuộc Tục chư tông bộ. Một phần của quyển 84 thuộc Tất đàm bộ. Quyển cuối cùng thuộc Cổ dật bộ toàn và Nghi tợ bộ toàn. Trong tổng thể kinh, luật, luận từ quyển số 1 đến quyển 54 có tất cả là 2.144 bài kinh.

Từ năm 1993, cố Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh phát đại nguyện phiên dịch bộ đại tạng này sang tiếng Việt. Sau hơn 20 năm làm việc với sự cộng tác của nhiều Tôn túc, bộ Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh bằng tiếng Việt được xuất bản tại Taiwan. Bộ này dịch trực tiếp từ tiếng Hán của Đại chánh tân tu Đại tạng kinh từ tập 1 đến 54. Một phần sau của tập 54 và từ tập 55 đến 85 gồm các nội dung Mật giáo chưa được dịch. Bộ Linh Sơn Pháp Bảo lần đầu đã xuất bản được 187 tập, in mỗi tập 500 cuốn gửi tặng thư viện ở các chùa cho việc nghiên cứu học hỏi về lời dạy của đức Phật.

Từ tập 188 đến tập 202 đang giáo chánh lỗi chính tả cũng như một vài nơi dịch sai hay thiếu sót. Hy vọng trong thời gian gần Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh sẽ xuất bản đủ 54 tập của Hán văn sang 202 tập bằng Việt ngữ. Mặc dầu đây chưa phải là bộ Đại tạng kinh bằng tiếng Việt hoàn hảo, nhưng dẫu sao đi nữa đó là công trình văn hóa giáo dục rất đáng được kính trọng bởi một sự cố gắng tuyệt vời của cố Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh, Ngài đã làm việc bằng tâm và nguyện lực từ năm 1993 cho đến ngày viên tịch 10/04/2015, ở tuổi 81.

Tôi có cơ duyên được các đệ tử thân tín cố Hòa thượng Tịnh Hạnh nhờ hiệu đính lại lỗi chính tả từ tập 188 đến 202 chưa xuất bản. Ngồi đọc những lời Phật dạy qua

những trang kinh, tôi cảm thấy rất hay và ý vị. Nơi đây tôi trình bày một phần hội thoại trong kinh văn thứ 2.088, quyển 54 của Đại chánh tân tu đại tạng kinh (Taisho Shinshu Daizokyo), phần Thích ca Phương Chí. Bộ Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng kinh, tập 190, bộ Sử truyện 12, trang 1255. Đại ý nói về ngài Khương Tăng Hội và Ngô Tôn Quyền như sau:

"…. vào năm 241 nhằm năm Xích Ô thứ 4, Ngô Tôn Quyền muốn biết sự linh dị của Phật pháp; nên ngài Khương Tăng Hội đã cho lập đàn cầu nguyện suốt 21 ngày đêm. Đến ngày thứ 21 xá-lợi ngũ sắc của Đức Phật sáng chói khắp nơi tại đàn cầu nguyện. Sau đó để chứng minh cho Ngô Tôn Quyền thấy sự linh ứng của xá-lợi, ngài Khương Tăng Hội đã cho bỏ vào cối để giả nhưng xá-lợi vẫn không nát, đập khổng vỡ. Từ đó, Ngô Tôn Quyền đem lòng tin và dựng tháp để thờ."

"Một hôm Ngô Tôn Quyền hỏi Hám Trạch về sự cao cả của phép Phật, Hám Trạch nói rằng: 'Nếu đem sự sâu xa của hai nhà Khổng Tử và Lão Tử để sánh với sự sâu xa của Phật pháp thì rất xa vậy.

Tại sao? Lão Tử thiết lập giáo, phép tắc tại trời chế định, chẳng dám trái với trời; còn chư Phật thiết lập giáo, phép trời phụng hành, không dám trái với Phật. Lấy đó để nói thì thật chẳng thể đối sánh rõ ràng vậy.' Tôn Quyền vui mừng lấy Hám Trạch làm Thái tử Thái Phó…"

Như tất cả chúng ta đều biết ngài Khương Tăng Hội là sơ Tổ thiền tông của Phật giáo Việt Nam, người Giao Châu. Đầu thế kỷ thứ ba (năm 241) qua Trung Quốc giáo hóa, Ngài đã mang văn hóa Phật giáo đến giảng dạy cho người Trung Hoa, một đất nước thấm nhuần nền đạo Khổng và Lão lâu đời. Giáo lý thâm sâu của Phật đà cộng với sự tu chứng của Tổ sư Khương Tăng Hội đã khiến cho Hám Trạch xin quy y Tam bảo và Ngô Tôn Quyền thì dựng tháp để thờ xá-lợi.

Qua câu chuyện trên cho chúng ta thấy đạo Phật xa hơn đạo Khổng và đạo Lão biết dường nào. Nhờ vậy, Phật giáo đã được các triều đại vua chúa luôn hộ trì suốt mấy ngàn năm qua chưa bao giờ chấm dứt. Ngày nay, những lời dạy của đức Phật đã được giới thiện trí thức, nhà khoa học, xã hội học đón nhận một cách nồng nhiệt và trân trọng, bởi vì càng nghiên cứu và thực tập thì càng thấy đạo Phật đúng với khoa học, đáp ứng được nguyện vọng của con người. Đặc biệt, trong thời đại mà con người đang đối diện với những thách thức về sức khỏe tinh thần, thì thiền chánh niệm của Phật giáo như một phương thuốc hữu hiệu nhất để xoa dịu và chữa lành căn bệnh này.

Giáo lý của đức Phật được lan tỏa khắp nơi trên địa cầu này chính là nhờ công sức lớn lao của nhiều bậc Tôn túc từ quá khứ đến hiện tại không ngừng nỗ lực gìn giữ phát huy lời dạy của đức Thích Tôn. Do vậy, chúng ta là hàng Thích tử phải có bổn phận nối tiếp ngọn đèn Chánh pháp nầy qua việc tu và việc học để xiển dương nền Đạo học luôn được tồn tại trên nhân gian nầy.

Những năm tôi sang hoằng pháp tại Hoa kỳ, Đại đức Thích Minh Hải có đến thăm tôi, được biết Đại đức là đệ tử chân truyền của cố Hòa thượng Thích Phước Sơn (1938-2020). Đại đức đang sưu tập các tư liệu làm tập Kỷ yếu để cúng dường Tôn sư của mình, nên Đại đức đã gửi thư thỉnh mời tôi viết một bài về Văn hóa và Giáo dục Phật giáo liên hệ đến cuộc đời và đạo nghiệp của cố Hòa thượng Phước Sơn.

Sau khi xem tiểu sử của cố Hòa thượng và hồi tưởng trong ký ức, tôi nhận ra rằng cố Hòa thượng Phước Sơn đã dành trọn cuộc đời của mình trong hai lĩnh vực Văn hóa và Giáo dục xuyên suốt tám mươi bốn năm hiện hữu ở cõi đời. Ngài đã có nhân duyên xuất gia và thọ ân giáo dưỡng với cố Hòa thượng Trí Thủ, một vị Thầy vĩ đại của Phật giáo Việt Nam; được ngồi dưới mái trường Phật học viện Hải Đức - Nha Trang, nơi đã đào tạo nhiều danh Tăng của hậu bán thế kỷ hai mươi tại Trung phần nước Việt. Sau khi vào miền Nam - 1976, Ngài đã gắn bó cuộc đời mình với cố Hòa thượng Minh Châu trong việc giảng dạy tại Đại học Vạn Hạnh và Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam từ buổi sơ khai cho đến ngày viên tịch.

Bên cạnh việc giảng dạy Ngài đã dành nhiều thời gian để dịch các tác phẩm văn học Hán tạng sang Việt ngữ. Ngài đã để lại không biết bao nhiêu là công trình biên khảo và dịch thuật có giá trị. Những cuốn sách của Ngài trở thành giáo trình giảng dạy cho Tăng Ni ở các Phật học viện trong nước ngày nay. Nhiều thế hệ Tăng Ni đang hành đạo trong nước và hải ngoại cũng thọ ân giáo dưỡng của Ngài.

Bản thân tôi kể từ ngày rời quê hương năm 1972 đi du học tại Nhật Bản và năm 1977 định cư tại Đức quốc, tôi ít có cơ hội tiếp xúc hay trò chuyện với quý Tôn túc ở quê nhà. Chúng tôi chỉ giao tiếp với

nhau trên lĩnh vực văn hóa, thi thoảng tôi tìm đọc các tác phẩm của Ngài đâu đó trên mạng lưới internet hay các Phật tử quê nhà gửi sang Viên Giác cho tôi, và tôi được biết trong thư phòng của Ngài cũng có những cuốn sách của tác giả Thích Như Điển.

Cuộc đời và hành trạng của cố Hòa thượng Phước Sơn sống đơn giản, vui thú với đèn sách kinh thi sớm chiều, không chùa chiền hay danh phận gì cả. Nếu có, đó là những tác phẩm văn hóa mang đậm nét nhân văn giải thoát của đức Phật và những lời dạy của Ngài ở các Phật học viện cho Tăng Ni. Chỉ ngần ấy thôi chúng ta cũng đã phải cung kính ngưỡng vọng hướng về Ngài. Vì đó là bản hoài của Đức Thế Tôn dạy cho hàng Thích tử "hãy là người thừa tự chánh pháp, chứ đừng thừa tự tài vật."

Hàng tứ chúng ngày nay thừa hưởng gia tài giáo pháp của đấng Giác ngộ chính là nhờ công lao của những bậc tiền bối ghi lại lời dạy của Đức Phật trên lá bối để lưu truyền cho nhân thế. Các vị Tổ sư trong quá khứ đã không ngừng nỗ lực gìn giữ gia tài chánh pháp để không bị mai một. Công trình văn hóa giáo dục ấy đã được các bậc Tôn túc tiếp nối một cách tuyệt đẹp từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhờ thừa tự Pháp nầy mà nhân loại đã, đương và sẽ nối truyền mãi mãi không còn giới hạn bởi thời gian và không gian nữa.

Ngày sau và ngày sau nữa, ở đâu đó trong thư viện của Phật học viện hay ở chốn tùng lâm, người đọc sẽ tìm thấy những cuốn sách của tác giả Thích Phước Sơn. Hay thay, ngôn từ chuyên chở tư tưởng trong sách ấy có thể giúp cho ai đó cải tà qui chánh, trở thành người lương thiện giúp ích cho tự thân, gia đình, và xã hội trở nên thánh thiện. Quí lắm thay! Mong Ngài còn có cơ duyên với trần thế nầy hãy hội nhập Ta bà để hóa độ quần sanh.

Viết xong 25.10. 2020 tại
Thư phòng chùa Viên Giác,
Hannover, Đức Quốc

NÓI VỚI CON

Nguyễn Phi Khanh xoa mái đầu con trẻ
Nhìn xa xăm đường cố quốc mịt mù
Cùm nặng trĩu trên bờ vai nhỏ bé
Vạt áo tù… phơ phất gió biên khu

Nguyễn Trãi con! Nơi đây là giới tuyến
Trở lại đi! Về lãnh thổ Nam bang
Hãy thắp sáng trong lòng muôn ngọn nến
Tạo niềm tin khôi phục lại giang san

Gông cùm cha như xích xiềng sông núi
Muôn dân đen rên siết kiếp tôi đòi
Mong một sớm non sông bừng mở hội
Minh chúa ra đời, sao lại đổi ngôi

Về đi con! Trời phương Nam vượng khí
Vùng Lam Sơn đất hổ phục long tiềm
Rừng Mê Linh mài gươm rèn tướng sĩ
Dựng cơ đồ khởi nghiệp gót chinh yên

Con yêu quí! Đây là cầu biên giới
Chia tay đây rồi lui bước quay về
Nơi đất Bắc cha sẽ chờ tin mới
Cho mắt già bừng ánh nắng sơn khê

Nguyễn Trãi lạy cha nghẹn ngào nước mắt
Thôi cha đi! Con sẽ quyết vâng lời
Một lạy nầy đền ơn cha dưỡng dục
Một lạy thêm, tạ sông núi đắp bồi

Rồi từ đấy… mười năm dài khởi nghĩa
Phò minh quân Nguyễn Trãi dựng cờ đào
Sạch quân thù liên hoan mừng hội lớn
Nước thanh bình dân tộc ngẩng đầu cao…

thơ HỒ THANH NHÃ

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CUỘC KHỦNG HOẢNG HIỆN ĐẠI

JIDDU KRISHNAMURTI
HT. Thích Trí Chơn dịch Việt
Carlo Suarès dịch Pháp: 'SUR LA CRISE CONTEMPORAINE'

Thế giới hiện nay đang lâm vào cảnh khủng hoảng thật trầm trọng chưa từng có. Qua nhiều thế kỷ, nhân loại đã từng trải qua biết bao cơn khủng hoảng, nào khủng hoảng xã hội, khoảng hoảng quốc gia, khủng hoảng chính trị. Mỗi lần có cuộc khủng hoảng xảy ra như thế là nền kinh tế không tránh khỏi sự sụp đổ, xã hội bị xáo trộn, và còn gây nên nhiều biến cố khác. Mọi điều ai cũng biết rõ.

Nhưng cuộc khủng hoảng ngày nay, không như các cuộc khủng hoảng trên. Nó khác hẳn, trước tiên vì nó không phải là cuộc khủng hoảng tiền tệ hay vật phẩm mà là cuộc khủng hoảng về ý tưởng. Nó nằm trong phạm vi đào tạo những tư tưởng. Thật vậy, chúng ta đang chiến đấu cho những học thuyết chủ nghĩa. Khắp nơi trên thế giới đều phơi bày cho chúng ta thấy sự giết người như một phương tiện để đạt đến những mục tiêu luân lý; đó là điều mà ngàn xưa chưa từng có.

Quan niệm xưa cho tội ác là một điều xấu, giết người là vi phạm quyền sống của kẻ khác, nhưng ngày nay người ta cho sự sát hại một cá nhân hay một số người là hành động hợp lý, vì kẻ mưu sát cũng như nhóm người chủ trương giết chóc ấy, quan niệm rằng chính đó là phương tiện để đạt tới cứu cánh lợi ích cho nhân loại.

Chúng ta hy sinh hiện tại cho tương lai, và xem các phương tiện dù tàn ác đến đâu cũng không mấy cần thiết, miễn chúng ta tin rằng cứu cánh của chúng ta là toàn thiện. Tóm lại, chúng ta tin chắc rằng cần phải dùng những phương tiện tàn bạo nhất mới có thể thu đặng những thành quả tốt đẹp, và chúng ta dùng danh nghĩa và lý tưởng để biện minh cho những phương tiện đó là chính đáng.

Trước kia các cuộc khủng hoảng phát minh bởi sự khai thác những tài nguyên và bóc lột khả năng con người. Hiện tại khủng hoảng vì sự lạm dụng các học thuyết chủ nghĩa, nên càng khốc hại, nguy hiểm và phá hoại hơn. Ngày nay, chúng ta ai cũng đều thấy rõ lợi khí của tuyên truyền. Sự dùng chủ nghĩa học thuyết để lôi cuốn, cải đổi tư tưởng quần chúng này là một trong những tai họa lớn nhất cho nhân loại. Chúng ta thấy điều đó đã xảy ra khắp nơi. Con người không quan trọng đảng phái chủ nghĩa mới đáng kể. Cá nhân không có một chút giá trị gì. Họ có thể tàn sát hàng triệu người để mong đạt đến mục đích của họ, rồi họ lại đưa ra chiêu bài chủ nghĩa để bênh vực cho những hành động dã man đó là chính đáng.

Con người đề ra những lý thuyết chủ trương hay ho để biện minh cho mọi hành động bạo tàn phi luân của chính họ, thật là điều chưa từng thấy. Điều ác luôn luôn là điều ác, không bao giờ nó đem lại kết quả thiện. Chiến tranh không phải là con đường dẫn đến hòa bình. Nó có thể dâng hiến cho chúng ta những lợi ích tầm thường, chẳng hạn những chiếc phi cơ tối tân hơn, nhưng chiến tranh sẽ không bao giờ mang lại hòa bình cho chúng ta. Tuy nhiên, chiến tranh vẫn được tinh thần con người ngày nay cổ vũ xem như phương tiện thích đáng để kiến tạo hòa bình. Và khi nào chúng ta có ý niệm dùng chiến tranh để giải quyết các vấn đề nhân sinh, tưởng lúc ấy chúng ta khó tránh khỏi gây nên những cuộc khủng hoảng trầm trọng.

Cũng còn nhiều nguyên nhân khác đã tạo nên các cuộc khủng hoảng chưa từng có trên. Một trong những nguyên nhân đó là bởi chúng ta quá chú trọng đến những thú vui cảm giác, của cải riêng tư, danh vị đẳng cấp và các phù hiệu chúng ta mang bên ngoài: chúng ta tự xưng nào là tín đồ Hồi giáo, Ấn độ giáo, nào là đồ đệ của Các Mác, hoặc nhiều danh từ khác nữa. Chúng ta đã để ý nhiều đến những điều đó. Nói khác đi là con người chúng ta ngày nay hoàn toàn bị chi phối bởi lòng ham muốn những dục lạc, những tư sản tạo nên do sức cần lao trí óc hoặc chân tay của chúng ta.

Chúng ta tham đắm vào những của cải

TRỞ VỀ MỤC LỤC

vật chất đó đến nỗi chúng ta có thể bắn giết, đâm chém tiêu diệt lẫn nhau vì chúng. Bởi thế, hiện tại chúng ta như đang nằm ở trên bờ vực thẳm. Tất cả những hành động xấu của chúng ta đã đưa chúng ta đến đó. Mọi chủ trương (hoạt động) chính trị và kinh tế nhầm lẫn của chúng ta chắc không tránh khỏi xô chúng ta rơi vào hố sâu hỗn loạn và khổ đau.

Vậy thì, với cuộc khủng hoảng chưa từng có này, chúng ta buộc phải có những hành động thật hy hữu mới mong cứu vãn được mọi tình thế. Chúng ta phải can đảm làm một cuộc cải cách nội tâm mạnh mẽ như hành động của người ráng sức nhảy vượt qua một miệng hố. Và phải tự sửa đổi tức thì. Vì cuộc khủng hoảng chưa từng có, nên chúng ta cần phải có những hành động thật đại dũng. Trong vấn đề cải thiện cá nhân, chúng ta nên thực hành tức khắc, không thể hẹn chờ thời gian được. Nó phải thực hiện ngay bây giờ, không nên để đến ngày mai, vì ngày mai là vô thường thay đổi.

Nếu chúng ta có ý nghĩ đợi đến ngày mai mới cải thiện, tức chúng ta không tránh khỏi rước lấy sự hỗn loạn và mãi mãi rơi vào tình trạng suy sụp. Nhưng có thể sửa đổi bây giờ không? Chúng ta có thể tự mình hoán cải hoàn toàn tức khắc ngay giờ phút hiện tại không? Tôi chắc rằng có thể được lắm.

Cuộc khủng hoảng thật trầm trọng, và chúng ta chỉ có thể đạt đến kết quả trên bằng cách phải cải thiện những ý niệm của chúng ta. Sự cải thiện này, chúng ta phải tự mình thực hành lấy, chứ không thể nhờ thiên hạ, sách vở hay các tổ chức nào ngoài chúng ta làm giúp được. Mỗi chúng ta phải tự thực hiện sự sửa đổi ấy. Chỉ có như vậy, chúng ta mới mong xây dựng được một tổ chức mới, một xã hội mới, trong đó con người sống không còn khiếp sợ trước viễn tượng của những cuộc khủng hoảng suy sụp đang diễn tiến khắp nơi như hiện nay. Và sự cải thiện này chỉ có thể thực hiện khi mỗi cá nhân chúng ta bắt đầu biết tự giác lấy mình trong mỗi tình cảm, lời nói, việc làm và ý nghĩ.

Trích tác phẩm Pháp ngữ "La Première Et Dernière Liberté" (Sự Giải Thoát Đầu Tiên và Cuối Cùng)

(Nguồn: Sen Trắng Hoa Kỳ)

ĐE DỌA CỦA THỜI GIAN

nhớ lại những phương trình đầy ẩn số
như bụi mù che đam mê khuôn mặt
tờ lịch rơi xuống
nhắc nhở lời đe dọa của thời gian
thính giác bắt đầu phản bội
khi tiếng ngao từ con mèo tam thể không còn nghe rõ
ở cuối khu vườn lãnh địa của những con chim trốn gió
thị giác không nhận ra
thời gian đi qua
cũng già như những bạn đã đi xa
níu gọi niềm vui thật nhỏ
vô thường

lắc đầu quầy quậy
nhìn bức tranh lặng lẽ
nét hao gầy qua ngón tay cầm cọ
bí mật lắng trong màu mực
giấc mơ mọc lên từ những đóa hoa trên vải
căn phòng tân trang
đời sống đọng lại ở một phút giây
thanh âm thật nhẹ bên tai
mơ hồ

ngày trở lạnh mùa đông
nhóm lên chút lửa như một nhắc nhở bận lòng
lá vàng ngủ dưới chân
và giọng cười nhập nhằng kẻ làm thơ
múa bút đêm khuya
bàn luận chuyện thế gian phải trái
chút nhỏ nhoi trăng tàn níu lại
cơn gió lạnh hiên tôi bay sang
tiếc nuối

lời ru của ai trên nóc chuông và cổ tháp
âm vang như cổ tích đời xưa…

thơ THY AN

THEO CHÚNG NHẬP HẠ: VÌ Ở LÂU SINH DÍNH MẮC

Quảng Tánh

Mỗi năm, khi mùa mưa đến, chư Tăng Ni thường thu xếp mọi duyên để tập trung về một trụ xứ nhằm thực hiện phận sự an cư. Truyền thống an cư mùa mưa có từ thời Phật được chư Tăng Ni duy trì và tiếp nối cho đến tận ngày nay.

Thực hiện phận sự an cư, ngoài nhiệm vụ chính là buông xả ngoại duyên để tịnh hóa ba nghiệp, thành tựu ba học giới định tuệ thì hành giả an cư tập trung cũng thực thi hạnh "không ở hoài một chỗ".

Nhìn vào thực tế tu học trong mùa an cư hiện nay thì không phải người xuất gia nào cũng hội đủ duyên lành để an cư tập trung thanh thản trong suốt ba tháng dài đăng đẳng. Nhất là những vị có trách nhiệm quan trọng như trụ trì, tri sự thì xa chùa trong một thời gian khá dài lại càng khó khăn hơn, vì nhiều Phật sự tại chùa đang rất cần chư vị. Thế nên mới có chuyện tùng hạ, tức phát nguyện an cư tập trung nhưng vẫn ở tại trú xứ của mình, chỉ tham dự bố-tát tụng giới tại tịnh nghiệp đạo tràng mà thôi.

Tất nhiên, chúng ta hoan hỷ với những người chưa an cư tập trung vì những bộn bề Phật sự. Nhưng Đức Phật, ở một phương diện khác, Ngài khuyến cáo các Tăng Ni rằng nên đi an cư, chớ trụ một chỗ vì "không ở một chỗ có năm công đức", còn "ở hoài một chỗ, sẽ có năm điều phi pháp". Thì ra, ở lâu một chỗ sẽ sinh dính mắc, mà đã dính mắc thì dù thiện sự cũng bị kẹt nói gì đến những việc không phải là thiện sự. Chúng ta hãy cùng nghe Phật dạy về hạnh "không trụ" của người xuất gia như sau:

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo ở hoài một chỗ, sẽ có năm điều phi pháp. Thế nào là năm? Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý sẽ dính mắc vào nhà cửa sợ người khác chiếm đoạt; hoặc ý đắm mến tài sản lại sợ người chiếm đoạt; hoặc chứa nhiều vật giống như người đời; tham mến người thân, không muốn cho người khác đến nhà người mình thân; thường cùng cư sĩ qua lại. Đó là, này Tỳ-kheo! Người ở một chỗ có năm điều phi pháp này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nên cầu phương tiện, chớ trụ một chỗ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

- Người không ở một chỗ có năm công đức. Thế nào là năm? Không tham nhà cửa, không tham đồ vật, không chứa nhiều tài vật, chẳng dính mắc thân tộc, chẳng cùng cư sĩ qua lại giao thiệp. Đó là, này Tỳ-kheo! Người không trụ một chỗ có năm công đức này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện hành năm việc này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm".

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập II, phẩm Ngũ vương, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.292)

Mới hay, có những việc mà người xuất gia nghĩ rằng mình đang làm là thiện sự, là Phật sự phước báo vô lượng, đơn cử như giữ gìn ngôi chùa của mình thật tốt, thật chắc chắn hạn. Ấy thế mà không chừng, Thế Tôn chẳng những không khen việc ấy mà lại rầy đó là phi pháp. Nghĩ cũng lạ, phi pháp làm sao được: Chùa mình mới xây rất đẹp, trong chùa có nhiều pháp khí quý giá nên phải ở nhà trông coi. Chỗ mình tiện nghi rất đầy đủ, đi xa sẽ thiếu thốn, tù túng. Mọi người nơi trú xứ của mình đều đã thân quen, các Phật tử đang rất cần mình nên đi an cư không đành. Những việc này hoàn toàn chính đáng sao Thế Tôn gọi là phi pháp?

Thì ra, sở dĩ Ngài gọi là phi pháp vì mình tạo dựng ra chùa chiền rồi bị kẹt, vướng lại, không biết xả buông mà đi tới. Dính mắc, bị kẹt vào điều bất thiện hay thiện lành cũng là biểu hiện của tham ái, mà còn tham ái là còn khổ đau, sanh tử luân hồi. Cho nên, người xuất gia tuy làm tất cả các Phật sự mà quyết không dính mắc, không sinh tâm trụ chấp, xuất xử đến đi hoàn toàn tự tại tùy duyên.

Đi an cư hay du hành nói chung là một trong những hạnh căn bản của người xuất gia. Nhất là ra đi để xả buông, không trụ, không dính kẹt vào các thiện sự đã làm. Được như vậy mới chân thật vun bồi công đức theo lời dạy của Phật.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE
*803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009*

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

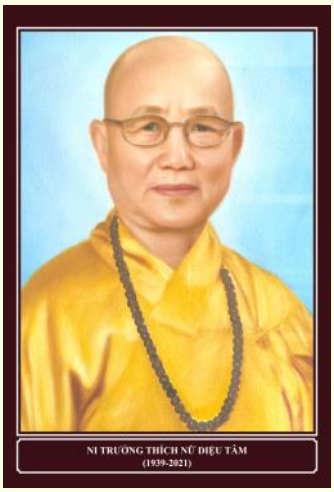

Kính gửi: Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, quý Ni Trưởng, Ni Sư, chư Đại Đức Tăng, Ni Môn Phái Tổ Đình Tường Vân - Huế,

Kính gởi quý Ni Sư, Sư Cô và chư thiện nam tín nữ Phật tử Môn đồ Pháp quyến Chùa Bảo Quang - Hamburg - Đức.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhận được ai tín Ni Trưởng THÍCH NỮ DIỆU TÂM, pháp danh Nguyên Từ, nguyên Tổng Vụ Trưởng Ni Bộ Bắc Tông GHPGVNTN Âu Châu, nguyên Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN Âu Châu, Khai sơn - Viện Chủ Chùa Bảo Quang Hamburg; đã thuận thế vô thường, thu thần viên tịch vào lúc 6 giờ 59 phút chiều (giờ Âu Châu), ngày 12/06/2021 (tức mồng 3 tháng 5 năm Tân Sửu) tại phương trượng Chùa Bảo Quang Hamburg, Đức Quốc. Trụ thế 83 năm; hạ lạp: 57 hạ.

Ni Trưởng Thích Nữ Diệu Tâm là bậc danh ni mô phạm trong chốn Thiền lâm, là bậc giáo phẩm lãnh đạo tài đức, trọn đời tận tụy cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, tiếp độ Ni chúng, cứu tế xã hội. Sư viên tịch của Ni Trưởng tân viên tịch không những là mất mát lớn lao đối với Môn đồ Pháp quyến, mà còn là niềm kính tiếc vô vàn của Tăng Ni Tín đồ Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK nhất tâm hộ niệm Giác Linh Cố Ni Trưởng Cao Đăng Phật Quốc. Thành kính phân ưu cùng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, Ban Tổ Chức Tang Lễ, Môn đồ Pháp quyến của Ni Trưởng Tân Viên Tịch.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Santa Ana, ngày 13 tháng 6 năm 2021
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK,
Chủ Tịch,

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TÁN THÁN CÔNG HẠNH SƯ BÀ DIỆU TÂM

Thành Kính tưởng niệm Sư Bà Tân Viên Tịch thượng Diệu hạ Tâm.
Kính nguyện Giác Linh Sư Bà Tân Viên Tịch Cao Đăng Phật Quốc.
Thành Kính Phân Ưu Cùng Môn Đồ Pháp Quyến

Nghi dung đoan chánh hướng tâm thiền

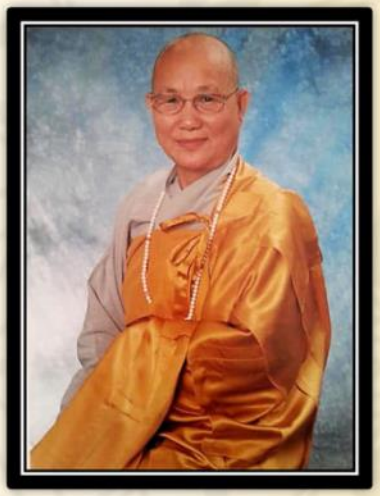

Học đạo chuyên tu hướng thiện duyên
Bảo Thắng Thiền Môn nuôi chí nguyện
Bảo Quang Ni Tự dưỡng tâm nguyền
Tha phương học đạo nghiên kinh sử
Đất khách tu tâm hướng cội nguyên
Kiến tạo già lam hành Phật sự
Diệu Tâm Thích Nữ giới tinh nghiêm

Tinh nghiêm giới luật sáng thanh miền
Chuyển hoá trần lao dẹp đảo điên
Tự tại an vui hành chánh đạo
Thong dong tĩnh tại hướng chơn viên
Tâm thường giúp đỡ người nghèo khó
Ý mãi dìu nâng kẻ não phiền
Dẫn dắt nhân sanh quy bến giác
Sư Bà nguyện mãn tịch an nhiên...!

NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT

California, 6:00 pm, 13-06-2021
Hậu Học-Thích Chúc Hiền (Khấp lễ kính đề)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

PHẢN CHIẾU TRÊN TÍNH VÔ THƯỜNG

Nguyên bản: *Reflecting On Impermanence*

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA

Chuyển ngữ: ***Tuệ Uyển***

Ở Tây Tạng có những hành giả trong khóa tu
Những người quán chiếu một cách vô cùng mãnh liệt về vô thường
Đến nỗi họ đã không rửa chén dĩa sau khi ăn chiều
(Những Từ Ngữ Thánh Thiện Của Paltrul Rinpoche)

***

Trong chương này tôi sẽ giải thích về tính vô thường, trình độ thứ nhất của hai trình độ của tuệ giác vào tiến trình của sinh tử luân hồi. Trình độ thứ hai, tính không, sẽ được đề cập đến trong chương tiếp theo.

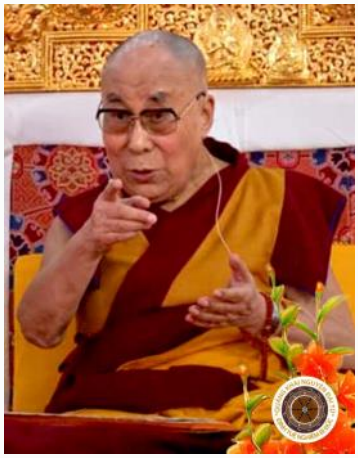

MỘT ẨN DỤ VỀ VÔ THƯỜNG

Một quán chiếu về những ánh lung linh trên bề mặt một hồ nước gợn sóng lăn tăn bởi làn gió nhẹ. Một con sông khổng lồ của si mê tin tưởng sai lầm tâm-thân là tồn tại cố hữu tuôn chảy vào hồ nước của việc hiểu sai cái "tôi" như tồn tại cố hữu. Hồ nước bị xáo động bởi những làn gió của tư tưởng phiền não chướng ngại ẩn tàng và của những hành vi thiện và bất thiện. Sự quán chiếu ánh trăng lung linh biểu tượng cho cả trình độ thô của vô thường, qua sự chết, và trình độ vi tế của vô thường, qua sự tàn hoại từng thời khắc thống trị chúng sanh. Ánh lung linh của những làn sóng minh họa tính vô thường mà chúng sanh là đối tượng, và quý vị thấy chúng sinh trong cách này. Bằng sự ẩn dụ này, quý vị có thể phát triển tuệ giác vào trong vấn đề chúng sinh bị kéo vào trong khổ đau một cách không cần thiết như thế nào bằng việc điều hướng với tính bản nhiên của chính họ; tuệ giác này, lần lượt, kích hoạt từ ái và bi mẫn.

QUÁN CHIẾU VÔ THƯỜNG

Chúng ta ở dưới ảnh hưởng của một vọng tưởng thường còn, vì thế chúng ta nghĩ rằng luôn luôn vẫn còn nhiều thời gian. Sự tin tưởng sai lầm này đặt chúng ta vào trong một hiểm họa to lớn của việc lãng phí thời gian sinh sống của chúng ta trong việc chần chừ, đó là việc cực kỳ hoang phí khi đời sống của chúng ta được diễm phúc với sự thư thái và tiện lợi để dấn thân trong những sự thực tập hữu ích. Để đối trị với khuynh hướng này, thật quan trọng để hành thiền về tính vô thường - trước nhất về sự thật rằng cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, và sau đó về bản chất rất tạm thời của đời sống.

Một trong những lý do chính yếu của tham dục và thù hận sinh khởi là chúng ta dính mắc quá mức với sự diễn ra nhẹ nhàng tràn đầy của đời sống. Chúng ta có một cảm giác rằng nó sẽ tồn tại mãi mãi, và với thái độ ấy chúng ta trở nên an trụ với những bề ngoài ấy - những sở hữu vật chất và những người bạn cùng hoàn cảnh tạm bợ. Để vượt thắng sự si mê này, quý vị cần quán chiếu trên sự kiện rằng một ngày nào đó đang đến khi quý vị sẽ không còn ở đây nữa.

Mặc dù không có chắc chắn gì rằng quý vị sẽ chết đêm nay, nhưng khi quý vị trau dồi một sự tỉnh giác về cái chết, thì quý vị sẽ hiểu rõ được rằng quý vị có thể chết đêm nay. Với thái độ này, nếu có điều gì đó mà quý vị có thể làm để hỗ trợ trong cả kiếp sống này lẫn kiếp sống tới, thì quý vị sẽ cho nó quyền ưu tiên đối với việc gì đó chỉ có thể hữu ích trong kiếp sống này trong một cách nông cạn. Xa hơn nữa, bằng việc không chắc chắn về vấn đề khi nào sự chết sẽ đến, thì quý vị sẽ kiềm chế khỏi những việc làm gì đó sẽ làm tai hại cho cả kiếp sống hiện tại và những kiếp sống tương lai của quý vị. Quý vị sẽ được động viên để phát triển những quan điểm mà chúng sẽ hoạt động như những sự đối trị đến những hình thức khác nhau của

tâm thức không được thuần hóa. Sau đó, cho dù quý vị sống một ngày, một tuần, một tháng, hay một năm, thời gian ấy sẽ là đầy đủ ý nghĩa, bởi vì tư tưởng và hành động của quý vị sẽ được căn cứ trên những gì lợi lạc về lâu về dài. Bằng trái lại, khi quý vị tồn tại dưới sự tác động của vọng tưởng thường còn và dành thời gian của quý vị trên những vấn đề không vượt xa hơn bề mặt của kiếp sống hiện tại, thì quý vị sẽ chịu đựng một sự mất mát lớn lao.

Sự kiện rằng mọi thứ thay đổi từng thời khắc mở ra một khả năng cho sự phát triển tích cực. Nếu những hoàn cảnh đã không thay đổi, thì họ sẽ mãi mãi ở trong khía cạnh khổ đau. Một khi quý vị nhận ra rằng mọi thứ luôn luôn thay đổi, nếu quý vị đang trải qua một thời điểm khó khăn thì quý vị có thể tìm thấy niềm an ủi trong việc biết rằng hoàn cảnh sẽ không duy trì trong cách ấy mãi mãi.

Chính là bản chất của luân hồi là điều đã tập hợp - cha mẹ, con cái, anh chị em và bè bạn cuối cùng sẽ tan tác. Bất chấp bạn bè thương mến nhau bao nhiêu đi nữa, cuối cùng họ phải xa lìa. Đạo sư và học trò, cha mẹ và con cái, anh chị em, chồng và vợ, và những người bạn thân thiết nhất - bất chấp họ là ai - cuối cùng phải chia ly. Thêm nữa, đối với việc xa cách tất cả những người bạn của chúng ta, thì tất cả những sự giàu sang và tài sản mà quý vị đã tích lũy - bất chấp chúng tuyệt diệu thế nào - cuối cùng cũng trở thành vô dụng; sự ngắn ngủi của kiếp sống hiện tại này sẽ bắt buộc quý vị phải bỏ lại tất cả mọi sự giàu sang phía sau. Một triết gia và hành giả du già Ấn Độ đã nói một cách tác động về vô thường rằng, bất chấp cuộc sống hiện tại của quý vị kỳ diệu như thế nào, nó giống như giấc mơ về sự vui thích và say đó tỉnh giấc, không còn gì ngoài ký ức. Như Đức Phật nói trong Kinh Kim Cang rằng:

Hãy xem mọi thứ hợp thành từ những nguyên nhân
Giống như những ngôi sao lấp lánh, vật tưởng tượng được thấy bởi một con mắt bệnh hoạn,
Ánh sáng lập lòe của ngọn đèn bơ, những ảo tưởng phù phép,
Sương sớm, bong bóng nước, những giấc mơ, tia chớp, và những đám mây.
(Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điển
Ưng tác như thị quán.)

Khi tôi sắp bắt đầu thuyết giảng trước một đám đông ngước mắt nhìn tôi mong cầu tuệ và trí, tôi tự lập lại những lời này về sự mong manh của mọi thứ và sau đó búng ngón tay, âm thanh ngắn ngủi biểu tượng của vô thường. Đây là việc tôi đã tự nhắc nhở mình rằng tôi sẽ nhanh chóng bước xuống khỏi vị trí hiện tại của tôi. Bất cứ chúng sinh nào - bất kể họ sống lâu bao nhiêu đi nữa - cuối cùng sẽ chết. Không có cách nào khác. Một khi quý vị sống trong cõi luân hồi, thì quý vị không thể sống ngoài tính tự nhiên của nó. Bất chấp mọi thứ tuyệt diệu thế nào, thì nó cũng được xây dựng trên chính bản chất của chúng mà chúng và quý vị phải lụi tàn vào lúc kết thúc. Như Đức Phật nói, "Hãy nhận ra rằng thân thể là vô thường như một chiếc bình bằng đất sét."

Vận may không lâu bền; thế nên thật nguy hiểm để trở thành dính mắc với những thứ đang xảy ra một cách tốt đẹp. Bất cứ quan điểm nào về thường còn là thất bại. Khi hiện tại trở thành sự bận tâm của bạn, thì tương lai không quan trọng, nó phá hoại ngầm động cơ dấn thân trong những sự thực hành bi mẫn cho tương lai Giác Ngộ của những người khác. Bằng trái lại, một quan điểm về vô thường cung cấp một động cơ thích đáng.

Không chỉ bạn sẽ chết vào lúc cuối mà bạn còn không biết khi nào thời điểm cuối cùng đến. Vì thế, bạn nên thực hiện sự chuẩn bị, ngay cả nếu bạn chết đêm nay, thì bạn sẽ không hối hận. Nếu bạn xây dựng dần dần một nhận thức sâu sắc cho hiểm họa của sự chết, thì cảm nhận của bạn về tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian một cách thông tuệ sẽ ngày càng mạnh mẽ hơn. Như Long Thọ nói trong Tràng Hoa Quý Báu rằng:

Bạn đang ở giữa những nguyên nhân của sự chết
Giống như một chiếc đèn đứng trong gió.
Phải từ bỏ tất cả mọi sở hữu,
Lúc chết bất lực bạn phải đi đến nơi nào khác.
Nhưng tất cả đã được sử dụng cho việc thực hành tâm linh
Sẽ đứng trước bạn như nghiệp lành.

Nếu bạn giữ trong lòng vấn đề cuộc sống này sẽ biến mất nhanh như thế nào, bạn sẽ coi trọng thời gian của bạn và làm những gì lợi ích nhất. Với một cảm nhận mạnh mẽ về hiểm họa của sự chết, bạn sẽ cảm thấy nhu

cầu để dấn thân trong sự thực hành tâm linh, việc cải thiện tâm thức của bạn và không lãng phí thời gian của của bạn trong những xao lãng khác từ việc ăn và uống đến việc nói không bao giờ dứt về chiến tranh, tình yêu, và tán gẫu.

Đối với người không thể chạm trán ngay cả chữ *chết*, không hề bận tâm về thực tế của nó, việc đến thật sự của sự chết chắc chắn sẽ mang đến sự phiền muộn và sợ hãi vô cùng. Nhưng với những ai quen thuộc với việc quán chiếu về hiểm họa của sự chết thì đã chuẩn bị để đối diện với sự chết mà không hối hận gì. Việc quán chiếu về sự không chắc chắn của thời điểm mà sự chết đến sẽ phát triển một tâm thức tĩnh lặng, nguyên tắc và đạo đức, bởi vì nó đang dừng lại trên đặc tính chuyên môn không đơn giản của kiếp sống ngắn ngủi này.

Tất cả chúng ta cùng có một sự hiện hữu được đánh dấu bởi khổ đau và vô thường. Một khi chúng ta nhận ra vấn đề chúng ta thông thường có bao nhiêu, thì chúng ta sẽ thấy rằng thật vô nghĩa trong việc chiến chinh lẫn nhau. Hãy nghĩ đến một nhóm tử tù sắp bị xử tử. Thời gian họ ở trong nhà tù với nhau, tất cả bọn họ sẽ đi đến chỗ chấm dứt sự sống thì không có ý nghĩa gì với việc tranh cải trong những ngày còn lại. Giống như những tù nhân đó, tất cả chúng ta bị ràng buộc với khổ đau và vô thường. Dưới những hoàn cảnh như vậy, chắc chắn không có lý do gì để đấu đá với nhau hay lãng phí năng lượng, tinh thần cũng như thân thể chúng ta, trong việc tích lũy tiền của và tài sản.

Thực Hành Quán Chiếu

Đem điều này vào trong tim:

Chắc chắn là tôi sẽ chết. Sự chết không thể tránh. Thọ mạng của tôi đang ngắn dần và không thể kéo dài thêm.

Khi nào tôi chết là không thể biết. Thọ mạng trong loài người là khác nhau. Những nguyên nhân của sự chết là nhiều, và những nguyên nhân của sự sống là tương đối ít. Thân thể là mong manh.

Vào lúc chết không gì có thể giúp ngoại trừ thái độ chuyển hóa của tôi. Bạn bè sẽ không giúp ích được gì. Sự giàu có của tôi sẽ không lợi ích gì, và thân thể của tôi không giúp ích gì.

Tất cả chúng ta ở trong cùng hoàn cảnh hiểm nghèo, cho nên không có gì để tranh cải và đấu đá hay lãng phí tất cả năng lượng tinh thần và thân thể trong việc tích lũy tiền bạn và tài sản.

Bây giờ tôi nên thực hành để giảm thiểu sự dính mắc vào những thị hiếu đam mê.

Từ chiều sâu của trái tim tôi thì tôi nên tìm cách vượt thoát vòng luân hồi của khổ đau bị dẫn đến bởi nhận thức sai về vô thường là thường.

VÔ THƯỜNG VI TẾ

Những chất làm nên những vật hữu hình chung quanh chúng ta tan rả từng giây phút; tương tự thế, thức nội tại mà với nó chúng ta quán sát những vật hữu hình bên ngoài cũng tan rả từng giây phút. Đây là bản chất của tính vô thường vi tế. Các nhà vật lý không xem hiện tướng của một vật hữu hình cụ thể là đương nhiên chẳng hạn như một chiếc bàn: thay vì thế họ nhìn vào những sự thay đổi trong những yếu tố nhỏ hơn của nó.

Sự hạnh phúc thông thường giống như một giọt sương trên đầu ngọn cỏ, sẽ biến mất rất nhanh chóng. Nó tan biến cho thấy rằng nó là vô thường và ở dưới sự khống chế của những năng lực, nguyên nhân, và điều kiện khác. Sự tan biến của nó cũng cho thấy rằng không có cách nào để làm cho mọi thứ chân thật; bất chấp bạn làm gì trong phạm vi của thế giới luân hồi, thì bạn cũng không thể vượt qua phạm vi của khổ đau. Bằng việc thấy rằng bản chất chân thật của mọi thứ là vô thường, thì bạn sẽ không bị sốc bởi thay đổi khi nó xảy ra, ngay cả bởi sự chết.

Thực Hành Quán Chiếu

Lưu tâm:

Tâm, thân, tài sản, và sự sống của tôi là vô thường đơn giản bởi vì chúng được sản sinh bởi những nguyên nhân và điều kiện.

Chính những nguyên sinh ra tâm, thân, tài sản, và sự sống của tôi cũng làm chúng tan rả từng giây phút.

Sự thật rằng mọi thứ có một bản chất vô thường cho thấy rằng chúng không ở dưới năng lực của chính chúng; chúng biểu hiện chức năng dưới sự ảnh hưởng bên ngoài.

Bằng việc hiểu sai lầm những sự tan rả từng giây phút là điều gì đó không thay đổi, tôi tự đem sự đau đớn lên cũng như những người khác.

Từ chiều sâu của trái tim tôi thì tôi nên tìm cách để vượt khỏi vòng lẩn quẩn khổ đau gây ra bởi việc hiểu sai lầm sự vô thường là thường.

MỞ RỘNG ĐIỀU NÀY ĐẾN NHỮNG NGƯỜI KHÁC

Vì thái độ của chúng ta về thường và tự yêu mến là những gì phá hoại tất cả chúng ta, cho nên thiền quán kết quả nhất là về vô thường và tính không của sự tồn tại cố hữu về một mặt và, về từ ái và bi mẫn ở mặt khác. Đây là tại sao Đức Phật đã nhấn mạnh rằng hai cánh của con chim để Giác Ngộ là từ bi và tuệ trí.

Việc suy luận từ kinh nghiệm của chính bạn của việc không nhận ra tính vô thường cho những gì thật sự là, thì bạn có thể đánh giá đúng vấn đề tại sao những chúng sinh khác lang thang trong những hình thức vô hạn của cõi sinh tử luân hồi bằng việc nhận thức sai lầm giống như vậy. Quán chiếu sự khổ đau không thể tưởng tượng nổi và sự tương tự của chúng đối với bạn trong việc muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau. Qua vô lượng kiếp sống, họ từng là bạn bè thân thiết nhất của bạn, đem đến cho bạn sự tử tế ân cần, là thứ làm cho họ thân mật. Việc thấy rằng bạn có trách nhiệm để giúp họ có hạnh phúc và giúp họ thoát khỏi khổ đau sẽ xây dựng từ từ đại từ và đại bi.

Đôi khi, khi tôi đang thăm một thành phố lớn, ở trên một tầng cao của khách sạn. Tôi nhìn xuống sự giao thông, hàng trăm, hàng nghìn xe cộ chạy tới chạy lui, và quán chiếu rằng, mặc dù tất cả những chúng sinh này là vô thường, họ đang nghĩ, "tôi muốn hạnh phúc," "tôi phải làm nghề này," "tôi phải kiếm tiền," "tôi phải làm việc này." Họ đang sai lầm với việc tưởng tượng chính họ là thường còn. Tư tưởng này kích thích lòng bi mẫn của tôi.

Thực Hành Thiền Quán

Đem một người thân vào tâm và lưu tâm với cảm giác sau:

Thân, tâm, tài sản, và sự sống của người này là vô thường bởi vì họ được sinh ra bởi những nguyên nhân và điều kiện.

Cùng những nguyên nhân sinh ra thân, tâm, tài sản, và sự sống của người này cũng làm chúng tan rả từng giây phút.

Sự kiện rằng mọi tứ có một bản chất vô thường cho thấy rằng chúng không ở dưới năng lực của chính chúng, chúng biểu hiện chức năng dưới sự ảnh hưởng bên ngoài.

Bằng việc hiểu sai lầm những gì tan rả từng giây phút là những gì không thay đổi, người này tự đem đau đớn lên cho chính người ấy cũng như những người khác.

Bây giờ trau dồi ba trình độ của từ ái:

Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Thật dễ thương làm sao nếu người ấy thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc.

Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Nguyện cho người này được thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc.

Người này muốn hạnh phúc nhưng bị lấy mất đi. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì mà tôi có thể làm để giúp ngời này thấm đẫm với hạnh phúc và tất cả những nguyên nhân của hạnh phúc.

Bây giờ trau dồi ba trình độ của bi mẫn:

Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại khốn đốn với nỗi đau kinh khiếp. Nếu người này có thể thoát khỏi khổ đau và những nguyên nhân khổ đau.

Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại khốn đốn với nỗi đau kinh khiếp. Nguyện cho người này được thoát khỏi khổ đau và những nguyên nhân khổ đau!

Người này muốn hạnh phúc và không muốn khổ đau, tuy thế lại khốn đốn với nỗi đau kinh khiếp. Tôi sẽ giúp người này thoát khỏi khổ đau và tất cả những nguyên nhân của khổ đau.

Bây giờ trau dồi chí nguyện hoàn toàn:

Sinh tử luân hồi là một tiến trình bị sai khiến bởi si mê.

Do thế, thật thực tiễn cho tôi hành động để đạt đến Giác Ngộ và để giúp người khác được giống như vậy.

Ngay cả nếu tôi phải làm việc ấy một mình, thì tôi cũng sẽ giải thoát tất cả chúng sinh khỏi khổ đau và những nguyên nhân của khổ đau, và đem tất cả chúng sinh vào trong hạnh phúc cùng những nguyên nhân của nó.

Từng người một, hãy đem vào tâm từng chúng sinh - trước nhất là những người thân, rồi những người trung tính, và rồi đến những kẻ thù, bắt đầu với người ít ghét bỏ nhất - và lập lại những sự quán chiếu này với họ. Nó có thể cần đến hàng tháng, hàng năm, nhưng lợi ích sẽ là bao la.

***

*(Trích từ quyển How to See Yourself as You Really Are của Đức **Đạt Lai Lạt Ma**)*

BÁT CHÁNH ĐẠO
"CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ"
THE NOBLE EIGHTFOLD PATH "Way to the End of suffering"

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh

(tiếp theo kỳ trước)

Phạm vi của khổ

Không những Đức Phật không bàn đến vấn đề khổ một cách hời hợt mà Ngài còn lấy nó làm cột trụ cho giáo lý của Ngài. Ngài bắt đầu với Tứ Diệu Đế, tóm tắt thông điệp cuả Ngài tuyên bố cuộc đời luôn luôn gắn liền với *dukkha*. Danh từ Pàli này thường được dịch ra là đau đớn, khổ sở, nhưng nó hàm ý nhiều vấn đề sâu xa hơn là đau đớn và khổ sở. Nó nói đến tất cả sự bất mãn trong suốt cuộc đời của mọi người trừ những người đã đạt được giác ngộ. Đôi khi sự bất mãn này bùng nổ ra bên ngoài thành buồn rầu, thương tiếc hay thất vọng. Nhưng thường thường, nó quanh quẩn bên lề nhận thức của chúng ta như một sự cảm nhận mơ hồ không rõ ở đâu là mọi việc không phải lúc nào cũng hoàn hảo, không bao giờ hoàn toàn đầy đủ như mình mong muốn nó phải như vậy. Đối với sự thật của dukkha, Đức Phật dạy nó là một vấn đề tâm linh thật sự. Với những vấn đề khác, những nghi vấn thần học và siêu hình đã từng thách đố những tư tưởng gia tôn giáo qua nhiều thế kỷ, Ngài nhẹ nhàng xua tay đẩy qua một bên xem như "những việc không lợi gì cho giải thoát". Ngài nói Ngài chỉ dạy về đau khổ và chấm dứt đau khổ, dukkha và chấm dứt nó.

Đức Phật không dừng lại ở những vấn đề tổng quát về khổ. Ngài tiếp tục phơi bày nhiều hình thức của khổ, gồm cả hai khía cạnh hiển nhiên và tinh tế khó thấy. Ngài bắt đầu với những gì có trước mắt, những nỗi khổ có sẵn trong diễn tiến vật chất của chính đời sống. Ở đây, khổ xảy đến trong các sự kiện sinh, già, chết, dễ mắc bịnh, hay gặp tai nạn, hay bị thương tích, ngay cả trong đói khát. Nó xuất hiện trở lại trong các phản ứng nội tâm của chúng ta với những hoàn cảnh ấy và các sự cố không vừa lòng, trong buồn rầu hờn giận, tức bực và lo sợ bị khuấy động lên bởi những chia cách đau lòng, những gặp gỡ không vui, những thất bại vì không tìm thấy những gì mình ước muốn. Đức Phật nói ngay cả lạc thú cũng không tránh khỏi khổ. Nó đem cho ta hạnh phúc khi nó còn nhưng nó không còn mãi mãi; cuối cùng nó cũng phải đi qua và khi nó đi qua rồi, để lại sự mất mát cho ta cảm giác bị tước đoạt. Cả cuộc đời ta bị níu kéo giữa thèm khát lạc thú và lo sợ đau đớn. Chúng ta sống qua từng ngày, đuổi theo cái này hoặc chạy trốn cái kia, ít khi được hưởng sự bình an của thỏa mãn; sự thỏa mãn thật sự hình như lúc nào cũng nằm ngoài tầm tay, chỉ ở bên kia chân trời sắp đến. Thế rồi, cuối cùng chúng ta phải chết, từ bỏ cá nhân con người mà mình sống cả đời để tạo dựng, bỏ lại sau lưng những thứ, những người mình thương mến.

Nhưng Phật dạy, ngay cả chết cũng chưa chấm dứt được dukkha vì tiến trình của đời sống không dừng lại ở cái chết. Khi cuộc sống chấm dứt ở một nơi, với một thân xác thì "sự tiệm tiến của tinh thần," giòng tâm thức cá nhân lại sinh ra ở một nơi khác với một cơ thể mới làm nguồn sống cho thể chất. Như vậy, cái chu kỳ này tiếp tục tái hiện: sinh, già, chết, bị thúc đẩy bởi sự khát vọng được sống mãi. Đức Phật tuyên bố cái vòng tái sinh này gọi là samsara, "đi lang thang", đã quay mãi từ thời vô thủy. Nó không có điểm khởi đầu, không có nguồn gốc thời gian. Chúng ta có đi ngược thời gian bao lâu đi nữa thì chúng ta vẫn luôn luôn tìm thấy sinh vật, chính chúng ta ở bao kiếp trước, đi lang thang từ trạng thái hiện hữu này qua trạng thái hiện hữu khác. Đức Phật mô tả nhiều thế giới khác nhau nơi chúng ta có thể tái sinh: những địa ngục, thế giới súc sinh, thế giới nhân sinh và những cõi trời. Nhưng không có thế giới nào là chỗ ở vĩnh viễn. Đời sống ở bất cứ cõi nào cũng có ngày hết. Nó

vô thường và như vậy đậm màu bất an và đó là ý nghĩa sâu xa nhất của dukkha. Chính vì vậy, người nào mong muốn hoàn toàn chấm dứt dukkha thì không thể bằng lòng với bất cứ thành đạt, bất cứ địa vị trần tục nào mà phải tìm cách giải thoát khỏi toàn thể vòng xoáy bất an này.

BHIKKHU BODHI

Nguyên nhân của khổ

Như chúng ta đã nói, một giáo lý đề ra cách đưa đến chấm dứt khổ phải giải thích chính xác đầy đủ những nguyên nhân nguồn gốc của khổ. Nếu chúng ta muốn ngăn chận đau khổ thì phải ngăn lại từ nơi phát sinh với tất cả nguyên nhân của nó. Ngăn chận nguyên nhân đòi hỏi chúng ta phải có kiến thức đầy đủ biết rõ chúng là gì và hoạt động như thế nào. Vì vậy, Đức Phật dành riêng một phần lớn giáo lý của Ngài để phơi bày "sự thật về nguồn gốc của khổ." Ngài xác định nó ở trong ta. Có một chứng bệnh căn bản tràn ngập thân ta, gây xáo trộn tâm trí ta, vô hiệu hoá các mối liên hệ giữa ta với người khác và với thế giới. Dấu hiệu của căn bệnh này, có thể thấy trong xu hướng thiên về một số các trạng thái tinh thần bất thiện mà tiếng pàli gọi là *kilesas,* thường được dịch ra là "phiền não." Những phiền não căn bản là ba loại: tham lam, sân hận và si mê. Tham (lobha) là tham muốn cho mình, tham muốn khoái lạc và tiền của, động lực sống còn, sự thúc dục nâng cao bản ngã với quyền lực, địa vị và uy tín. Sân hận (dosa) biểu thị phản ứng phủ nhận, bộc lộ qua sự chối bỏ, bực tức, nguyền rủa, ghét bỏ, thù nghịch, giận dữ và hung bạo. Si mê (moha) có nghĩa tinh thần tối tăm: một lớp vô cảm dày đặc ngăn chận khả năng hiểu biết sáng suốt.

Từ ba căn bản này xuất hiện nhiều phiền não khác nhau--tự phụ, ganh ghét, tham vọng, thờ ơ, kiêu căng và những tánh xấu còn lại. Từ tất cả các phiền não này cộng lại, từ căn bản đến chi nhánh, lộ dạng dukkha trong các hình thức khác nhau: đau đớn và buồn rầu, sợ hãi và bất bình, như trôi nổi vô định trong vòng sinh tử. Để được giải thoát khỏi đau khổ chúng ta phải loại bỏ hết tất cả phiền não. Nhưng sự tu tập loại trừ phiền não phải tiến hành một cách có phương pháp. Nó không thể được hoàn thành chỉ bằng quyết định của ý chí, bằng cách muốn chúng biến mất đi. Sự tu tập này phải được hướng dẫn bằng điều tra nghiên cứu. Chúng ta phải tìm ra phiền não tùy thuộc vào những gì và rồi nhận ra bằng cách gì chúng ta có thể dùng năng lực của mình để loại bỏ điểm tựa của chúng.

Đức Phật dạy có một loại phiền não làm nẩy sinh ra tất cả những phiền não khác, căn bản này nắm giữ tất cả các phiền não. Căn bản đó là vô minh (avijjà) (1). Vô minh không phải chỉ là sự vắng mặt của kiến thức, thiếu hiểu biết một số thông tin đặc thù nào đó. Vô minh có thể xảy ra trong lúc chúng ta đã tích lũy được nhiều kiến thức với vô số chi tiết và theo cách riêng của nó, nó có thể vô cùng sắc sảo và biết ứng biến trong mọi trường hợp. Vô minh là nguồn gốc của khổ vì căn bản của nó là bóng tối che mờ tâm trí. Đôi khi vô minh hoạt động một cách tiêu cực, chỉ làm tâm trí tăm tối không cho ta hiểu biết đúng. Những lúc khác, nó đóng một vai trò chủ động, đánh lừa rất tài tình, tạo ra nhận thức và khái niệm méo mó mà tâm trí cho là đặc tính của thế gian, không ngờ đó là những tạo tác dối lừa của chính vô minh.

Từ những nhận thức và khái niệm sai lầm này, chúng ta tìm thấy mảnh đất nuôi dưỡng phiền não. Tâm trí thấy được triển vọng nào đó của lạc thú, chấp nhận giá trị bề ngoài của nó và kết quả là tham lam. Khi sự thèm khát được thụ hưởng bị ngăn chận thì trở ngại hiện lên, tức giận và thù ghét bộc phát. Khi chúng ta vật lộn với những sự việc mơ hồ, nhận thức của ta bị che mờ và chúng ta đi lạc vào ảo tưởng. Những phiền não nầy là vùng đất sinh sản ra khổ: vô minh sinh ra phiền não và phiền não sinh ra khổ đế. Khi màng lưới nhân duyên này còn vững chắc thì chúng ta còn trong nguy hiểm. Chúng ta vẫn còn có thể tìm được lạc thú và hưởng thụ, lạc thú của giác quan, lạc thú của xã hội, lạc thú của tâm trí và con tim. Nhưng dù được hưởng bao nhiêu lạc thú, dù thành công do tránh né được đau khổ đến đâu thì căn bản của phiền não vẫn còn trong con người của chúng ta và chúng ta còn phải tiếp tục bước đi trong vòng kiềm hãm của đau khổ.

Chấm dứt nguyên nhân của khổ

Để giải thoát toàn bộ đau khổ, chúng ta phải diệt nó từ cội rễ, nghĩa là phải diệt vô minh. Nhưng bằng cách nào chúng ta diệt được vô minh? Cầu trả lời rõ ràng đi theo tính chất của đối tượng. Vì vô minh là trạng thái nhận thức sự vật không đúng như chúng đang thật sự hiện hữu, cái cần có là nhận thức về sự vật đúng như chúng đang là. Không những chỉ kiến thức bằng khái niệm, kiến thức như ý tưởng, mà là kiến thức bằng hiểu biết, biết cũng là thấy. Sự hiểu biết này được gọi là trí tuệ (paññà). Trí tuệ giúp ta

sửa sai những sự xuyên tạc của vô minh. Trí tuệ cho ta khả năng thấu hiểu sự thật của sự vật trong bản chất thật sự của chúng, trực tiếp và ngay tức khắc, không bị ngăn che bởi bình phong của những ý tưởng, quan điểm và giả thiết mà các loại tâm của ta thường dựng lên giữa chúng và sự thật.

Để diệt vô minh chúng ta cần có trí tuệ, nhưng bằng cách gì để có trí tuệ? Là nhận thức không còn chút phân vân về tất cả bản chất của sự vật, trí tuệ không thể đạt được chỉ bằng học vấn hay bằng cách thu thập và tích trữ một khối dữ kiện. Tuy nhiên, Đức Phật nói, trí tuệ có thể đạt được do tu tập. Nó hình thành qua một một số những điều kiện, những điều kiện mà chúng ta có thể phát triển bằng năng lực. Những điều kiện này thật ra là những nhân tố tinh thần, thành phần của tri thức, nằm trong một cơ cấu có hệ thống có thể gọi là một con đường đúng theo nghĩa chính của danh từ này: một đường đi hướng đúng về một mục tiêu. Mục tiêu ở đây là chấm dứt đau khổ và đường đi dẫn đến đó là Bát Chánh Đạo với tám thành tố: chánh kiến, chánh chủ ý (tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Đức Phật gọi con đường này là trung đạo (majjhimà patipadà). Trung đạo vì nó vượt ra cả hai cực đoan, hai loại nỗ lực sai lầm để thóat ly đau khổ. Một là đam mê dục lạc tối đa, nỗ lực dập tắt bất mãn bằng cách thỏa mãn ham muốn. Phương pháp này đem khoái lạc đến cho ta nhưng sự hưởng thụ có được rất dung tục, tạm bợ và không có sự mãn nguyện thâm sâu. Đức Phật ý thức rằng đam mê nhục dục có khả năng kìm hãm tầm trí con người rất chặt chẽ và Ngài cũng nhận thấy rõ ràng loài người lại luôn mê say gắn bó với lạc thú của giác quan. Đồng thời, Ngài cũng biết lạc thú này thấp hèn thua hẳn hạnh phúc phát sinh từ sự ly dục và vì thế Ngài luôn luôn dạy rằng con đường dẫn đến mục đích chính yếu cuối cùng đòi hỏi phải từ bỏ nhục dục. Vì vậy mà Đức Phật diễn tả say đắm trong lạc thú nhục dục là "thấp hèn, tầm thường, trần tục, đề tiện, không đưa đến mục đích thoát khổ."

Cực đoan kia là sự thực hành khổ hạnh, sự nỗ lực đạt đến giải thoát bằng cách tự hành hạ thân xác. Phương pháp này có thể bắt nguồn từ ước vọng thật sự mong muốn giải thoát nhưng hành động theo sự hướng đạo của một giả định sai lầm làm cho nghị lực bị tiêu hao, không có kết quả. Sự sai lầm này cho rằng thân xác là nguyên nhân của sự lệ thuộc trong khi nguồn gốc thật sự của đau khổ nằm trong tâm. Tâm bị ám ảnh bởi tham, sân và si. Để giải thoát tâm ra khỏi các phiền não bằng cách hành hạ thân xác thì không những vô ích mà còn tự tiêu diệt mình. Bởi vì nó tàn hại một công cụ cần thiết (thân thể. ND). Vì thế, Đức Phật diễn tả cực đoan thứ hai này là: "Đau đớn, thấp hèn, không dẫn đến mục tiêu" (giải thoát đau khổ. ND) (2).

Đứng ngoài hai phương pháp cực đoan này là Bát Chánh Đạo, gọi là trung đạo, không có nghĩa là thỏa hiệp giữa hai cực đoan, nhưng có nghĩa vượt lên trên cả hai bằng cách tránh những sai lầm mỗi bên gây nên. Trung đạo tránh sự thái quá về nhục dục bằng cách thừa nhận sự phù phiếm của ham muốn và sự vô ích khi nhấn mạnh việc từ bỏ thân xác. Ham muốn và nhục dục không bao giờ là phương tiện tạo hạnh phúc. Chúng là động lực gây ra đau khổ mà chúng ta phải từ bỏ như là điều kiện tiên quyết của giải thoát. Luyện tập ly dục không hàm chứa việc dày vò thân xác. Nó bao gồm luyện tập về tinh thần và cơ thể cần phải khỏe mạnh để hỗ trợ cho hoạt động của tinh thần. Như vậy cơ thể cần được chăm sóc đàng hoàng, gìn giữ sức khỏe đồng thời những khả năng tinh thần được huấn luyện để phát sinh trí tuệ giải thoát. Đây là trung đạo, Bát Chánh Đạo, làm "phát sinh nhận thức, phát sinh hiểu biết và dẫn đến bình yên, đến hiểu biết trực tiếp, đến giác ngộ, đến niết bàn."(3)

Chú thích Chương I

1. Trong bản chất, vô minh thật sự đồng nhất với "bất thiện căn" si (moha). Trong ngữ cảnh về tâm lý, khi đề cập đến các tâm sở, Đức Phật thường dùng từ si (moha: delusion). Nhưng khi nói về nguyên nhân căn bản của luân hồi, Ngài dùng từ vô minh (avijjà: ignorance)
2. Tương ưng bộ 56:11; Word of the Buddha (Lời dạy của Đức Phật), trang 26.
3. Như trên.

(còn tiếp)

NGƯỜI NGU ĂN MUỐI

Thuở xưa có một người ngu
Đến thăm nhà bạn rất ư thân tình
Chủ nhà vui đãi khách mình
Bữa cơm đạm bạc, có canh ăn cùng
Chàng chê canh lạt khó dùng
Chủ bèn nêm chút muối trong canh này
Chàng ăn cảm thấy ngon ngay
Nên chàng tự nghĩ loay hoay trong đầu:
"Ngon nhờ ít muối thêm vào
Muối nhiều ngon chắc gấp bao nhiêu lần!"
Thế rồi chàng chẳng ngại ngần
Xin nguyên chén muối bỏ luôn miệng mình
Nuốt đi hết, tưởng ngon lành
Nào ngờ chất muối mặn kinh hồn người
Anh chàng tưởng chết tới nơi
Muối kia mà ngấm tàn đời còn đâu
Vội vàng móc họng ra mau
Để nôn, để mửa ngõ hầu cứu nguy.

*

Tu hành chớ có mê si
Uống ăn vừa phải lợi thì vô biên
Đừng theo tà giáo tuyên truyền
Nhịn ăn nhịn uống mà thêm sai lầm
Giữ gìn sức khoẻ tối cần
Mới mong đắc đạo thánh nhân tuyệt vời,
Dù cho nhịn bảy ngày trời
Hay mười lăm bữa, khổ đời thêm thôi
Tự mình hành hạ thân người
Chỉ thêm đói khát. So thời giống sao
Giống người ăn muối biết bao
Rời xa chân lý, lạc vào cõi mê.

(Thi hóa KINH BÁCH DỤ
(thi hóa truyện cổ Phật Giáo)

THE STUPID MAN TAKES SALT

Once upon a time there was a stupid man who went to another man's home. The host gave him something to eat. After he complained that the food was insipid, the host added a little salt to it. The stupid guest tried again, found it better, and thought that it was tasteful, because of the salt.

To his thinking, the food would be so much better, if he took a great deal of salt. Then this stupid and ignorant man ate it on an empty stomach. Afterwards, he had his palate out of order and fell ill.

The heretics, having learned that abstaining from food and drink might lead to the path of Enlightenment, immediately fasted for seven or fifteen days. They merely got fatigued and famished, accomplishing nothing in terms of Enlightenment. Those heretics are just like that stupid man, who, on account of the pleasant flavor that the salt enhanced, ate salt on an empty stomach only to lose all tastes (and get sick afterwards).

thơ TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THẾ ĐỨNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

(Chương XXXVI,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

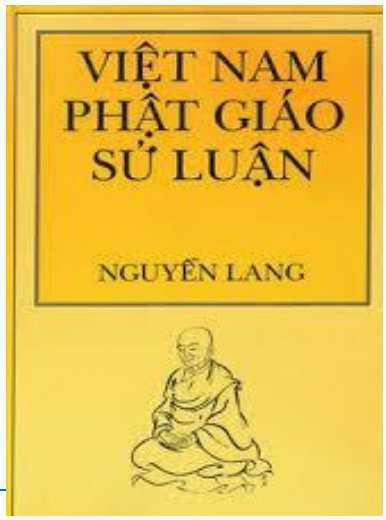

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THÁI ĐỘ BẤT HỢP TÁC CỦA PHẬT GIÁO VÀ ĐẠO DỤ SỐ 10

Từ sau khi các mặt trận chống Pháp tại các thành phố bị tan vỡ, đất nước được đặt dưới hai vùng kiểm soát: Vùng *giải phóng* được kiểm soát bởi chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và vùng *tạm chiếm* được kiểm soát bởi quân đội Pháp và chính quyền "bù nhìn" do Pháp dựng lên. Chính quyền đầu tiên của vùng Pháp kiểm soát là chính quyền Nguyễn Văn Xuân thành lập vào tháng Năm năm 1948 tại Sài Gòn. Chính quyền này liên lạc với cựu hoàng Bảo Đại tại Hương Cảng. Cựu hoàng về nước ngày 2.7.1949 với danh hiệu *Quốc trưởng Việt Nam*. Trước đó ông đã ký kết với Tổng thống Pháp Vincent Auriol ngày 8.3.1949 một thỏa hiệp về "nguyên tắc độc lập thống nhất", đặt Việt Nam vào trong khối Liên hiệp Pháp. Các chính phủ Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bửu Lộc và Ngô Đình Diệm tiếp nối nhau cai trị vùng "quốc gia" dưới quyền của Quốc trưởng Bảo Đại, cho đến khi Hiệp định Genève năm 1954 chia cắt đất nước Việt Nam thành hai miền Nam Bắc.

CHÙA TỪ ĐÀM, HUẾ

Tại vùng giải phóng tức là ở các chiến khu, mọi hoạt động đều được hướng về mục tiêu kháng chiến và sản xuất để nuôi dưỡng kháng chiến cho nên sinh hoạt tôn giáo đã được hạn chế tới mức tối thiểu. Tuy bất bình với chính sách hạn chế tôn giáo của chính quyền cách mạng, giới Phật tử vẫn hết lòng phục vụ kháng chiến, nghĩ rằng một ngày mai khi đã đánh đuổi hết giặc Pháp về nước, mình sẽ tranh đấu cho quyền tự do tín ngưỡng của mình cũng chưa muộn.

Tại các vùng tạm chiếm mà sau này được gọi là vùng *quốc gia*, giới Phật tử có nhiều tâm lực hơn để hoạt động Phật sự. Mọi người có ý thức rất rõ về cuộc kháng chiến chống Pháp đang tiếp diễn trên mọi nẻo đường đất nước và tâm hồn họ nồng nhiệt hướng về cuộc kháng chiến đó. Bằng mọi phương thế, họ tìm cách liên lạc, gia nhập và ủng hộ phong trào kháng chiến. Sau khi hồi cư, nhiều thanh niên lại bỏ nhà ra đi theo tiếng gọi của Tổ quốc, tìm lên chiến khu, tìm về miền giải phóng. Những người khác ở lại vùng Pháp kiểm soát và âm thầm hoạt động cho kháng chiến. Trong một chương trước ta đã thấy rằng trong giới tăng sĩ cũng có nhiều người bí mật hoạt động cho kháng chiến và nhiều vị đã chết dưới mũi súng của người Pháp hoặc những kẻ làm tay sai cho Pháp.

Những tang thương do chiến tranh gây nên và nhất là những thủ đoạn tàn ác của quân đội viễn chinh Pháp đã làm cho người Phật tử quyết tâm đứng hẳn về phía kháng chiến […].

Tuy nhiên, tại vùng thực dân tạm chiếm, số người làm tay sai cho Pháp trong việc dò xét và tố cáo đồng bào không phải là ít. Có những kẻ chuyên môn đưa Mật thám Pháp

tới các xóm làng hoặc khu phố để nhận diện những người hoạt động cho kháng chiến. Họ được Mật thám Pháp trùm lên đầu một chiếc bao bố có chừa hai lỗ thủng để nhìn. Những người dân nào bị bao bố gật đầu đều bị mang về bót. Tất cả những hành động liên lạc, ủng hộ hoặc hoạt động bí mật cho kháng chiến một khi bị khám phá đều đưa người ta đến tù đày, tra tấn hoặc thủ tiêu. Nhưng tất cả những hình phạt đó đã không ngăn được lòng yêu nước. Chính con cháu của những người làm mật thám cho Pháp cũng hoạt động cho kháng chiến. Những thanh niên này, một khi bị bắt, thường được cha mẹ can thiệp với Pháp để thả ra. Để con cháu mình đừng hoạt động cho kháng chiến nữa, những người này thường vận động để cho chúng được đi ra nước ngoài du học.

Như ta đã thấy ở một chương trước, sau khi hồi cư, đồng bào đi chùa rất đông. Tại chùa, họ tìm được niềm an ủi sau bao nhiêu biến động đổ vỡ, sau bao nhiêu điêu linh, tàn phá, tang tóc và chia ly. Sinh hoạt tôn giáo là một nhu cầu lớn của quần chúng. Chùa là nơi thích hợp và an toàn nhất để người ta gặp nhau, khóc kể với nhau, an ủi lẫn nhau và cùng nhau cầu nguyện. Các hội Phật giáo bắt đầu sinh hoạt trở lại. Thực dân Pháp nghĩ rằng thà để cho người ta bỏ thì giờ vào việc tôn giáo tín ngưỡng còn hơn là để họ có thì giờ liên lạc và hoạt động kháng chiến. Về phía những người Phật tử, không khí sinh hoạt Phật tử là không khí gần gũi nhất với tình tự dân tộc và trở về chùa cũng như là trở về với lập trường dân tộc. Đứng về phương diện tổ chức, cố nhiên các chùa và các hội không có liên hệ gì với kháng chiến, nhưng đứng về phương diện tình cảm và xu hướng, ai cũng biết rằng chùa không dính líu mảy may nào với thực dân và với những lực lượng tay sai của thực dân, trái lại, còn có những liên hệ tình cảm nồng hậu đối với cuộc kháng chiến của dân tộc. Bằng cớ là sự tham dự với tư cách cá nhân của những thành phần tăng sĩ và cư sĩ, già cũng như trẻ, trai cũng như gái, vào cuộc kháng chiến.

Thực dân Pháp biết rõ điều đó và những người tay sai của họ cũng biết rõ điều đó, cho nên chính quyền vùng Pháp kiểm soát luôn luôn gài mật thám vào các tổ chức Phật giáo để dò xét. Không có tỉnh hội Phật học nào mà không có ít ra là một nhân viên mật thám xen vào trong ban trị sự. Các tổ chức Phật giáo, tuy vậy, vẫn từ từ xây dựng được cơ sở của mình, vì trên mặt hình thức, lập trường "không chính trị" được họ tôn trọng một cách tuyệt đối và không bao giờ trong một phiên họp của ban trị sự tỉnh hoặc của tổng trị sự miền mà một vấn đề chính trị được đem ra thảo luận.

Lập trường "không chính trị" của các hội Phật giáo lại còn giúp cho người Phật tử Việt Nam thoát được áp lực của chính quyền luôn luôn muốn họ đứng về phía chống lại kháng chiến và tuyên bố chống lại kháng chiến. Thực dân Pháp cũng biết rõ điều này. Không kiểm soát được lực lượng Phật tử về mặt tình cảm và xu hướng, họ tìm cách kiểm soát Phật tử về mặt tổ chức. Đạo dụ số 10 do thực dân ép Bảo Đại ký năm 1950 là một trong biện pháp họ đặt ra để kiểm soát các hội Phật giáo trong nước.

Đạo dụ số 10 đặt các tổ chức tôn giáo vào thể chế các hiệp hội thông thường. Điều thứ 7 của Đạo dụ này nói rằng chính quyền "có quyền bác khước đi, không cho lập hội mà không phải nói lý do" và giấy phép lập hội dù đã được cấp, cũng có thể bãi đi, nếu chính quyền xét rằng vì "lẽ trị an" cần phải làm như vậy. Điều thứ 12 cho phép bất cứ nhân viên nào của hành pháp và tư pháp cũng có quyền xét hỏi và kiểm soát cơ sở, hồ sơ và nội tình của các tôn giáo. Cấp lãnh đạo của tôn giáo, theo đạo luật này, cũng phải được do đại hội đồng bầu cử. Tuy nhiên, các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô không bị đặt vào trong thể chế các hiệp hội. Điều thứ 44 của đạo dụ nói rằng một "chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô" sẽ được quy định và ban hành.

Đạo dụ nói trên đã kiến tạo nên rất nhiều bất mãn trong giới Phật giáo, Cao Đài và Hòa Hảo đối với chính quyền Bảo Đại. Người ta thấy rõ dụng ý của thực dân Pháp và chính quyền thân Pháp: Chỉ có thể tin tưởng vào sự trung thành của giáo dân Cơ Đốc giáo đối với việc chống Việt Minh mà không thể tin tưởng vào những tổ chức tôn giáo khác, nhất là Phật giáo, dù rằng trong số đồng bào Công giáo vẫn có phần tử hết lòng tham gia kháng chiến. Sự đối xử kỳ thị của chính quyền thân Pháp đã đào sâu thêm hố chia rẽ vốn đã có sẵn giữa người Phật giáo và người Công giáo: Người Phật tử, từ ngày đất nước bị đặt dưới quyền đô hộ của người Pháp, đã thấy rằng Giáo hội Công giáo được người thực dân đặc biệt nâng đỡ và đã chiếm được địa vị ưu thắng trong xã hội.

Trong suốt thời gian kháng chiến, nhiều thanh niên bị cảnh sát Pháp bắt giữ vì tội tham dự kháng chiến đã được thả về khi có một vị linh mục Pháp đứng ra bảo lãnh. Có nhiều bà mẹ vì vậy đã chịu theo đạo Công giáo để có thể đến nhờ vị linh mục bảo lãnh cho con mình được tự do.

Không lợi dụng được các đoàn thể Phật giáo để chống lại kháng chiến, thực dân Pháp và chính quyền Bảo Đại đã âm mưu thành lập những tổ chức Phật giáo thân chính quyền như tổ chức Phật giáo Thuyền Lữ ở miền Trung và tổ chức Phật giáo Cổ Sơn Môn ở miền Nam. Những tổ chức này tuy được

chính quyền nâng đỡ vẫn không phát triển được vì không có quần chúng và cũng vì không có người có thực tài lãnh đạo.

PHẬT TỬ BỊ CHÈN ÉP VÀ KỲ THỊ

Trong thời gian 1945 – 1954, ta có thể nói rằng đại đa số Phật tử Việt Nam đứng về hàng ngũ kháng chiến chống Pháp. Nói như vậy không có nghĩa là trong thời gian đó người Phật tử Việt Nam nào cũng chấp nhận ý thức hệ Mác-xít và không thấy được hành động chèn ép của không ít người vô thần cực đoan đối với Phật giáo. Sự thực khác hẳn. Từ những năm 1945 và 1946, người Phật tử đã bắt đầu đụng chạm với thái độ và hành động chèn ép Phật giáo của những người vô thần cực đoan và trong suốt thời gian kháng chiến, nhiều Phật tử, tăng sĩ cũng như cư sĩ, đã trở thành nạn nhân của những chèn ép. Nhiều lãnh đạo Phật giáo trong các vùng kháng chiến bị chính quyền phong tỏa và cô lập hóa: Cư sĩ Thiều Chửu ở chiến khu Phú Thọ, tăng sĩ Thích Mật Thể và Thích Tuệ Chiếu ở chiến khu Thanh Nghệ Tĩnh, tăng sĩ Thích Huyền Quang tại chiến khu Bình Phú, v.v… là những trường hợp điển hình nhất. Tuy nhiên, trong tình trạng quốc gia lâm nguy, đa phần Phật tử đã nén lòng chịu đựng để tiếp tục công cuộc chống Pháp. Họ chấp nhận sự chèn ép đó chỉ vì sự có mặt của quân đội viễn chinh Pháp trên đất nước họ. Tăng sĩ trẻ tuổi trong các chiến khu chấp nhận mặc áo thế gian để phục vụ kháng chiến. Thanh niên Phật tử đem hết tâm não và sức lực mình để xây dựng cơ sở kháng chiến. Hầu hết các đoàn viên của đoàn Thanh niên Phật học Đức Dục đều có mặt tại vùng giải phóng.

ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM CHẤP CHÍNH

Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7 tháng Năm năm 1954 là kết quả của nỗ lực phi thường của toàn dân Việt Nam, kể cả những người sống trong vùng Pháp kiểm soát. Chiến thắng này đã đưa tới thỏa hiệp Genève và sự rút khỏi Việt Nam sau này của quân đội viễn chinh Pháp. Nhưng Hiệp định Genève, ký ngày 20.7.1954, đã chia cắt đất nước Việt Nam thành hai, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến.

Tại hội nghị Genève, phái đoàn Pháp do ông Mendès France đứng đầu đã tranh luận với phái đoàn Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng điều khiển. Quyền quyết định, tuy vậy không thuộc hai nước Pháp và Việt mà thuộc về bốn cường quốc có mặt tại hội nghị: Hoa Kỳ, Anh Cát Lợi, Liên Xô và Trung Hoa. Lúc này, thế giới đã chia làm hai khối: Khối Cộng sản và khối Tư bản, hoặc nói một cách khác: Khối "Xã hội chủ nghĩa" và khối "Dân chủ tự do". Giải pháp dùng cho Việt Nam trước đó đã được dùng cho Đức quốc và Triều Tiên. Hiệp định Genève quy định thời gian rút quân của hai bên về phần đất dành cho mình, thời gian tập kết và di cư của những người muốn chọn lựa miền cư trú, việc phóng thích tù binh và thường dân bị giam giữ và việc tổ chức Ủy ban Quốc tế Giám sát Đình chiến.

Trước ngày ký kết Hiệp định Genève, dưới áp lực của người Hoa Kỳ, chính phủ Pháp và quốc trưởng Bảo Đại đã để cho ông Ngô Đình Diệm thay thế ông Bửu Lộc ở chức vị thủ tướng chính phủ. Thủ tướng Ngô Đình Diệm chấp chính vào ngày 8.7.1954.

Sau ngày ký kết Hiệp định Genève, với sự yểm trợ của Hoa Kỳ, cùng những phương tiện vận chuyển của quân đội Pháp, ông đã tổ chức đưa một triệu dân di cư từ miền Bắc vào miền Nam. Số người Công giáo di cư lên tới hơn 700.000 người. Số còn lại là những người theo Phật giáo và các tôn giáo khác.

Thủ tướng Ngô Đình Diệm muốn liên hệ trực tiếp với Hoa Kỳ để xây dựng và bảo vệ miền Nam, cho nên đã không ngần ngại tổ chức truất phế quốc trưởng Bảo Đại và thoát ly sự kềm kẹp của thực dân Pháp. Ông đã thẳng tay đàn áp các lực lượng Bình Xuyên, Cao Đài và Hòa Hảo khi các lực lượng này liên hiệp với nhau đòi hỏi ông cải tổ chính phủ để thực hiện "một chính quyền lành mạnh không có tính cách gia đình trị". Ngày 26.10.1955, sau khi tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để truất phế Bảo Đại, với tư cách Quốc trưởng, ông đứng lên tuyên bố thành lập nước Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam và đồng thời ban hành một bản Hiến Ước tạm thời. Điều thứ 2 của bản Hiến Ước định rằng "quốc trưởng đồng thời cũng là thủ tướng chính phủ, lấy danh hiệu là *tổng thống Việt Nam Cộng hòa*". Rồi ông tổ chức bầu cử Quốc hội Lập hiến và "đề nghị" với Quốc hội soạn thảo một bản hiến pháp căn cứ trên "*căn bản Duy Linh*" và "*đường lối Nhân Vị*"[1].

Từ tháng Bảy năm 1954, Hoa Kỳ đã bắt đầu trực tiếp viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa, mà không còn qua trung gian người Pháp. Dựa vào sự quyết tâm ủng hộ miền Nam của Hoa Kỳ và trước sự thất thế của Pháp, ông Diệm có điều kiện để tỏ ra chống thực dân Pháp. Sự chống đối này không khó khăn gì và không gặp trở lực nào, nhưng đã đem lại cho chính quyền ông nhiều cảm tình, vì quần chúng từ lâu đã thù ghét quân đội viễn chinh Pháp. Từ tháng Chín năm 1954, các cơ sở như Tòa án Hỗn hợp Pháp – Việt, Công an Liên bang, Viện Phát hành Đông Dương và Viện Hối đoái Đông Dương đều được bãi bỏ. Hiệp định 29.12.1954 công nhận Việt Nam có quyền ấn định chính sách ngoại thương. Việt Nam nắm lấy quyền Quản lý Đại học. Hiệp định ngày 30.3.1956 quy định việc rút hết quân đội viễn chinh Pháp ra khỏi miền Nam. Đơn vị cuối cùng của đạo quân

viễn chinh này rời khỏi đất nước người Việt vào những ngày cuối tháng Tư năm 1956.

CON ĐƯỜNG ĐỘC LẬP ĐỐI VỚI CÁC THẾ LỰC CHÍNH TRỊ TRANH CHẤP

Ta biết rằng Đại hội Phật giáo Toàn quốc kỳ II được triệu tập tại Sài Gòn ngày 1 tháng 4 năm 1956 và sau đó là trụ sở của Tổng hội được dời từ chùa Từ Đàm về chùa Ấn Quang. Đại hội này đánh dấu giai đoạn mà Phật giáo Việt Nam xác định một con đường độc lập và một lập trường độc lập với các thế lực chính trị tranh chấp.

Con đường ấy cũng như lập trường ấy không phải một sớm một chiều mà người Phật tử Việt Nam đã tìm thấy. Trái lại, đó là kết quả của bao nhiêu kinh nghiệm và nhận định đúc kết lại trong hơn mười năm sống trong hoàn cảnh chiến tranh và tranh chấp. Như ta đã thấy trong chương trước, tập san *Phật Giáo Việt Nam*, cơ quan chính thức của Tổng hội đã phản chiếu được khá rõ ràng con đường đó, dù tờ báo nằm trong khuôn khổ của chế độ kiểm duyệt.

Lập trường của *Phật Giáo Việt Nam* lúc ấy có thể được trình bày qua nhận định của người Phật tử thời đại về tương lai của đạo Phật, của Dân tộc và của Hòa bình.

Tương Lai Của Đạo Phật. Thiết tha với nền độc lập quốc gia và khao khát xây dựng hòa bình, người Phật tử Việt Nam cũng đồng thời rất bận tâm về vấn đề tương lai của tôn giáo mình. Đứng trước sự đe dọa và sự tàn ác của quân đội viễn chinh Pháp, người Phật tử Việt Nam đã không ngần ngại đứng về phía các lực lượng kháng chiến. Những ai không tham dự trực tiếp hoặc gián tiếp vào kháng chiến thì ít ra cũng đứng về phía trung lập, nhất định không làm tay sai cho lực lượng chống kháng chiến. Lập trường dân tộc của họ rất rõ ràng […]. Sau khi Hiệp định Ge-nève được ký kết, Phật tử sống ở hai miền kiểm soát được gặp gỡ nhau […]. Cùng với sự rút lui của quân đội viễn chinh Pháp ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Pháp được kết liễu, cuộc vận động thống nhất đất nước bắt đầu. Chính từ lúc này người Phật tử Việt Nam bắt đầu thấy rằng mình có thể có một con đường độc lập để phụng sự cho hòa bình và cho dân tộc. Phật tử miền Bắc ao ước rằng, sau khi tiếp thu trọn lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 trở đi, sẽ có một đường lối chính trị cởi mở đối với Phật giáo, sẽ xây dựng miền Bắc cho phồn thịnh để hiệp thương với miền Nam về vấn đề thống nhất lãnh thổ. Vì niềm hy vọng này mà các cây trụ chống lớn nhất của Phật giáo miền Bắc như các thiền sư Tuệ Tạng, Tố Liên, Trí Hải và Thái Hòa đều cương quyết ở lại miền Bắc cùng quần chúng Phật tử mà lâu nay họ đã lãnh đạo. So với số người đồng bào Công giáo của mình, số Phật tử di cư vào Nam chỉ bằng một phần sáu, trong đó có chừng bốn mươi tăng sĩ. […]

Phật tử miền Nam, trong lúc đó, cũng ao ước có thể duy trì các cơ sở Phật giáo đã xây dựng được trong quá khứ, đóng góp vào sự xây dựng một miền Nam trù phú, có no ấm và tự do để thực hiện thống nhất với miền Bắc trong một thế đứng mạnh, có thể bảo đảm được quyền tự do tôn giáo […].

Sự thực xảy ra là không những tại miền Bắc đạo Phật bị chèn ép mà cả trong Nam cũng vậy, dù phương thức chèn ép Phật giáo ở hai miền không giống nhau. Tại miền Nam, mà từ đây được gọi là Việt Nam Cộng hòa, tổng thống Ngô Đình Diệm dựa trên lực lượng của người Công giáo để chống Cộng và để xây dựng miền Nam, đặt miền Nam vào thế tiền đồn chống Cộng theo ước muốn của khối Tư bản chống Cộng. Thế đứng của Việt Nam Cộng hòa cũng như thế đứng của Nam Hàn hoặc Tây Đức và sự dựa lưng vào khối Tư bản là chuyện đương nhiên. Cả đến việc chủ nghĩa nhân vị duy linh rút cảm hứng từ giáo lý Ky-tô giáo và việc củng cố các lực lượng Công giáo trong mục tiêu chống Cộng cũng là chuyện đương nhiên, khi người ta biết tổng thống Ngô Đình Diệm và những người thân tín nhất của ông như tổng giám mục Ngô Đình Thục và ông cố vấn Ngô Đình Nhu là những người theo Công giáo. Nhưng chế độ miền Nam còn muốn đi xa hơn thế: Chính quyền miền Nam đã đè nén Phật giáo để đưa Giáo hội Công giáo lên địa vị độc tôn, đến nỗi những ai muốn có chân đứng trong chính quyền hoặc trong số những thành phần ưu đãi của xã hội đều phải theo Công giáo. Điều này ta sẽ thấy rõ trong chương tới. Sự chèn ép này đã được người Phật tử nhận thấy từ những năm đầu của chính quyền Ngô Đình Diệm. Thiền sư Trí Quang, trong tạp chí *Phật Giáo Việt Nam*, đã than thở rằng chỉ ở những nước trung lập không liên kết thì Phật giáo mới được dễ thở, còn ở những nước như Việt Nam thì Phật giáo "không khỏi có vẻ lúng túng và chật vật".[2] Ý của ông là ở miền Bắc thì đạo Phật bị người vô thần chèn ép, còn ở miền Nam thì lại bị người Công giáo đè nén.

Trong bài *Hướng Đi Của Người Phật Tử Việt Nam*, Dã Thảo xác định con đường của Phật tử là con đường trung đạo, chú trọng tới sự giác ngộ tự tánh hơn là sự giác ngộ quyền lợi, đặt niềm tin nơi con người chứ không đặt niềm tin ở những thế lực ngoài con người[3]. Nói như thế, ông khước từ một lượt chủ nghĩa duy vật ở miền Bắc và chủ nghĩa duy thần (hoặc duy linh) ở miền Nam.

Ý thức về tình trạng và vị thế của mình, Phật tử ở cả hai miền Nam Bắc đều nỗ lực để bảo vệ chỗ đứng của mình giữa các gọng kềm ý thức hệ.

Ước Vọng Về Hòa Bình. Mười năm chiến tranh đã đem lại bao nhiêu đổ vỡ tang tóc trên đầu người dân Việt. Nhận thức đó, cũng như bản chất từ bi sẵn có của đạo Phật đã đưa người Phật tử Việt Nam tới thái độ cương quyết từ khước chiến tranh và bạo động, dù là để đi tới thống nhất đất nước. Nhận định rằng trong thế tranh chấp của hai khối quốc tế, hai miền Nam Bắc Việt Nam có thể trở thành tuyến đầu của một cuộc chiến tranh thử sức của các cường quốc, Phật tử Việt Nam từ lúc đầu đã đặt hòa bình làm mục tiêu lớn nhất của mình.

Hòa bình, theo họ, không phải chỉ là kết quả của một thế quân bình lực lượng. Hòa bình chân thực, theo họ, phải: 1/ Phát xuất từ tâm niệm thực sự tôn trọng sự sống, 2/ Lấy tình thương làm động lực hành động; 3/ Vượt thắng tham vọng hận thù trong tự tâm; và 4/ Không cố chấp cuồng tín ở một ý thức hệ[4]. Hòa bình, theo họ "phải có tính cách thiêng liêng như là một tôn giáo thứ hai của mình."[5]

Ước vọng thầm kín của người Phật tử miền Nam là gì? Ước vọng ấy là phát triển cơ sở Phật giáo, đoàn kết thành một lực lượng dân tộc lớn để có thể đóng góp vào việc xây dựng một miền Nam phồn thịnh, giàu mạnh, có thể đứng vững vàng, để hiệp thương với miền Bắc mà đi đến sự thực hiện một nước Việt Nam Thống nhất, trung lập, thoát ra ngoài hai khối tranh chấp lớn và gia nhập vào khối các quốc gia trung lập không liên kết, trong đó có Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, tóm lại những nước mà trong đó Phật giáo được tự do phát triển. Ước vọng này hoàn toàn phù hợp với ước vọng của giới Phật tử ở các nước trong đó Phật giáo đã từng là viên đá nền tảng cho sự lập quốc. Bác sĩ Malalasekera, chủ tịch hội Thế giới Phật giáo Liên hữu (World Fellowship of Buddhists) trong đại hội đồng của hội năm 1950 tại Tích Lan, đã tuyên bố như sau: *"Các nước Đông phương chúng ta đã tranh đấu để thoát khỏi ách nô lệ chính trị ngoại bang. Chúng ta phải ngăn chặn làn sóng duy vật bằng cách phục hưng nền tôn giáo cổ truyền của chúng ta. Hai ý thức hệ đang tranh chấp nhau trên thế giới ngày nay, đều được xây dựng trên hận thù. Các nước Phật giáo có nhiệm vụ phải tranh đấu để đem lại hòa bình và an lạc tại những địa phương mà các thế lực khác đã chứng tỏ sự thất bại. Chúng ta phải lấy hòa bình làm mục tiêu, và đưa nhân loại về với tinh thần bao dung của đức Phật."*[6] Ta có thể cho rằng ước vọng của Phật tử Việt Nam hơi xa vời, nhưng sự thực, đó là ước vọng chân thực nhất của họ.

Để thực hiện ước vọng này, công việc đầu tiên của họ là xây đắp đạo Phật cho bền vững. Bài ca dao "Tay bưng đĩa muối chấm gừng" của Tâm Kiên đã nói tỏ chủ định kia. Theo Tâm Kiên, hai miền Nam Bắc phải thương yêu lẫn nhau, tìm giải pháp hòa bình mà thống nhất, bởi vì "gà cùng một mẹ" không thể cùng đá đáp lẫn nhau[7].

Lập Trường Dân Tộc. Hai miền Nam Bắc đều tự cho mình có lập trường dân tộc. Đối với người Phật tử, lập trường dân tộc không thể tách rời khỏi văn hóa dân tộc. Một chủ nghĩa ngoại lai chủ trương lật ngược hết mọi truyền thống văn hóa dân tộc không thể là chân dung đích thực cho một lập trường dân tộc. Khắp nơi, người Phật tử nói tới sự liên hệ giữa đạo pháp và dân tộc, nhu yếu thu góp lại vốn cũ của văn hóa dân tộc để làm nền tảng cho sự tiếp thu những giá trị mới, để cho tinh thần Việt Nam không bao giờ mất gốc. Tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* thường nhắc đến vai trò xây dựng văn hóa dân tộc từ các thời đại Đinh, Lê, Lý và Trần. Tạp chí này cũng nhấn mạnh đến thái độ cởi mở cần có của các đoàn thể tôn giáo và văn hóa trong nước để có thể dung hợp nhau mà xây dựng đất nước.

Tại miền Bắc, Phật tử Việt Nam đã làm hết sức mình, nhưng cũng không đạt được những thành tích nào đáng kể. Trái lại, cơ sở của Phật giáo càng ngày càng bị tiêu mòn. Tại miền Nam, tuy có sự chèn ép của chính quyền, Phật tử Việt Nam đã thực hiện được nhiều sự nghiệp đáng kể. Đó cũng là vì miền Nam thuộc khối Tư bản tự do, biên giới cởi mở, sự đè nén và đàn áp không thể thực hiện công khai trước mắt những quan sát viên quốc tế.

Ta sẽ lật tới một trang sử có thể gọi là kỳ diệu nhất của Phật giáo Việt Nam: Cuộc Vận Động Bất Bạo Động để lật đổ chính quyền độc tài của ông Ngô Đình Diệm.

(còn tiếp)

---

[1] Thông điệp của tổng thống Ngô Đình Diệm gửi Quốc hội ngày 17.4.1956.

[2] "Phật giáo chưa có thời đại nào sống trong hoàn cảnh phức tạp như ngày nay. Cho dầu Phật giáo không tự động mà cũng không ai có thể dùng Phật giáo vào lực lượng chiến tranh lạnh hay chiến tranh nóng, nhưng do bản chất hòa bình thực sự mà trong thế giới ngày nay, ở các quốc gia thuộc khối trung lập thì Phật giáo có vẻ đắc địa, nhưng ở những xứ như nước chúng ta thì không khỏi có vẻ lúng túng và chật vật." (Trí Quang, *Tư Tưởng Hệ Phật Giáo Việt Nam* số 1, Bính Thân, 1956)

[3] *Phật Giáo Việt Nam* số 1, Bính Thân, 1956.

[4] Đạo Phật và nền hòa bình thế giới, *Phật Giáo Việt Nam* số 28, tháng 4, Kỷ Hợi, 1959.

[5] Bài báo vừa dẫn.

[6] Hélène Tournaise: *Livre Jaune Du Việt Nam*, Perrin, 1965, trang 283.

[7] *Phật Giáo Việt Nam* số 2, Bính Thân, năm 1956. Đã được trích dẫn trong chương trước.

"GẶP PHẬT GIẾT PHẬT"

*(**Câu Chuyện Cuối Tuần**— bài viết hàng tuần của GĐPT do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)*

Thưa các bạn,

Không biết các bạn có nghe câu nói này không? "Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ." Đây là câu nói của một vị Tổ (thiền sư Phật giáo) chứ không phải của một người ghét hay oán hận Phật giáo nói đâu, và chúng ta có thể cũng đã từng nghe tên một cuốn sách (rất tiếc là lâu quá, quên tên tác giả rồi!) có nhan đề là "IF YOU MEET THE BUDDHA ON THE ROAD, KILL HIM!"

Có người thắc mắc rằng Phật là đấng Giáo chủ tôn kính của các hàng Tăng Ni Phật Tử , sao lại có những người tín đồ Phật Giáo lại nói những lời bất kính đó? - Xin thưa, chữ "giết" ở đây không phải là giết một đức Phật bằng súng đạn, gươm dao và chữ Phật ở đây cũng không phải là đức Phật Thich Ca hay đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Xin các bạn chịu khó nghe những lời chia sẻ của người viết để hiểu rõ ý nghĩa.

Đạo Phật có khác hơn các tôn giáo khác một chút, đó là như đức Phật đã tuyên bố: "Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành", nghĩa là "khi mê là chúng sanh, khi ngộ là Phật." Tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh hay "hạt giống Phật"; khi mê thì hạt giống đó bị chôn vùi rất sâu như châu báu đang ở trong đất (đất Tâm). Khi phát tâm tu hành tinh tấn, quyết chí theo Đạo Giải thoát, loại bỏ Tham Sân Si để thanh lọc tâm ý thanh tịnh thì hạt giống đó sẽ hiển lộ.

Bước đầu vào ĐẠ0, người Phật Tử phải quy y Tam Bảo. Quy y là quay về và nương tựa Tam Bảo là "3 ngôi báu" PHẬT, PHÁP, TĂNG.

Phật là người Thầy/Đạo sư ngươi hướng dẫn chúng sanh đi theo con đương giải thoát khỏi khổ đau phiền não, v.v... Đó là đức Phật Thích Ca, là đức Phật lịch sử, đươc chúng sanh thờ phụng bái lạy... Tuy nhiên, nếu chỉ đi chùa, lạy Phật, dâng hương, cúng dường, v.v... mà không lo tu các hạnh lành Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh tấn, Hỷ xả, Thanh Tịnh thì không bao giờ giác ngộ (tỉnh mộng). Các thiền sư Phật giáo hay nói rằng, đó là "nấu cát, không bao giờ thành cơm" và chỉ biết thờ lạy tượng Phật thì ông Phật đó là "ông Phật ngoài đường" (the Buddha on the road). Ông Phật trong Tâm mỗi người mới đáng quy y nghĩa là trở về với bản thể Thanh Tịnh của ta (Phật tánh hay Tâm Phật).

PHÁP là những lời Phật dạy, những lời dạy này không do đức Phật sáng tác, mà là những định luật của Thiên nhiên, Vũ trụ... đã có tự ngàn xưa và cho đến ngàn sau, quả đất có thể tan ra thành tro bụi nhưng những định luật này vẫn còn đúng đến vô tận. Đó là những định luật Nhân Quả, Vô thường, Vô ngã, Duyên khởi, v.v… Các định luật này dù chư Phật có ra đời hay không, vẫn tồn tại. Sống thuận theo các định luật của Thiên nhiên, vũ trụ thì có an lạc, hạnh phúc, nếu đi ngược lại thì phiền não sẽ xảy ra ngay.

PHÁP còn có nghĩa là tất cả mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên và tâm linh, từ con người đến loài vật hay đồ vật, các loai hữu tình và vô tình, v.v… đều là PHÁP cả và thế giới cuả các Pháp, bao gồm trái đất của chúng ta, được gọi là Pháp giới. Mỗi Pháp đều có thể dạy cho chúng ta nhiều điều bổ ích nếu chúng ta muốn học hỏi. Một

bầu trời xanh, một lá cây, một hòn sỏi, một rừng cây, một bãi biển, một dòng sông... đều có thể dạy ta nhiều điều nếu chúng ta biết lắng nghe, biết quan sát (Đức Phật đã dạy như vậy và qua cuộc sống, chúng ta có thể kiểm chứng rất rõ ràng).

TĂNG là đoàn thể của những người xuất gia, nguyện trọn đời sống theo đời sống Tỉnh Thức của đức Phật, tinh cần thực hành 5 Hạnh lành: Từ Bi, Trí Tuệ, Tinh Tấn, Thanh Tịnh và Hỷ Xả. Tăng là một đoàn thể từ 4 người trở lên, cùng ở 1 nơi, cùng áp dụng và thực hành cùng một số Giới (Luật), tu tập Giới, Định, Tuệ và làm những điều lợi ích cho chúng sanh.

Phật giáo định nghĩa Giới, Định, Tuệ (Huệ) như sau:

TÂM ĐỊA CHẲNG QUẤY =>TỰ TÁNH GIỚ Ikhai phá, chăm bón... đó là 3 viên ngọc qúy (Tam bảo) ở "trong nhà".

Đến đây, chúng ta đã hiểu tại sao nói "nếu gặp Phật ngoài đường thì hãy giết đi."

TÂM ĐỊA CHẲNG LOẠN => TỰ TÁNH ĐỊNH

TÂM ĐỊA CHẲNG SI => TỰ TÁNH HUỆ

Quy y Tam Bảo chân chính là quy y Phật tánh, tánh Giác trong Tâm. Quy y Pháp là sống đúng theo những quy luật của thiên nhiên, của vũ trụ mà Tâm ta cảm nhận dễ dàng dù ta không biết đọc, không biết viết. Quy y Tăng là quy y bản tánh Thanh tịnh, tinh tấn, đoàn kết, của bản Tâm, hoàn thành nhiệm vụ làm lợi ích cho tha nhân. Đó là quy y Phật Pháp Tăng vốn có sẵn trong Tâm mình.

Để kết thúc bài viết ngắn này, xin giới thiệu với các bạn bài ca mà các thành viên trong những khoá thực tập Thiền hát để bắt đầu buổi tu học: BÂY GIỜ & Ở ĐÂY

Đây là TỊNH ĐỘ
Tịnh Độ là đây!
Thở vào CHÁNH NIỆM
AN TRÚ hôm nay
PHẬT là trái chín
PHÁP là mây bay
TĂNG thân khắp chốn,
Quê hương nơi này
THỞ VÀO hoa nở
THỞ RA trúc lay
Tâm không phiền muộn
Tiêu dao tháng ngày

Trân trọng,
NAL

AN VUI

Ngày lên như thiên thai
Nghe đôi lời xuôi tai
Xem đôi bài thơ người
Nhìn vào tranh thanh tươi
Nhìn trùng trùng phù vân
Trông ngàn ngàn yên ba
Thơ bồng bềnh thênh thang
Thơ kiêu hùng ngân xa
Người quen từ chưa quen
Người xa từ chưa xa
Cho người là cho mình
Vui người là vui ta
Đang đi là đang về
Đang làm là đang chơi
Trôi lăn trong luân hồi
Như ăn ngơi nằm ngồi
Gươm đao thương vong thân
Ngôn từ thương vong tâm
Ghi ân người ban quà
Ban quà người ghi ân
Kiêu căng là tù giam
Ăn năn là ưu phiền
Kiềm tâm là vô an
Cường tâm là thiên tiên
Mang tia nhìn sơ tâm
Soi đôi bờ trăm năm
Tìm an nhiên thường hằng
Hương ròng ròng như trăng
Tìm về quê ban sơ
Nhìn vầng trăng canh ba
Đi đi trong vô thường
Về về trong vô chung
Lòng từ bi bao dung
Trong sinh tồn lao lung.

thơ LƯU LÃNG KHÁCH

The Story of the Bhikkhu Who Had Been a Trainer of Elephants

Dhammapada, Verses 323

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (323) of this book, with reference to a bhikkhu who had previously been an elephant trainer.

On one occasion, some bhikkhus saw an elephant trainer and his elephant on the bank of the river Aciravati. As the trainer was finding it difficult to control the elephant, one of the bhikkhus, who was an ex-elephant trainer, told the other bhikkhus how it could be easily handled. The elephant trainer hearing him did as told by the bhikkhu, and the elephant was quickly subdued. Back at the monastery, the bhikkhus related the incident to the Buddha. The Buddha called the ex-elephant trainer bhikkhu to him and said, "O vain bhikkhu, who is yet far away from Magga and Phala ! You do not gain anything by taming elephants. There is no one who can get to a place where one has never been before (i.e.. Nibbana) by taming elephants; only one who has tamed himself can get there."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 323: Indeed, not by any means of transport (such as elephants and horses) can one go to the place one has never been before (i.e., Nibbana); but by thoroughly taming oneself, the tamed one can get to that place (i.e., Nibbana).

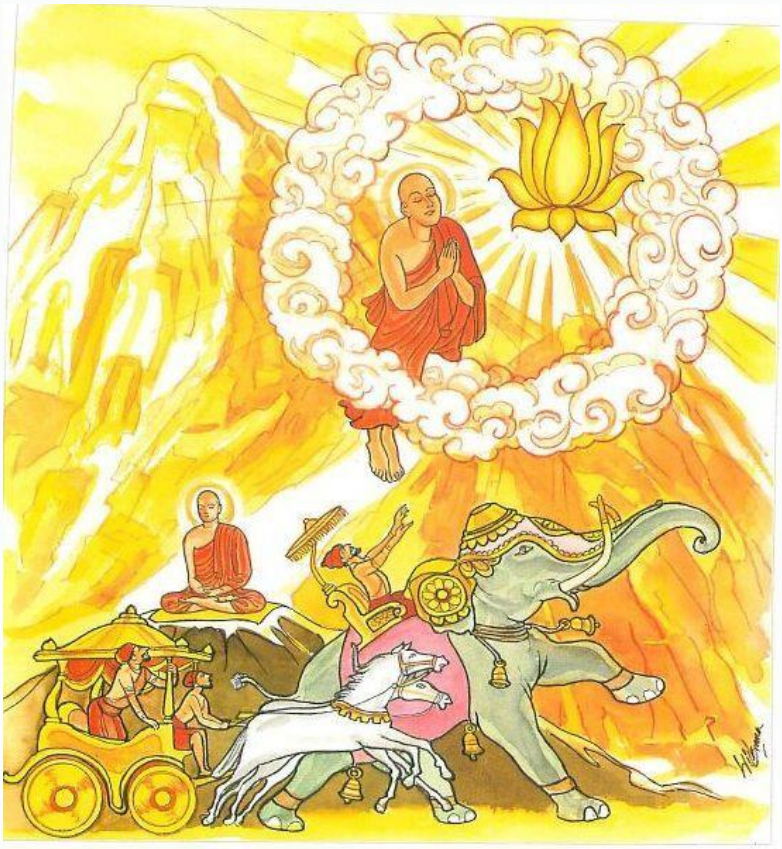

With a true discipline one gets to that ungone region of Nibbāna, and not by any other means.

323.	*Nahi ētēhi yānēhi* *gaccheyya agataṁ disaṁ* *yathā'ttanā sudantēna* *dantō dantēna gacchati.* (23:4)	Surely not on mounts like these one goes the Unfrequented Way as one by self well-tamed is tamed and by the taming goes.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

THẦY (2)

Thầy đã lên đường tự thuở nao
Nhiệt tâm dốc sức để truyền trao
Chánh pháp duy trì nơi cõi tạm
Thân gầy trụ vững chẳng suy hao

Sâu đời mạt pháp lắm thương đau
Tà sư tham chính vẽ bôi màu
Áo lam lụy phải trò danh lợi
Nên nỗi cà sa chợt đỏ au

Đồng đạo phân chia chuyện thị phi
Lục hòa quên béng kể từ khi
Ma vương thắng thế bày ra cuộc
Nội tình pháp lữ thậm lâm li

Đời khổ đau nhiều đạo lại suy
Vô thường thay đổi đoạn phân kỳ
Tánh không các pháp luôn là thế
Vô ngã thật như nhớ khắc ghi

Sắc – không tâm đắc thuộc lòng rồi
Phước – họa vần xoay mãi chẳng thôi
Đọa – thăng bất định mà trôi nổi
Chỉ chấp ngôn từ, khổ uổng công

Thích tử thực tu buông cả xuống
Đêm tàn còn sót ánh trăng suông
Tên trộm vô tình quên, để lại
Bậu cửa thiền môn mãi sáng luôn

Thầy đã lên đường không ngoái lại
Mặc cho mưa bão có dông dài
Khí độ trượng phu nào có ngại
Từ bi, trí tuệ vẹn toàn hai

Bát nhã láng lai tâm trí sáng
Tứ đại sa môn chứa vạn trang
Ngòi bút chảy tràn chân thật ngữ
Đạo, đời phụng sự tự tâm can

Nước loạn dân oan đạo ngả nghiêng
Ra tay chèo chống lái con thuyền
Vượt qua ghềnh thác và giông tố
Tâm nguyện đưa về chỗ tịnh yên

Hộ quốc hộ dân qua tháng năm
Tâm tư trong sáng tợ trăng rằm
Nước non cố quận không hề phụ
Thiên hạ bao người giữ trọn tâm

Trung đạo con đường Phật mở ra
Thiên nhân muôn loại cõi Sa Bà
Y giáo phụng hành nên nhập đạo
Tín tâm cần có cả công phu

Phúc nước còn đây bậc chân tu
Thầy thay sư phụ nối chơn truyền
Hộ pháp giữ gìn cơ nghiệp cũ
Hùng tâm lý rõ sự trung kiên

Mắt sáng như sao nụ cười hiền
Thân gầy lau sậy huệ vô biên
Viết sách dịch kinh truyền dạy chúng
Độc hành tinh tấn phụng nhơn thiên

Thiền thất đồi thông giữa núi rừng
Bóng thầy dáng dấp cuộc trùng hưng
Đạo pháp xương long dân tộc vững
Sử sách xưa nay cũng đã từng.

(Ất Lăng thành, 05/2021)

thơ ĐỒNG THIỆN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THOẢNG HỒN THƠ VIỆT TRÊN ĐẤT MỸ

Trần Kiêm Đoàn

Sáng nay, 20-5-2021, chén trà móc câu Thái Nguyên miên man hương vị quê nhà trở lại với mình sau hơn một năm dài vắng bóng. Lâu nay, vì đại dịch phải uống mãi trà Tàu, trà tứ xứ. Hương trà cũ lại phảng phất hồn quê khi cùng lúc có tin một bé gái người Việt thuộc thế thứ ba trên đất Mỹ đang ở cùng thành phố Sacramento với mình, vừa được giải "thi sĩ khôi nguyên" của tổ chức Thi sĩ Tuổi Trẻ Toàn quốc (National Youth Poet Laureate - NYPL) tại Hoa Kỳ: Đó là **Alexandra Huynh (Huỳnh Thụy An)**, 18 tuổi, vừa đoạt giải.

Văn bút thơ thẩn lắm khi có nét tình cờ của duyên thơ nhưng thi ca đích thực thường là do "văn chương nết đất, thông minh tính trời" như thi hào Nguyễn Du điểm xuyết Kim Kiều. Thật vậy, người đoạt giải thơ Tuổi trẻ Toàn quốc Hoa Kỳ năm 2021 này là con gái của đôi vợ chồng người Việt gốc Nha Trang. Hai anh chị theo gia đình định cư tại Mỹ theo diện HO-1 năm 1990 và lập gia đình tại Mỹ, sinh được 4 cháu (Thụy An và Thu Bình là hai cháu gái thứ nhì, sinh đôi), hiện đang ở tại Sacramento, thủ phủ tiểu bang California. Thụy An tốt nghiệp thủ khoa trung học Mira Loma và theo học trường đại học Stanford là đại học được xếp hạng trong số 3, 4 trường đại học danh tiếng nhất của Mỹ và toàn cầu. Thụy An cũng là huynh trưởng của tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam, sinh hoạt tại chùa Kim Quang, Sacramento.

Trả lời phỏng vấn của hãng thông tấn AP vào tối ngày 20-5-2021, Alexandra Huynh nói rằng thơ cũng là một khí cụ đầy sức mạnh để đương đầu với sự thách thức của cuộc sống.Sinh hoạt với Gia Đình Phật Tử Kim Quang từ lúc còn bé, tâm hồn Thụy An đã được tưới tẩm chất thơ qua ca dao lời ru của Mẹ, qua tiếng hát và lời kinh trong sinh hoạt đầy đạo hạnh và êm đềm của tuổi trẻ Phật tử dưới mái hiên chùa. Chất liệu và suối nguồn thi ca nầy đã thể hiện trong lời nói của Alexandra Huynh với phóng viên quốc tế: *"Tiếng Việt tự nó đã là một tiếng nói giàu chất thơ. Trong sinh hoạt văn hóa của người Việt người ta đã nói thành thơ trong cuộc sống hằng ngày."* Thụy An còn cho hay là đã tập viết những lời thơ phổ nhạc từ khi mới 7 tuổi; đặc biệt là sau những lần đọc thơ trước công chúng thì lại càng cảm thấy sức mạnh của chữ nghĩa có tác động tích cực lên tâm lý và tinh thần đại chúng. Alexandra Huynh căn bản sáng tác thơ bằng tiếng Anh nhưng luôn nuôi hy vọng là sẽ có tác phẩm thơ ra đời và sẽ được chuyển ngữ sang "tiếng Mẹ đẻ", ngôn ngữ Việt Nam.

Tổ chức văn học nghệ thuật và phát triển Urban Word đã thành lập chương trình Nhà Thơ Trẻ Quốc Gia (NYPL) năm 2017, người đầu tiên được giải là Amanda Gorman. Gorman xuất bản thi phẩm đầu tiên từ năm 2015. Năm 2020, nhà thơ trẻ tuổi da đen nầy đã có vinh dự tên tuổi của mình được giới thiệu và làm nổi bật danh nghĩa tổ chức Nhà Thơ Trẻ Quốc Gia qua phần diễn đọc bài thơ "The Hill We Climb" trong ngày lễ nhậm chức của tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden. Chính Alexandra bày tỏ đã có được sức mạnh tinh thần hỗ trợ và có thêm năng lực sáng tạo thi ca từ hình ảnh Amanda Gorman đọc thơ cho cả thế giới đều nghe. Cũng nên biết thêm cho vui là giải thưởng NYPL hàng năm dành cho người đoạt giải là 35.000 USD và cộng thêm 5.000 USD cho các cuộc giới thiệu thơ trong nước.

Thế hệ trẻ người Việt nơi xứ người đã tạo được nhiều thành tích xuất sắc trong gần nửa thế kỷ lịch sử tha hương sau 1975 nhưng phần lớn là trong lĩnh vực khoa học công

nghệ. Đặc biệt về văn chương nghệ thuật, tác phẩm ra đời đòi hỏi tài năng, sự thẩm nhập văn hóa và tài hoa ngôn ngữ. Nguyễn Thanh Việt được giải thưởng Pulitzer năm 2016 về tiểu thuyết The Sympathizer và Alexandra Huynh được giải thưởng thơ năm 2021 đã mang lại niềm tự hào cho cộng đồng người Việt tha hương khi nói về văn học nghệ thuật. Ngoài ra, những tác giả gốc Việt tên tuổi khác cũng góp mặt trên văn đàn thế giới và được tặng các giải thưởng danh giá như Linda Lê (Pháp), Lại Thanh Hà (Mỹ), Kim Thúy (Canada), Nguyễn Hoài Hương (Pháp), Trần Minh Huy (Pháp), Monique Truong (Mỹ), Nam Lê (Úc)… Và, hy vọng một ngày không xa, sẽ có tên tuổi nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ Việt Nam tiếp cận với giải Nobel.

Sáng nay, có tin một số tác giả trong nước ngại dịch thơ của Alexandra Huynh từ tiếng Anh sang tiếng Việt vì không dễ dàng. Thật ra, thơ của Alexandra Huynh thường được sáng tác với sự kết hợp bất ngờ của những hình ảnh đầy tính biểu tượng nối kết thực tại. Ý và tình được diễn cảm bằng những câu chữ khá độc đáo. Một trong nhiều bài thơ với thể loại như thế được nhắc đến nhiều nhất là Lời Nguyện Mùa Thu (Autumn Prayer). Bởi thế, thơ của A. Huynh không dễ dàng cảm nhận trực tiếp khi chuyển ý và chuyển ngữ nên tương đối khó dịch qua ngôn ngữ thi ca của tiếng Việt. Mong rằng, tác phẩm dịch thơ bằng tiếng Việt đầu tay sẽ ra mắt sớm như mong ước của "thi sĩ khôi nguyên" trẻ tuổi đã chia sẻ…

Bình trà xanh Bắc Thái đã cạn nhưng hương vị quê nhà vẫn còn thoảng hương thơm và vị ngọt. Hồn thơ Việt trong thinh lặng vẫn còn lan tỏa năng lượng cho những thế hệ kế thừa.

Sacramento 21-5-2021
Trần Kiêm Đoàn

Alexandra Huynh performs at Mira Loma High School graduation 2020 (courtesy: San Juan Unified School District)

Mời nghe cô bé đọc bài thơ của mình: *https://vimeo.com/531069189*

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THINGS I HEAR OUTSIDE OF MY WINDOW

Những điều tôi nghe thấy bên ngoài cửa sổ

(Top Award for Poetry - **Huynh Thuy An Alexandra,** GĐPT Kim Quang)
Huynh trưởng **Bạch Xuân Phẻ** dịch

I.
Her frayed screaming
unleashed in hopes of scaring away all reason
-able blame
for some deadbeat who thinks of no one
but himself
I want to believe her, while
he pieces together defense
with expired self-pity
says *all I ever do*

a child begins to cry
and a car door settles the feud

II.
Cats are wailing
and it is dark out
Maybe they are lonely
or frightened
or children

III.
Withdrawal while
his friends (and I) bear witness
to his testimony
If I don't do it, I'm gonna die
Let me
die
let
go get
out
He is angry but won't
let on that it is at himself
I can tell by the circular sound of
his shouting, I can tell
Guilt is a boomerang

IV.
I'm here for a good time
not a long time
Three kids don't mean nothing
My kids are my number one priority
You don't know the sacrifices
uttered by the same woman

I
Cô ấy la hét
tung ra với hy vọng của sự sợ hãi xua đuổi mọi
lý do
-có thể đổ lỗi
cho một số kẻ chết chóc không nghĩ đến ai
ngoài chính mình
Tôi muốn tin cô ấy, trong khi
anh ấy hợp tác phòng thủ với nhau
với sự tự thương hại đã hết hạn
nói *tʳ t cʰ nh˥˧ng gì tôi t˥˧ng làm*

một đứa trẻ bắt đầu khóc
và một cánh cửa xe hơi giải quyết mối thù

II.
Mèo đang khóc
và trời tối tăm
Có lẽ họ đang đơn độc
hoặc sợ hãi
hoặc con nít

III.
Giảm dần đi trong khi
bạn bè của anh ấy (và tôi)
làm chứng
với lời bộc bạch của anh ấy
Nếu tao không làm điều đó, tao sẽ chết
Để tao
chết
để cho tao
đi ra ngoài
Anh ấy tức giận nhưng sẽ không
hãy để nó là ở chính anh ta
Tôi có thể biết bằng âm thanh tròn của
tiếng hét của anh ấy, tôi có thể nói
Tội lỗi là cái dao cong boomerang *

IV.
Tao ở đây trong khoảng thời gian vui vẻ
không lâu đâu
Ba đứa trẻ không có nghĩa là không có gì
Con tao là ưu tiên số một
Mày không biết gì về những hy sinh
lại được thốt ra bởi cùng một người phụ nữ

TRỞ VỀ MỤC LỤC

V.
The same couple at it again
except this time it's 7 am
I can almost hear the duct tape
of their relationship
giving out

a fibrous gasp
through my window's mesh screen
until they say enough
one of us should leave
and then I realize

neither of them can

VI.
an unbearable silence
as a reminder of every conversation
I was never meant to hear
I have to wonder if this suffering
has been magnified by quarantine
wherein every relation
becomes a mirror to our
sins
or is just that I never took
the time to
notice

how privileged I
have been
because home for me
always meant safe
while my neighbors' family portraits
were held together by safety pins

I couldn't help but listen
I could not help but
try to capture their afflictions
on paper, and rewrite the endings
as if I could will goodness into existence
I couldn't help it;
I want to help them
and I will do it
in the only way I know how

V.
Một cặp đôi lại cãi vả lần nữa
nhưng lúc này là 7 giờ sáng
Tôi gần như có thể nghe thấy băng keo
mối quan hệ của họ
cho ra

một tiếng thở dài hổn hển
qua màn hình lưới của cửa sổ của tôi
cho đến khi họ nói vừa đủ
một người trong hai chúng ta nên bỏ đi
và sau đó tôi nhận ra

không ai trong số họ có thể

VI.
một sự im lặng không thể chịu đựng được
như một lời nhắc nhở về mọi cuộc trò chuyện
Tôi không bao giờ có ý định nghe
Tôi phải tự hỏi liệu nỗi khổ niềm đau này
đã được phóng đại bằng cách kiểm dịch
trong đó mọi mối quan hệ
trở thành tấm gương phản chiếu tội lỗi của chính chúng ta
hoặc chỉ là tôi không bao giờ dành thời gian
để ý

tôi đã nhận chân sự đặc ân của chính mình
Bởi vì với tôi, căn nhà
luôn luôn có nghĩa là an toàn
trong khi chân dung gia đình hàng xóm của tôi
được giữ với nhau bằng các chốt an toàn

Tôi không thể không nghe
Tôi không thể không giúp, chỉ
cố gắng nắm bắt những phiền não của họ
trên giấy, và viết lại những đoạn kết
như thể tôi có thể đem lại sự tốt lành trong hiện hữu
Tôi không thể giúp được;
Tôi muốn giúp họ lắm
và tôi sẽ làm điều đó
theo cách duy nhất mà tôi biết

---

* Một miếng gỗ cong phẳng có thể ném để nó quay trở lại người ném, theo truyền thống thổ dân Úc sử dụng làm vũ khí săn bắn. Ý là tính cách luân chuyển, quay lại hậu quả tiêu cực.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

MỪNG NGÀY ĐẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT NGHĨ VỀ DI SẢN VÔ GIÁ CỦA NGÀI

Huỳnh Kim Quang

PHÁP LUẬN

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 nhằm vào ngày Rằm Tháng Tư âm lịch, mà theo truyền thống Phật Giáo Bắc Truyền là ngày Đại Lễ Đản Sinh lần thứ 2,645 của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là Người đã khai sáng ra Đạo Phật.

Liên quan đến ngày Đại Lễ Phật Đản, trong một cơ hội rất tình cờ tôi nhận được bài thơ "Tiểu Khúc Phật Đản" của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ do nhà văn Nhã Ca chuyển cho đọc. Bài thơ đã được Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ làm trong lúc ngồi tù dưới chế độ CSVN, có lẽ vào những năm từ 1984 tới 1989 là giai đoạn Hòa Thượng đã bị chính quyền CSVN bắt bỏ tù và kết án tử hình cùng với Giáo Sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát, nhưng sau đó vì bị thế giới lên án nên chính quyền CSVN đã giảm bản án xuống còn 20 năm tù và đã được thả ra vào năm 1998. Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã kể cho nhà văn Nhã Ca nghe rằng trong lúc ngồi tù nhân dịp Lễ Phật Đản nhớ đến Đức Phật nên Hòa Thượng đã làm bài thơ dài khoảng 300 câu, nhưng ra tù thì chỉ còn nhớ vài chục câu để viết lại thành "Tiểu Khúc Phật Đản."

Ngôi tháp và hồ nước tại Vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini) tại Nepal nơi Đức Phật đã đản sinh. (nguồn: https://www.allnepal.com)

Sông Hằng một dải trôi mau;
Vận đời đổi ngã bạc đầu Vương gia.
Tuyết sơn phất ngọn trăng già,
Bóng Người thăm thẳm vượt qua chín tầng.
Cho hay Bồ tát hậu thân,
Chày kình chưa chuyển tiếng vần đã xa.
Sườn non một bóng Đạo già
Trầm tư năm tháng bến bờ tử sinh.
Nhìn Sao mà ngỏ sự tình:
Ai người Đại Giác cho mình quy y?
Năm chầy đá ngủ lòng khe;
Lưng trời cánh hạc đi về hoàng hôn.
Trăng gầy nửa mảnh soi thềm,
U ơ tiếng Trẻ, êm đềm Vương cung.
Sao trời thưa nhặt mông lung;
Mấy ai thấu rõ cho cùng nghiệp duyên.
Khói mơ quấn quýt hương nguyền,
Hợp tan là lẽ ưu phiền đấy thôi.
Vườn Hồng khóa nẻo phỉnh phờ,
Cùng trong cõi Mộng chia bờ khổ đau.
Thời gian vỗ cánh ngang đầu;
Sinh, già, bịnh, chết, tránh đâu vận cùng.
Khổ đau là khối tình chung,
Ai nâng cõi Thế qua bùn tử sinh?

Bài thơ không chỉ nói đến sự thị hiện của Đức Phật trên trần gian mà còn gợi nhớ đến nhiều sự kiện lớn xảy ra trong cuộc đời của Ngài: Bồ Tát Hộ Minh từ cung trời Đẩu Suất (Cho hay Bồ tát hậu thân) đản sinh vào dòng họ Thích Ca, lớn lên trong hoàng cung (U ơ tiếng trẻ, êm đềm Vương cung), vượt thành đi xuất gia vào đêm khuya thanh vắng, sáu năm tầm đạo và tu khổ hạnh nơi rừng già (Tuyết sơn phất ngọn trăng già), thiền tọa 49 ngày đêm dưới gốc cây Bồ Đề và thành tựu đại giác ngộ và đại giải thoát vào lúc sao mai vừa mọc (Nhìn sao mà ngỏ sự tình / Ai người

Hồ nước sát cây Hoa Vô Ưu nơi Hoàng Hậu Maya hạ sinh Thái Tử Tất Đạt Đa tại Nepal. (nguồn: https://www.gardenvisit.com)

Đại Giác cho mình quy y), 45 năm vân du giáo hóa chúng sinh để "nâng cõi thế qua bùn tử sinh."

Trong lịch sử nhân loại không thiếu những đấng tôn sư, những bậc hiền triết đã nhìn thấy được bản chất của cuộc đời là vô thường như triết gia Hy Lạp Heraclitus, người sống vào khoảng 500 năm trước tây lịch, đã cho rằng tất cả mọi vật trên đời đều vô thường và không có gì tồn tại mãi. Ông so sánh mọi sự vật hiện hữu với dòng nước sông chảy, và nói một câu bất hủ rằng "bạn không thể nào bước qua hai lần cùng một dòng sông." Hay như nhà hiền triết Lão Tử của Trung Hoa xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ 6 trước tây lịch đã nói trong Đức Đạo Kinh rằng, "Ngô hữu đại hoạn vị ngô hữu thân. Nhược ngô vô thân hà hoạn chi hữu?" [Ta có nạn lớn vì ta có thân. Nếu ta không có thân thì nạn lớn làm sao có?].

Nhưng không có vị hiền triết nào nhìn thấu suốt vào nguyên nhân và hậu quả của khổ đau, cũng như nguyên nhân và thành quả của con đường diệt khổ để đưa ra lộ đồ thăng hoa cuộc sống từ đau khổ đến an lạc giải thoát như Đức Phật đã mô tả trong giáo lý Tứ Diệu Đế [Bốn Sự Thật Vi Diệu] của Ngài: Hiện trạng khổ đau (Khổ Đế), nguyên nhân của khổ đau (Tập Đế), thành quả niết bàn giải thoát mọi khổ đau (Diệt Đế) và con đường tu tập để diệt khổ và chứng Niết Bàn (Đạo Đế).

Trong Tương Ưng Bộ Kinh (Saṃyutta Nikāya) bản dịch Anh ngữ của Ngài Bhikkhu Bodhi từ bản Pali mà Nguyên Nhật Trần Như Mai dịch sang tiếng Việt được đăng trong https://quangduc.com, có đoạn Đức Phật dạy cho Vua Ba Tư Nặc về già chết như sau:

"Tại thành Xá Vệ (Sāvatthi), vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) của nước Kosala bạch Thế Tôn: "- Bạch Thế Tôn, có người nào sinh ra mà tránh khỏi già và chết không ?"

"- Thưa đại vương, không có ai sinh ra mà tránh khỏi già và chết. Ngay cả những người thuộc giai cấp Sát-đế-lỵ đại phú – giàu có, nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều kho tàng và hàng hóa, nhiều ngũ cốc – vì họ đã sinh ra, họ không tránh khỏi già và chết. Ngay cả những Bà-la-môn đại phú…, những gia chủ đại phú – giàu có với nhiều của cải và ngũ cốc – vì họ đã sinh ra, họ không thể tránh khỏi già và chết. Ngay cả những vị tỳ kheo đã đắc quả A-la-hán, những vị đã đoạn trừ các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã hoàn toàn đoạn trừ các kiết sử, đã hoàn toàn đạt được giải thoát nhờ chánh trí, ngay cả thân của quí vị ấy cũng phải chịu sự tan rã, cũng phải bị vất bỏ."

Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại tính tới thời đại của Đức Phật, nguyên tắc về nhận thức mang tính khoa học và khách quan tuyệt đối đã được Đức Phật đưa ra trong "Kinh Kalama: Lời Phật Dạy Cho Người Kalama" (Kalama Sutta: The Instruction To The Kalamas) do Nguyễn Văn Tiến dịch sang tiếng Việt từ bản Anh ngữ của Thượng Tọa Soma Thera dịch từ bản Pali và được đăng trên trang https://tienvnguyen.net:

"Người Kamala là các cư dân ở Kesaputta, ngồi một bên thưa với Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, có một số nhà sư và Bà La Môn, đến thăm Kesaputta. Họ chỉ giới thiệu, trình bày, và giải thích những giáo lý của họ; còn những giáo lý của người khác thì bị họ khinh thường, chửi rủa, và chỉ trích thậm tệ. Bạch

Một trong những Trụ Đá của Vua A Dục (Ashoka) tại Thành Phố VAishali, Ấn Độ, được xây vào thế kỷ thứ 3 trước tây lịch. Những Trụ Đá này là chứng tích lịch sử cụ thể nhất về sự xuất hiện của Đức Phật và Chánh Pháp của Ngài đã được lưu truyền khắp bốn phương từ thời Vua A Dục. (nguồn: www.en.wikipedia.org)

Thế Tôn, cũng có một số nhà sư và Bà La Môn khác, họ đến thăm Kesaputta. Họ cũng chỉ giới thiệu, trình bày, và giải thích những giáo lý của họ; còn những giáo lý của người khác thì bị họ khinh thường, chửi rủa, và chỉ trích thậm tệ. Bạch Thế Tôn, chúng con có sự nghi ngờ, có sự không chắc chắn liên quan đến những vị nầy. Các nhà sư và Bà La Môn nầy, ai nói thật và ai nói dối đây?"

"Nầy các người Kalama, đấy là chuyện đúng đắn khi quý vị có sự nghi ngờ, có sự không chắc chắn; sự không chắc chắn đã nẩy sinh khi tâm quý vị cảm nhận có điều gì đáng nghi ngờ. Hãy đến đây, nầy các người Kalama. Đừng chấp nhận dựa trên những điều sau đây: những gì mình đã được nghe đi nghe lại nhiều lần; hoặc dựa trên truyền thống; hoặc dựa trên tin đồn; hoặc dựa trên kinh sách; hoặc dựa trên sự phỏng đoán; hoặc dựa trên một sự thật đã được chấp nhận; hoặc dựa trên sự xét đoán bề ngoài; hoặc dựa trên một thành kiến (về một ý tưởng đã được suy ngẫm); hoặc dựa trên một người xem là có khả năng; hoặc dựa trên 'một nhà sư là thầy của mình'. Nầy các người Kalama, khi chính quý vị hiểu biết điều sau đây: 'Những điều nầy là xấu; những điều nầy thì bị chê trách; những điều nầy bị lên án bởi người khôn ngoan; qua sự thực hiện và quan sát, những điều nầy dẫn đến sự đau khổ và bệnh hoạn,' thì quý vị nên bác bỏ chúng."

Đức Phật đã để lại hai di sản rất lớn cho nhân loại mà cho đến nay vẫn còn là ngọn đuốc soi đường cho con người đi tới mục tiêu thăng hoa đời sống và đạt được giác ngộ và giải thoát mọi khổ đau. Hai di sản đó là trí tuệ siêu việt và lòng từ bi vô lượng.

Trí tuệ của Đức Phật được gọi là Vô Sư Trí (Anupadista-jñāna), tức là trí tuệ không do người khác chỉ dạy mà do chính Ngài tu tập chứng đắc. Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã giải thích về Vô Sư Trí trong sách Hoa Vô Ưu Tập 1 ở Chương Vô Sư Trí Vi Tôn được đăng trên trang mạng https://thientruclam.info như sau:

"Vô sư trí vi tôn nghĩa là trí vô sư tôn quý nhất. Tại sao tôi nói như vậy? Bởi vì chúng ta tu cốt là được giác ngộ, cốt được thành Phật nhưng mà giác ngộ cái gì? Đó là một vấn đề mà người Phật tử chúng ta cần phải hiểu. Nói đến đây tôi nhắc lại cho quý vị nhớ, thuở xưa đức Phật Thích Ca đi tu, qua những lần học hỏi với các vị tiên nhân nhưng chưa đạt được mục đích, cuối cùng Ngài từ giã hết để tu khổ hạnh. Sau khi tu khổ hạnh không có hiệu quả, Ngài sống trở lại bình thường và đến dưới cội bồ đề tọa thiền bốn mươi chín ngày đêm, Ngài được giác ngộ. Sau khi giác ngộ Ngài tuyên bố một câu như thế này: "Ta đã hàng phục tất cả, rõ biết tất

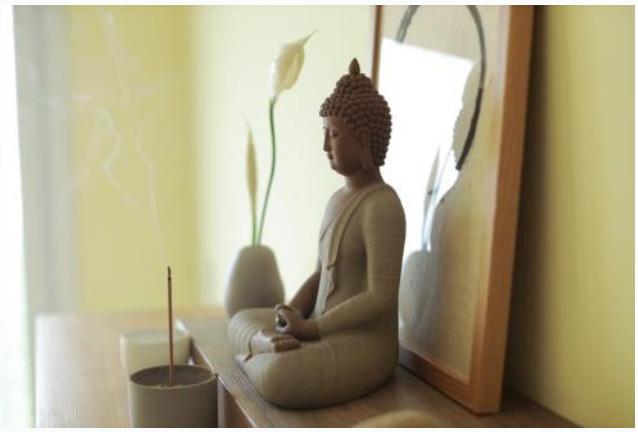

cả. Ta không nhiễm một pháp nào. Ta xa lìa hết thảy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ thì còn ai là thầy của ta? " (Kinh Pháp Cú).

Ngay câu nói đó chúng ta tự kiểm nghiệm xem: Ngài hàng phục được tất cả, Ngài không nhiễm tất cả, Ngài lìa hết thảy, Ngài diệt dục được giải thoát và tự mình chứng ngộ thì còn ai làm thầy? Như vậy cái chứng ngộ của đức Phật không do ai dạy Ngài hết. Nếu có người dạy tức là có thầy nhưng ngược lại không có ai dạy nên không có ai là thầy của Phật. Không thầy tại sao được giác ngộ? Điều đó chắc quý Phật tử cũng nhớ, như Phật đã tuyên bố do Ngài hàng phục tất cả, biết được tất cả, không nhiễm một pháp nào, xa lìa hết thảy, diệt dục mà giải thoát. Nghĩa là đức Phật tự hàng phục được nội tâm, tự biết rõ được tất cả các pháp thiện ác, nhiễm tịnh v.v... và Ngài không nhiễm các pháp ác, không kẹt các pháp thiện, do đó mà diệt dục được giải thoát là do tự chứng ngộ chớ không có ai là thầy cả."

Trí tuệ mà Đức Phật chứng đắc vượt lên trên tất cả mọi tri thức thường nghiệm của thế gian. Tri thức thường nghiệm của thế gian dựa vào những kinh nghiệm tích tập trong đời sống của một người hay trong kho tàng kiến thức của cộng đồng xã hội được tích lũy qua nhiều thế hệ. Tri thức đó dựa trên nền tảng thừa nhận sự thực hữu hay tính hữu ngã của tất cả mọi vật mọi sự. Triết gia Pháp René Descartes (1596-1650) đã từng nói rằng, "Tôi suy tư do đó tôi hiện hữu" (Latin: cogito ergo sum – English: I think therefore I am), theo https://plato.stanford.edu. Theo đó, triết học Tây Phương và truyền thống tư tưởng của nhân loại nói chung thừa nhận rằng tôi phải hiện hữu thì tôi mới suy tư và tôi hiện hữu có nghĩa là tôi thật có, tôi là thật ngã. Tư duy thông thường của con người không thể chấp nhận rằng chính người suy nghĩ và đối tượng được suy nghĩ tới đều không thực hữu. Nếu cả hai đều không thực hữu thì cái gì tồn tại

để suy nghĩ và cái gì tồn tại để làm đối tượng của tư duy?

Triết học Tây Phương đến thời triết gia Đức Martin Heidegger (1889-1976) đã nêu một tra vấn tối hậu về sự hiện hữu của con người và sự vật khi ông đặt câu hỏi rằng, "Tại sao hiện hữu thay vì không là gì cả?" (Why is there something rather than nothing?), theo www.en.wikipedia.org. Dù là triết gia khai phóng ra sự tra vấn về ý nghĩa hữu thể nơi con người và sự vật, Heidegger vẫn không vượt thoái khỏi sự trói buộc của khái niệm hữu ngã nơi con người và nơi mọi sự vật. Dù ông thừa nhận con người có khả năng tự vượt để hướng về phía trước, Heidegger vẫn không đẩy nổi con người ra khỏi quỹ đạo của tư duy hữu ngã để lao mình vào cõi vô ngã rỗng lặng mà Đức Phật đã chứng đắc trước đó hai mươi lăm thế kỷ.

Ngược lại, trí tuệ (prajñā hay paññā) mà Đức Phật chứng đắc nhìn thấu suốt bản thể của tất cả các pháp đều do duyên mà sinh khởi, tồn tại và hủy diệt, và do đó các pháp không có tự ngã, không có tự tánh, là giả hợp giả danh, là không tánh (Śūnyatā). Cái thật ngã, thật pháp, thật hiện hữu mà con người tư duy, nhận thức và bám chặt vào đó chỉ là ảo tưởng, là huyễn mộng. Đó chính là bi kịch lớn nhất của nhân sinh. Nằm mộng mà cứ ngỡ là mình đang thức tỉnh. Giống như trong Kinh Lăng Già (Laṅkāvatāra Sūtra) nói:

"Thế gian ly sanh diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm."

Trúc Thiên trong tác phẩm "Thiền và Kinh Lăng Già" của Thiền Sư Suzuki đã dịch Việt đoạn Kinh trên như sau:

"Khi quán tưởng thế gian này bằng trí và bi, người sẽ thấy nó giống như hoa đốm giữa trời, không thể nói nó có sinh ra, hay bị diệt đi, vì cả hai phạm trù "có" và "không" đều không dùng được ở đây."

Lòng từ bi vô biên của Đức Phật chỉ có thể được khai phát đến mức diệu dụng khi nào chứng ngộ được trí tuệ nhìn thấu suốt vào bản thể rỗng không của mọi pháp.

Lòng từ bi (Karuṇā) là di sản vô giá khác mà Đức Phật đã để lại cho nhân loại. Trong Kinh Từ Bi (Metta Sutta) qua lời dịch Việt của Thiền Sư Nhất Hạnh đăng trong trang nhà www.quangduc.com, Đức Phật đã dạy cách nuôi dưỡng lòng từ bi như sau:

"Nguyện cho mọi người và mọi loài được sống trong an toàn và hạnh phúc, tâm tư hiền hậu và thảnh thơi.

Nguyện cho tất cả các loài sinh vật trên trái đất đều được sống an lành, những loài yếu, những loài mạnh, những loài cao, những loài thấp, những loài lớn, những loài nhỏ, những loài ta có thể nhìn thấy, những loài ta không thể nhìn thấy, những loài ở gần, những loài ở xa, những loài đã sinh và những loài sắp sinh.

Nguyện cho đừng loài nào sát hại loài nào, đừng ai coi nhẹ tính mạng của ai, đừng ai vì giận hờn hoặc ác tâm mà mong cho ai bị đau khổ và khốn đốn.

Như một bà mẹ đang đem thân mạng mình che chở cho đứa con duy nhất, chúng ta hãy đem lòng từ bi mà đối xử với tất cả mọi loài."

Chính lòng từ bi mà Đức Phật đã cảm hóa vô số người thuộc nhiều giai tầng xã hội trong cuộc đời của Ngài. Với lòng từ bi, Đức Phật đã tự thân thực hành và khuyên đệ tử của Ngài thực hành hạnh không phân biệt đối xử, không kỳ thị màu da, chủng tộc và giới tính. Chính lòng từ bi mà Đức Phật đã khuyên dạy đệ tử đừng não hại, không sát hại sinh linh muôn loài, và nên thân cận và bảo vệ môi trường sống. Về điểm này, có lẽ Đức Phật là bậc Đạo Sư có cuộc sống gần gũi với thế giới thiên nhiên nhất: sinh ra dưới gốc cây Hoa Vô Ưu, thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề, nhập Niết Bàn dưới gốc cây Sa La, 45 năm du hóa với đôi chân trần, ngày khất thực và đêm ngủ dưới gốc cây, v.v… Chính lòng từ bi đã hướng dẫn con đường truyền bá của đạo Phật trên khắp thế giới mà không gây ra một cuộc chiến tranh tôn giáo nào trong suốt hai mươi lăm thế kỷ qua.

Chính lòng từ bi của Đức Phật đã khiến cho Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc công bố Nghị quyết 54/115 năm 1999 tuyên dương tinh thần từ bi hòa bình của Đức Phật và lấy đó làm chủ đạo cho công cuộc kiến tạo nền hòa bình trên thế giới trong bối cảnh thù hận và chiến tranh do sự cuồng tín, cố chấp và sân hận của con người gây ra. Cũng Nghị Quyết này LHQ đã công nhận ngày Đại Lễ Vesak được LHQ tổ chức hàng năm vào tháng năm để kỷ niệm ngày Đản Sinh, Thành Đạo và Nhập Niết Bàn của Đức Phật.

Trong mùa Phật Đản cầu nguyện cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi chúng sinh đều thoát khỏi đau khổ của dịch bệnh và những hận thù chủng tộc.

VÀI ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THUỐC NGỦ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Mất ngủ có thể là khó đi vào giấc ngủ, không ngủ một mạch tới sáng hoặc giấc ngủ trằn trọc, nhiều mộng mị, không êm dịu bình an.

Mất ngủ chỉ là dấu hiệu chứ không phải là một bệnh.

Nguyên nhân thông thường gây ra mất ngủ gồm có tác dụng phụ của một số dược phẩm trị bệnh, thay đổi hoàn cảnh, thay đổi môi trường và căng thẳng tinh thần.

Mất ngủ có thể tự điều chỉnh bằng cách thay đổi nếp sống, dùng thuốc trợ ngủ mua tự do hoặc thuốc cần bác sĩ biên toa.

Thuốc ngủ

Thuốc ngủ có thể là do bác sĩ biên toa hoặc mua tự do không cần toa.

a) Thuốc bác sĩ biên toa

Trước khi biên toa, bác sĩ thường hỏi những rủi ro đưa tới mất ngủ đồng thời cũng thực hiện một số xét nghiệm để biết rõ nguyên nhân. Thường thường bác sĩ biên toa cho dùng từ 2 tới 4 tuần lễ rồi khám lại xem thuốc có công hiệu như ý muốn. Nếu cần, bác sĩ sẽ thay toa.

Thuốc ngủ có 2 tác dụng: giúp dễ dàng đi vào giấc ngủ và giúp ngủ lâu hơn hoặc có cả 2 tác dụng.

Tác dụng phụ của thuốc ngủ có thể là cảm giác lâng lâng, ngây ngất, tiêu chảy, buồn nôn, dị ứng hoặc vừa lái xe, ăn uống vừa buồn ngủ.

Thuốc ngủ không phải là đáp số cuối cùng cho sự mất ngủ. Ta có thể uống tạm vài ba đêm, nhiều lắm là 1 tuần lễ trong khi tìm nguyên nhân gây ra mất ngủ rồi điều trị tới nơi tới chốn.

Thuốc ngủ không cho ta giấc ngủ mà óc não cần. Nó làm giảm thời gian ngủ nghịch thường với mắt chớp đều và mộng mơ. Mà khoa học cho mộng mơ là để giải tỏa những căng thẳng xẩy ra trong ngày, làm tâm hồn thư thái hơn. Nếu tình trạng rối loạn này xẩy ra thường xuyên, con người sẽ có những ảo giác và kém tập trung.

Thuốc ngủ có thể giúp ta đi vào giấc ngủ dễ dàng hơn nhưng ta phải trả một cái giá là chuốc lấy cảm giác ngây ngất, bải hoải, trì trệ, mơ màng, nửa tỉnh nửa mê và khó lòng nhớ những sự việc vừa mới xẩy ra. Ấy là chưa kể nếu dùng thường xuyên, mỗi đêm, với phân lượng cao ta còn bị phụ thuộc, bị ghiền, khó mà dứt được.

Tiến sĩ Donald Bliwise, Đại học Y khoa Emory, Attlanta, đã nhắc nhở về việc dùng thuốc ngủ như sau: "Thuốc ngủ chỉ nên thỉnh thoảng mới dùng. Người ta thường không cần thuốc để ngủ. Nếu quý vị bị chứng mất ngủ kinh niên thì nên tham khảo bác sĩ chuyên khoa ngay."

b) Thuốc Trợ Ngủ mua tự do

Với những mất ngủ ngắn hạn, có thể mua thuốc trợ ngủ không cần toa bác sĩ nhưng không nên dùng quá 2 tuần lễ.

Có 2 loại thường dùng là:

- Thuốc có chất chống dị ứng diphenhydramine như Benadryl, Sominex, Nytol
- Thuốc có chất chống dị ứng Doxylamine như Unisom

Ngoài ra, còn có Melatonine là một loại hormone do não bộ tiết ra. Hormon này điều hòa giấc ngủ theo ngày và đêm có thể giúp ta rơi vào giấc ngủ dễ dàng hơn.

Vài điều cần lưu ý:

a- Trước khi dùng, nên hỏi ý kiến bác sĩ để coi xem các thuốc trợ ngủ này có phản ứng với các thuốc khác mà ta đang dùng hay không.

b- Thuốc trợ ngủ nhóm chống dị ứng có thể tăng tính cách trầm trọng của người đang bị bệnh suyễn, bệnh nghẹt thở kinh niên, suy gan trầm trọng, bí tiểu tiện, cao áp suất mắt. Cần hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng, kể cả phụ nữ đang có thai hoặc cho con bú sữa mẹ. Thuốc có thể làm giảm sản xuất sữa và chuyển sang sữa khiến cho bé bị ngây ngất lây.

c- Không nên uống rượu khi đang dùng thuốc ngủ vì tình trạng ngây ngất sẽ tăng

d- Không nên lái xe khi đang dùng thuốc trợ ngủ để tránh rủi ro tai nạn khi đang ở trong tình trạng ngây ngất, buồn ngủ.

e- Khi giấc ngủ trở lại bình thường, nên ngưng thuốc ngủ từ từ. Đột nhiên ngưng có thể đưa tới hoàn cảnh mất ngủ trở lại.

Trước khi dùng thuốc trợ ngủ, nên lưu ý mấy điều như sau:

- Có uống nhiều hơn thường lệ nước uống có chất caffeine như cà phê, trà, coke hay không? Với nhiều người cà phê gây mất ngủ;
- Có đang dùng các chất có tác dụng kích thích hệ thần kinh như Ritalin;
- Có ngủ trưa quá lâu và tối không muốn ngủ;
- Có thay đổi việc làm từ ngày sang đêm hoặc thay đổi giờ giấc ngủ. Lý do là cơ thể phải thay đổi ngủ nghỉ theo thời khóa biểu miứ của công việc;
- Có bị các cơn nhức đầu đau xương khớp quấy rầy khiến cho không ngủ được.

Thuốc ngủ với người tuổi cao

Quý vị tuổi cao thường là hay bị rối loạn giấc ngủ. Vì thay đổi sinh học của cơ thể. Vì thay đổi nếp sống. Vì lý do tình cảm, "gần đất xa trời". Vì các bệnh kinh niên. Do đó, các cụ rất hay dùng thuốc ngủ.

Sau đây là mấy điều nên nhớ về thuốc ngủ xin được nhấn mạnh để quý vị tuổi cao lưu ý:

1- Thuốc ngủ bào chế trong phòng thí nghiệm thường được thử trước ở lớp người trẻ tuổi và không áp dụng cho người tuổi cao.

2- Người cao tuổi thường đã uống nhiều loại thuốc, nay lại thêm thuốc ngủ, sẽ có nhiều tác dụng phụ bất lợi như ngây ngất, hay quên, chóng mặt, dễ bị té ngã gây thương tích.

3- Sự biến hóa, hấp thụ cũng như bài tiết dược phẩm ở người cao tuổi thường rất chậm, nhất là thuốc ngủ, gây ra sự tích tụ trong cơ thể, đôi khi có hại.

Nói vậy thì tại sao thuốc ngủ lại bán được nhiều như thế?

Xin thưa, tại vì người ta lạm dụng nó: người biên toa cũng như người xin toa.

- Thế tôi mất ngủ thì ông tính sao đây? Không cho uống thuốc ngủ thì chẳng lẽ tôi đi cúng, đi châm cứu hay đi uống thuốc ta à?

- Thưa có. Cụ có thể dùng thuốc ngủ, nhưng đừng dùng lâu qúa. Nên đi bác sĩ để điều trị cái thủ phạm chính của sự mất ngủ.

- Bị cụp xương sống, đêm nằm đau nhức, không ngủ được, bác sĩ khuyên mổ, chẳng chịu, cứ nhè xin thuốc uống cho ngủ được, thì xương đau vẫn hoàn đau mà mình lại trở thành ghiền thuốc ngủ.

- Buồn giận ông lão hai thứ tóc mà còn hay lăng nhăng bay bướm, mà không kiếm cố vấn hòa giải gia đình, lại chỉ uống thuốc để ngủ cho quên sự đời, thì chẳng bao lâu trí nhớ của mình sẽ thành "trí quên" luôn.

Còn nếu thiếu ngủ, mất ngủ do thói hư tật xấu thì tránh xa chúng đi. Rượu đó. Cà phê đó. Thuốc lá đó. Ăn quá độ đó. Lại còn những ghen tương, đố kỵ làm tâm không an, đêm đêm nằm chỉ thao thức, bực mình, thì làm sao mà ngủ ngon, ngủ say cho được?

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

MIẾN CHAY THANH MÁT

Nguyên liệu:

1. 100 g nấm đông cô tươi
2. 2 trái mướp khía
3. 1 vắt miến
4. Hành lá, ngò rí
5. Hạt nêm, đường, tiêu

Các bước:

Nấm cắt gốc ngâm muối, rửa sạch. Mướp khía bào vỏ rửa sạch cắt miếng vừa ăn

Cho ít dầu phi thơm đầu hành lá xào nấm, nêm trước ít hạt nêm chay và xíu đường. Cho lượng nước đủ dùng vào nấu, nước sôi nêm nếm lại vừa khẩu vị cho miến vào, miến vừa mềm cho tiếp mướp vào. Tuỳ thích ăn mướp vừa chín tới hay mềm, tắt bếp.

Cho hành lá ngò rí cắt nhỏ, ít tiêu.

Hoàng Oanh

TRỞ VỀ MỤC LỤC

VẺ ĐẸP KHÔNG HOÀN HẢO HAY MỸ HỌC CỦA SỰ DIỆT VONG

Hoàng Long

Cái cảm thức thẩm mỹ độc đáo của người Nhật Bản bàng bạc hầu hết trong khắp các tác phẩm văn chương cũng như các sản phẩm văn hóa mà hầu như khi mới tiếp xúc lần đầu tiên ta đã cảm thấy ngay sự khác biệt. Phim nghệ thuật Nhật Bản chẳng hạn, luôn có một vẻ xa vắng, hoang liêu được kiềm nén đến mức tối giản. Những khung cảnh mùa màng tiếp nối theo nhau hoa anh đào mùa xuân, lá đỏ mùa thu và vầng trăng vằng vặc giữa đêm tuyết lạnh. Những tác phẩm văn học lại ngập tràn tình dục, cô đơn và tự sát. Có những nhân vật như của Dazai Osamu chẳng hạn vô cùng lặng lẽ cam chịu buồn thương hay bất chấp tự hủy. Có những bài haiku lại thể hiện ra sự trân trọng những khoảnh khắc kỳ tuyệt của thiên nhiên, ca tụng những niềm vui thường ngày nhỏ bé. Chúng ta có thể cảm được những điều đó ngay lập tức nhưng vấn đề cần đặt ra là điều gì làm ra sự khác biệt của cảm quan?

Thoạt kỳ thủy đó dĩ nhiên là nhân sinh quan và thế giới quan của người Nhật Bản. Hẳn rồi. Đối với người Nhật, thế giới động, không ngừng thay đổi nhưng vẫn bất biến trong sự tuần hoàn bất diệt. Con người chỉ là một phần của vũ trụ nhỏ bé mà người ta chỉ có thể thích nghi và tìm cách chung sống hài hòa. Đó là tư tưởng cốt tủy của tinh thần phương Đông trầm mặc. Đứng trước thiên nhiên, con người phải học cách khiêm hạ chứ không phải đề cao tham vọng chinh phục. Cuộc sống đầy bất trắc không ngờ khiến ta phải luôn tu dưỡng, nâng cao học hỏi để sống còn và có thể biết trân trọng từng khoảnh khắc cuộc sống. Người Nhật không quan tâm lắm đến những gì vượt ngoài cuộc sống hàng ngày. Đó là lý do nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người Nhật theo "chủ nghĩa hiện thế" (gensei shugi 現世主義), có nghĩa chỉ quan tâm đến những gì liên quan đến "bờ bên này" (thử ngạn) mà không để tâm lắm đến những gì của "bờ bên kia" (bỉ ngạn), tức là những giá trị vượt qua cuộc sống đó.

Cái nhìn về nhân sinh và thế giới đã hình thành nên những cảm thức thẩm mỹ rất đặc trưng của người Nhật Bản. Đó chính là niềm bi cảm *mono no aware* (もののあわれ), *wabi* (侘び) và *sabi* (寂) trải suốt cả tiến trình lịch sử. Cả ba khái niệm này đều có nội hàm phong phú, chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật Giáo đặc biệt là Thiền Tông. Có thể nói ba khái niệm này chính là một thứ mật mã để chúng ta có thể mở cánh cửa bước vào tâm hồn người Nhật Bản. Khái niệm *mono no aware* có thể tạm dịch là "nỗi u hoài của sự vật", xuất hiện vào thời Heian thế kỷ thứ mười ở Nhật Bản. Học giả Motoori Norinaga (本居宣長) là người phát hiện là ý nghĩa thực sự của khái niệm này vốn ghép từ "a" (あ) và "hare" (はれ) vốn không có ý nghĩa mà tự nhiên được phát ra khi tâm tình con người bị xúc động mạnh. Cũng như khởi nguồn của triết học bắt đầu từ sự ngạc nhiên thì khái niệm này bắt đầu khi người Nhật xúc động trước vẻ đẹp rực rỡ mà phù du của thế giới. "Hakanasa" (儚さ) là ngắn ngủi, phù du. Những cái gì đẹp đẽ đều tan biến trước mắt ta không cách nào giữ lại được. Có lẽ vì thế mà sự xúc động này dần dần trở thành một nỗi u sầu và sau này chịu ảnh

hưởng cảm thức vô thường của Phật Giáo mà *mono no aware* mang hàm ý u uẩn buồn rầu trước vẻ đẹp thoáng qua chứ không còn chỉ cả niềm vui như hàm nghĩa lúc ban đầu nữa.

Nhưng rõ ràng con người chẳng thể can thiệp vào sự thay đổi của đất trời mà chỉ có thể chấp nhận và thích nghi. Vì thế mà hai khái niệm *wabi* (giản phác) và *sabi* (tịch liêu) ra đời để nâng việc cảm thụ cuộc sống này lên hàng nghệ thuật. *Wabi* (侘び) vốn có nghĩa là sự thương đau của kẻ lâm vào cảnh khốn cùng (trong động từ *wabu* わぶvà tính từ *wabishii*侘しい). Thế nhưng trong cái khốn khổ đó, người Nhật thời Kamakura (1185-1333) và Muromachi (1336-1573) vẫn tìm ra được lối thoát cho cảm quan vì mỹ học. Vì rằng chính nỗi cùng khốn đã giải phóng con người thoát khỏi mọi bám víu bên ngoài để hướng đến cái đẹp nội tâm siêu thoát bên trong. Tự nhiên khái niệm *wabi* lại mang hàm nghĩa tích cực, nhấn mạnh được việc truy tầm cái đẹp trong tính giản phác nguyên sơ, tìm cái phong nhiêu trong sự nghèo khó. Khái niệm *wabi* được đẩy lên đỉnh điểm qua bậc thầy trà đạo Sen no Rikyu (千利休) nâng tầm trà đạo lên một mức cao tột chưa từng thấy và trở thành những khuôn mẫu bất di bất dịch cho đến ngày hôm nay với tên gọi *wabicha* (詫び茶).

Sang đến thời Edo (1603-1868), sau khi đã thấu hiểu được cảm quan về cái đẹp trong sự vô thường chuyển vần của đất trời (aware), trải qua các cung bậc niềm vui trong sự thanh bần giản dị (wabi), người Nhật lại tìm kiếm cái đẹp trong sự cô độc và hoang liêu (寂sabi). Khái niệm *Sabi* do nhà thơ haiku Basho (芭蕉) đề xướng mang hàm nghĩa "tịch tiêu, hoang vắng". Cảnh hoang vu mà người thì cô độc, già nua. Nhưng trong đó đều tiềm ẩn vẻ đẹp. Cách nhìn này đã khiến cho người Nhật không còn cam chịu (あきらめ akirame) trong cảnh nghèo khó, già nua, cô độc mà thậm chí còn tìm thấy được trong tất cả những điều đó suối nguồn của niềm vui.

Với tinh thần mỹ học và triết học đó, người Nhật mở rộng ra những ngành kỹ thuật độc nhất vô nhị. Một trong số đó chính là nghệ thuật thiếp vàng "kintsugi" (金継ぎ), dùng để hàn gắn những mảnh vỡ của đồ gốm sứ. Không có gì là lãng phí, đó chính là tinh thần *mottainai*.

Nhà sáng lập hãng Sony Akio Morita trong tác phẩm "Made in Japan" (Chất lượng Nhật Bản) đã cho rằng từ khóa "mottainai" chính là biện pháp để tồn tại của người Nhật từ xưa. "Đây là một khái niệm quan trọng có thể giải thích cho chúng ta rất nhiều về đất nước, con người và cả nền công nghiệp Nhật Bản".

Nghệ thuật kintsugi gắn lại trên một chiếc chén đã vỡ

Mottainai (勿体無い lãng phí) bao hàm ý nghĩa tất cả những gì trên trái đất này đều là quà tặng của Tạo hóa, phải trân trọng và không được phép phí phạm. Phí phạm bất cứ thứ gì đều là tội lỗi, cho dù là những thứ nhỏ nhặt như nước và giấy. Người Nhật đã phát triển quan điểm này vượt qua ranh giới của sự căn cơ, tiết kiệm hay duy trì, giữ gìn để trở thành một khái niệm tôn giáo. Theo nghĩa đen, mottainai có nghĩa là "thiếu lòng tôn kính", "không có tín ngưỡng" nhưng sâu xa hơn đó là sự báng bổ thánh thần. "Người Nhật Bản cho rằng tất cả mọi vật chỉ được ban phát theo kiểu trao giữ và thực ra chỉ là cho mượn để chúng tôi tìm cách sử dụng hiệu quả nhất".

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, người Nhật đã nhấn mạnh điều này bằng khẩu hiệu "Xa xỉ là kẻ thù" (zeitaku wa teki da 贅沢は敵だ).

Lấy một ví dụ về giấy. Ngoài việc in sách báo, người Nhật sử dụng rất nhiều giấy để chế tạo rất nhiều vật dụng, từ đồ thờ cúng, mỹ thuật, chao đèn, trang trí cửa sổ, sản xuất bao bì đóng gói và giấy trang trí nên Nhật Bản là nước sản xuất giấy lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ với sản lượng hơn 190 triệu tấn giấy một năm. Nhưng Nhật Bản lại là nước có tỷ lệ giấy tái chế cao nhất thế giới. Năm 1984, khoảng 50% số giấy tiêu thụ ở Nhật đã được thu hồi để tái chế trong khi Mỹ là 27%, Pháp 34%, Hà Lan 46%, Anh 28%. Chính vì hiểu rõ ý nghĩa của từ *mottainai*, Nhật Bản đã vượt qua cuộc khủng hoảng dầu lửa bằng cách trở thành những nhà sản xuất có hiệu quả nhất.

Đấu tranh cho sinh tồn trước sự đe dọa thường xuyên của thiên tai, tìm mọi cách sản xuất ra hàng hóa với số lượng nguyên vật liệu tiêu hao tối thiểu. Hai điều này đã trở

thành lối sống của người Nhật Bản. Chính nhu cầu phải tìm biện pháp tồn tại mà nền khoa học Nhật Bản có xu hướng tập trung vào ứng dụng hơn lý thuyết.

Có thể nói *kintsugi* cũng chính là một kỹ thuật ứng dụng được nâng lên hàng nghệ thuật. Những đồ gốm sứ đã vỡ sau khi dùng kỹ thuật gắn vàng này lại còn có giá trị hơn những đồ vật nguyên lành, đến mức có người tự tay đập vỡ chiếc chén cổ yêu quý để có thể nhờ cậy đến kỹ thuật *kintsugi*. Nghe qua thì rất điên rồ nhưng ngẫm nghĩ lại thì có nhiều điều sâu sắc. Một đồ vật hay con người qua bao nhiêu dãi dầu sương gió dĩ nhiên phải có những vết tích thời gian. Nhưng như Nguyễn Du đã viết "hoa tàn mà lại thêm tươi, trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa", dấu vết vàng trên chiếc chén vỡ chẳng phải đã làm tăng thêm giá trị của vật dụng; cái điềm tĩnh của từng trải, vẻ ung dung của sự dạn dày chẳng phải làm con người càng dày sâu thêm tu dưỡng, khiến con người cao quý hơn hay sao? Không phải ngẫu nhiên *kintsugi* đã trở thành một thứ triết lý về sự chữa lành tâm thức, nhìn nhận thẳng vào nỗi đau và chấp nhận để trân trọng những mảnh vỡ thương tích của tâm hồn con người.

Và như thế cuộc sống ngân dài những bài hoan ca bất tận trong thầm lặng những tâm hồn người. Nhưng người Nhật hiếm khi bày tỏ trọn vẹn tất cả. Chịu ảnh hưởng Thiền tông, đặc biệt nguyên lý "dĩ tâm truyền tâm" (ishindenshin 以心伝心), chân lý không dựa vào ngôn ngữ mà phải trực tiếp "lòng đi qua lòng". Hơn nữa ngôn ngữ bất toàn đầy giới hạn cho nên cũng đầy những rào cản. Như thầy Tuệ Sỹ đã viết "thành công lớn nhất của ngôn ngữ chính là thất bại của nó trong việc diễn tả cái tuyệt đối". Mà Wittgenstein đã diễn đạt thơ mộng hơn rằng "cái gì nói được phải nói rõ ràng minh bạch, điều gì không nói được phải chừa nó trong cõi lặng im". Vì thế thơ ca chỉ để gợi mở mà không tả. Và cái hình ảnh mà một bài haiku chẳng hạn gợi nên là khoảnh khắc tiếp xúc đầu tiên với sự vật chưa có sự chen chân vào của lý trí, chính là cái "đệ nhất sát na". Sự nguyên sơ đó chỉ có thể dĩ tâm truyền tâm, nghĩa là chỉ có thể được hiểu bởi cùng một người có kinh nghiệm nhân sinh tương tự. Mà đã hiểu thì cần đâu phải nhiều lời. Không phải ngẫu nhiên mà thơ haiku là thể thơ ngắn nhất thế giới chỉ gồm mười bảy âm tiết trong tiếng Nhật mà dịch ra trong ngôn ngữ khác chỉ có vài từ. Đó phải chăng cũng là cái đẹp của ngôn ngữ trong sự bất toàn của chính nó?

Như một bài haiku của Murakami Kijo (1865-1938): "Con ong mùa đông, mải miết bước đi, vì không còn nơi nào để chết" (冬蜂の死にどころなく歩きけり) gợi cho chúng ta bao nhiêu ý niệm về thân phận cô độc của hiện hữu nói chung từ một hình ảnh con ong nhỏ bé. Cái con đường thiên lý của cuộc hành trình thân phận con người cũng như vậy mà thôi.

Có nghĩa là, đối với người Nhật Bản, bất cứ một điều gì của cuộc đời ta cũng có thể tìm thấy trong đó cái đẹp để mà thụ hưởng, để mà hân hoan. Cái đẹp vốn nằm trong sự giản dị, trong cả sự bất toàn. Nhưng cách thể hiện cái đẹp đó cũng lặng lẽ kín đáo và vô cùng tinh tế như chính cái đẹp ẩn giấu vậy.

Chính sự không hoàn hảo đã mở ra bát ngát một cõi vô cùng. Chính nó mang lại cho cuộc đời con người ta một ý nghĩa sống. Khác với những sinh vật khác, con người sinh ra chưa trở thành người. Đúng hơn chỉ là những con người dự bị. Chỉ trong chính quá trình hiện hữu của mình, con người mới từ từ tựu thành nhân tính qua sự giáo dục tu dưỡng (修養shuuyou) và từng trải. Con người luôn vươn lên bởi vì "con người là một khả thể", làm người là một công cuộc tự hoàn thành và cuộc sống là một hành trình đi tìm sự hoàn hảo ở ngay trong chính sự không hoàn hảo. Cho nên đối với nhiều thi sĩ, cuộc sống là một hành trình tâm linh đi sâu nội tại tìm lại chính mình, cuộc du hành lưu lãng cũng chính là cuộc hành trình tâm linh. Như Basho và Saigyo đã để lại những vần thơ bất tử.

Vẫn biết rằng cái đẹp luôn tồn tại và chúng ta luôn phải tìm kiếm như chính câu tuyên ngôn thời danh của Kawabata Yasunari "Mỹ chi tồn tại dữ phát kiến" (Bi no sonzai to hakken 美の存在と発見) nhưng chúng ta vẫn không ngừng ngạc nhiên trước những cảm thức thẩm mỹ của người Nhật Bản. Có mấy ai ngờ cái đẹp nằm trong sự cao sang quý phái lẫn trong nghèo khó, cô độc và cả sự suy tàn diệt vong (滅び horobi).

Đó thật là cách nhìn của những con người biết sống. Đó thật là tâm thức của cả một dân tộc vẫn biết khiêm nhường trong lúc vẫn uống cạn tất cả những nỗi đam mê.

Sài Gòn, tháng 5/2021
Hoàng Long

Ném đi!

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

Thằng Bửu nấp sau cây phượng vĩ có thân lớn một người ôm không xuể cách cổng trường chừng năm mươi thước. Trong bàn tay đang nắm chặt run rẩy vì giận tức của nó là một hòn đá xanh cứng gồ ghề những góc cạnh. Nó đang chờ, đúng ra thì nó đang rình, rình một người đã hơn nửa giờ qua... Thầy Tiên đang thong thả đạp xe từ hướng trường từ từ chạy đến. Thầy đang nghĩ ngợi nhiều về một đứa học trò ngỗ nghịch và lười biếng nhất của lớp mà thầy làm chủ nhiệm…

Cái thằng Bửu thật quá quắt. Đã không làm bài tập về nhà, không thuộc bài, lại còn mặc áo hở cả ngực, to gan hơn khi nó còn dám hút thuốc trong lớp… Thầy biết hoàn cảnh gia đình nó, cha mẹ ly hôn sau thời gian dài "ông ăn chả, bà ăn nem", nó phải ở với mẹ, bị tách rời khỏi cha và đứa em gái mà nó thương quý, phải chung một mái nhà với một ông dượng ghẻ hung ác chỉ thích nói chuyện bằng tay chân thô bạo…

Thầy biết tinh thần nó suy sụp, chao đảo, nên đã vừa chậm chước bỏ qua rất nhiều lỗi lầm của nó, vừa hết lòng động viên nâng đỡ cho nó yên tâm tiếp tục học hành. Vậy mà nó chẳng cần hiểu thầy, chẳng màng nghe một lời khuyên bảo của thầy, lại bướng bỉnh phản ứng xấc láo với thầy trước cả lớp học, khiến cho thầy không kiềm được cơn bực tức nên đã tát tai nó một cái ngoài ý muốn. Thầy biết thầy sai, một sai lầm lớn khi trừng phạt học trò kiểu ấy, và thầy sẵn sàng xin lỗi nó trước cả lớp mà không sợ bất cứ ai chê cười. Nhưng nó đã bỏ tiết học cuối, chạy đi đâu mất rồi. Bây giờ thầy sẽ tạt thử vào nhà nó để hai thầy trò trò chuyện tâm sự, và xin lỗi nó…

Chờ thầy chủ nhiệm vừa đạp xe ngang qua nơi mình nấp, thằng Bửu giá tay lên, hòn đá xanh cứng đang nhắm vào đầu của thầy. Thầy Tiên không mảy may hay biết đến một tai hoạ sắp giáng xuống đầu mình. Chợt, một bàn tay mát lạnh của ai đó chộp bắt thật mạnh ngay cườm tay, rồi kéo cả cánh tay của thằng Bửu quặt ra sau. Hòn đá rời khỏi bàn tay nó rơi xuống đất. Nó kêu lên, vùng vằng, quay lại nhìn… Con nhỏ Hồng lớp phó.

Trời ạ. Tưởng là một thằng bạn trai cùng lớp, thằng Sang lớp trưởng chẳng hạn, thì thằng Bửu đã tung vài chục cú đấm thẳng vào mặt kẻ cản mũi kỳ đà rồi. Đằng này lại là một đứa con gái chân yếu tay mềm, và là một người bạn gương mẫu của lớp mà nó từng nghiêng mình khâm phục. Đôi mắt của nhỏ Hồng tròn xoe, chiếu thẳng vào mắt nó đầy những lời van lơn cầu khẩn, làm cho tay chân nó bủn rủn cất giở lên không nổi. Nó cúi gầm mặt xuống vì xấu hổ. Nhỏ Hồng nắm lấy bàn tay của của nó, dịu dàng nói:

"Nếu còn muốn hại thầy thì bạn hãy ném đá vào mặt

mình đây nè! Ném đi!”

Hai tiếng “ném đi” như một mệnh lệnh bất khả kháng đầy cương nghị đã làm cho thằng Bửu giật bắn người. Miệng nó cứng đơ, tròng mắt nó đứng bất động, và toàn thân nó mềm nhũn ra như những sợi bún mới ra lò… Nhỏ Hồng kéo tay nó dắt đi mà không nói lời nào. Thật buồn cười, chính thằng Bửu cũng muốn buồn cười, khi thấy mình bỗng dưng ngoan ngoãn như một con cừu non, để cho con nhỏ bạn lớp phó dắt đi đâu thì đi mà không hề kháng cự…

Hai đứa vào một quán kem, vừa ăn vừa nghe nhạc hoà tấu với tiếng dương cầm du dương hoà cùng tiếng vĩ cầm mượt mà… Lòng thằng Bửu chùng xuống. Nó quên hết những gì đã xảy ra. Nó cảm thấy nhẹ tênh, thanh thản. Đúng lúc đó, nhỏ Hồng mới lên tiếng nhỏ nhẹ:

“Bạn có bao giờ nghe nói đến chuyện *hiến máu nhân đạo* chưa?”

Thằng Bửu ngạc nhiên, ngớ người ra, rồi lắc đầu. Nhỏ Hồng tiếp:

“Thầy Tiên là một người thường xuyên đi hiến máu nhân đạo…”

Vẫn im lặng, thằng Bửu chờ đợi bạn gái nói tiếp một câu chuyện mà nó đang cho rằng lạc đề, là lãng nhách vô vị giữa lúc nó đang được chìm đắm trong dòng nhạc uyển chuyển.

“Mẹ mình công tác ở Hội Chữ Thập Đỏ nên mình biết rõ chuyện này.”

“Nghe không có liên quan gì hết trơn. Bạn nói chuyện đó với mình làm gì?”

“Bạn không nghĩ ra được là để làm gì sao?”

Thằng Bửu nhăn nhíu trán, lắc đầu. Nhỏ Hồng buông từng tiếng chắc nịch:

“Nói để biết rằng máu của thầy Tiên rất quý báu. Từng giọt máu là từng viên ngọc vô giá. Những viên ngọc này dùng để cứu người hoạn nạn trong bệnh viện. Nó quý hơn, giá trị cao hơn tất cả mọi thứ thuốc men của ngành y dược!”

Im lặng. Tiếng nhạc vừa lặng đi, rồi lại trỗi lên ngọt ngào…

“Bạn mà hại thầy, làm cho máu của thầy chảy ra một cách vô lý thì chính bạn đã hại nhiều người. Trong số nhiều người đó, biết đâu sẽ có những người thân của bạn, và chính bạn nữa? Bạn hãy tưởng tượng xem, một ngày nào đó em gái bạn mắc một chứng bệnh gì đó phải mổ, và cần phải truyền máu, nếu không có máu thì em bạn sẽ không qua khỏi.”

Thằng Bửu rùng mình, ngắt lời với giọng chân thành:

“Thôi, bạn đừng nói nữa. Mình hiểu ra rồi. Mình sai lầm đáng chết. Cảm ơn bạn đã khuyên can mình đúng lúc. Mình về đây!”

Dứt lời, nó đứng dậy, bỏ đi ra khỏi quán, mặc cho con nhỏ bạn gái ngồi lại trước ly kem đầy chưa hề múc một muỗng.

Về đến nhà, có một người ra đứng nơi cửa đón nó. Nó nhận ra đó chính là thầy Tiên.

Và, nó bước đến loạng choạng, sà ngay vào vòng tay độ lượng của người thầy với một nỗi ray rứt ăn năn, đan xen cùng niềm kính phục vô vàn…

TÂM LÀNH AN LẠC

Trần gian sóng gió tư bề
Không như giấc mộng… tràn trề niềm vui
Đau thương, dâu bể dập vùi
Mắt cay lệ đắng, bùi ngùi oan khiên

Cảnh đời ngang trái ưu phiền
Hận thù ganh ghét, bạc tiền gian tham
Vô tâm trước cảnh cơ hàn
Anh em đồng loại trăm ngàn vết đau

Chỉ vì danh vọng sang giàu
Ác tâm giết hại lẫn nhau không đành
Sân si, lừa lọc tranh giành
Bạc tình, bạc nghĩa em anh chia lìa

Giữ tâm chánh niệm khắc ghi
Sống theo Phật pháp từ bi cứu đời
Bao dung, hỷ xả hỡi người
Tạo nhiều công đức, xa rời nỗi đau.

NHẬT QUANG

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Bạn bè trăm ngả

NGUYỄN NGỌC TƯ

Bạn học hồi cấp ba gọi điện, nói chùa nó mới làm trang web, tính nhờ tôi viết giùm lịch sử chùa, dầu gì tôi cũng có tí văn chương nên viết sẽ suông. Tôi nghe mấy chữ "chùa tui…" bần thần quá, hỏi đi hỏi lại phải Th không, phải Th nhà có mấy cửa hàng thuốc tây nổi tiếng ở đây không, nó cười khùng khục trong điện thoại, chớ ai. Cho tôi chắc ăn, nó nhắc thêm vài kỷ niệm hồi còn đi học. Là Th, không ai khác. Bạn tôi.

Mà con nhỏ đi tu hay sao mà liên quan tới chùa chiền, trời? Tôi trông gặp Th. Bữa Th tới đưa tôi đi gặp sư cô trụ trì chùa, tôi thở phào, nó cũng còn tóc. Th chắc quy y hay sao mà có pháp danh rồi, là Tâm Nghĩa. Ngồi gần sư cô, nó luôn miệng nhắc sư phụ đừng uống cà phê đá, mấy hôm rày sư phụ viêm họng mà, sư phụ uống trà gừng con mới pha nè. Nhìn cái cách Th thông thuộc bếp núc tủ chạn trong chùa, cách nó âu yếm nhìn sư cô, kiểu nó trò chuyện, tôi cảm giác nó coi chốn này hơn cả nhà mình. Tự dưng tôi lo quá, lo mai mốt Th xuống tóc xuất gia luôn.

Điều đó có nghĩa trong đám bạn tôi có người đi tu. Cũng như có người làm công an, chủ tịch phường, quản lý thị trường, viết đơn mướn, chủ vựa cừ tràm, vựa tôm, xã hội đen… Mấy bạn này tôi coi như làm nghề hơi… khác thường nên tôi kể trước, số còn lại cũng dạy học, làm kế toán, làm bưu điện, bán quán cà phê… Có lần tôi dặn thằng bạn làm ở phòng quản lý văn hóa văn nghệ của Sở công an, "ông có theo dõi tui thì giữ khoảng cách chút, chồng tui ghen lắm nghen…" Nó cười. Nhiều lúc nghĩ nếu tập hợp nhóm bạn bè cũ lại, chắc sẽ như đại hội mặt trận Tổ Quốc, đông đủ thành phần xã hội. Vài đứa làm nghề còn chỏi tông nhau, bạn công an đối chan chát với bạn xã hội đen chuyên đòi nợ mướn, bạn vựa tôm biết đâu đã bị bạn quản lý thị trường hốt mất một mẻ hàng, bạn chủ tịch phường đang điên đầu vì mấy cái đơn kiện coi chừng do bạn viết đơn mướn chấp bút… Xảy ra những chuyện đó, không thể nói rằng tụi nó không thương nhau.

Nhưng cuộc gặp gỡ đó chưa bao giờ xảy ra, chúng tôi hoặc quá bận mưu sinh hoặc tản mác góc biển chân trời, có đứa còn lấy chồng xa nửa vòng trái đất… Thỉnh thoảng gặp lẻ tẻ vài ba đứa, lôi kỹ niệm cũ ra nhắc tới lui, chuyện hiện tại nói vài ba câu thì hết, vì không chung đường, chung môi trường sống. Không khí ngượng ngịu. Nhát gừng. Thời gian đã làm người này không còn giống như trong nỗi nhớ của người kia. Lại thêm nỗi nghề nghiệp tréo ngoe, dù cố tỏ ra phớt lờ chuyện đó, nhưng vẫn phải dè chừng. Tôi mà gặp thằng bạn công an, miệng tôi khen nó đẹp trai, mà trong bụng tôi nghĩ, trời, coi vậy mình đi đâu gặp ai thằng này biết hết, bởi vậy nó cứ nhìn mình cười cười suốt. Ngồi chơi mà nhậu không dám say, nói không hết điều mình nghĩ, thì buồn.

Biết làm sao được, mỗi người đều đã có chọn một lối đi riêng, bạc mặt mưu sinh lúc ngẩng lên thì thấy mình già mất, ký ức bạn bè hồi niên thiếu mờ nhạt, thảng hoặc. Tin bạn thì hiếm hoi, lâu lâu nghe tin đứa này lấy Hàn Quốc, đứa kia bị vợ bỏ đang gà trống nuôi con, thằng tôi thương thầm hồi lớp 7 giờ ba trợn sau một tai nạn giao thông…

Với chút tin ít ỏi đó có khi còn sai, bữa gặp Th tôi hỏi thăm con nó học lớp mấy rồi, Th ngó tôi cười, "kiếm đâu ra con, tui chưa chồng mà…" Trời đất, vậy mà tôi nhớ tôi từng đi đám cưới của bạn, nhớ bữa đó ngồi chung bàn với thằng bạn giang hồ, nó dặn, mai mốt có mất xe nhớ gọi cho tui, tui sai tụi đàn em đi lấy lại cho, công an kiếm không ra đâu…

Nhưng cái tiệc cưới đó không phải của Th. Sư cô xác nhận là đệ tử Tâm Nghĩa không nói chơi bằng cách trách yêu nó, nói cùng là bạn học với nhau mà giờ bạn đã có chồng con để huề, còn Tâm Nghĩa sao không chịu lấy chồng đi. Tôi nói thầm trong bụng, Th mà ham thế tục như tôi thì sư cô làm gì có một đệ tử chí tình tên Tâm Nghĩa, chiều nào cũng chạy xe máy gần mười cây số để đến chùa nghèo cầu kinh.

Th gần như không vướng víu gì nữa, cho bất cứ cuộc đi nào. Tôi tin vậy. Dù nghĩ con bạn xinh đẹp giàu có của tôi đi tu thì kỳ lạ quá, nhưng đường tôi chọn đi cũng kỳ cục kém gì?

(facebook.com/nguyenngoc4)

11 BÀI HAIKU (703-713) CỦA MATSUO BASHO

(松尾笆焦, Tùng Vĩ Ba Tiêu)

Người Hà Lan tới rồi
một mình trên yên ngựa
ngắm hoa bay giữa trời.

Hoa mận đã nở rồi
mong bình yên vô sự
giữa những cơn gió trời.

Đoá phù dung trắng ngần
cánh bướm là kỷ vật
còn lại của mùa xuân.

Thảo am này của tôi
có lúa xanh, cúc trắng
và trăng thanh giữa trời.

Mực phủ mắc lưới rồi
đêm nay còn mơ mộng
cùng vầng trăng giữa trời.

Bão mùa thu vừa qua:
dây thường xuân trồng xuống
cùng dăm cây trúc ngà.

Mùa thu đã tới rồi
chiếc lưỡi là lá chín
trong miệng của con người.

Mưa trên chiếc nón cời
tôi ném đôi giày cỏ
vào muôn trùng biển khơi.

Trong khu vườn mùa đông
trăng là dây tơ mỏng
như tiếng ca côn trùng.

Cơn mưa đổ xuống rồi
cây tùng kia bực dọc
đợi chờ hoa tuyết rơi.

Nào muộn phiền gì đâu!
mưa mùa đông đổ xuống
chẳng có ô trên đầu.

Pháp Hoan dịch từ bản dịch tiếng Anh của Sam Hamill trong Narrow Road to The Interior and Other Writings (Con Đường Hẹp Thiên Lý và Những ghi chú khác) và bản dịch tiếng Anh của Jane Reichhold trong Basho, The Complete Haiku. Nguyên tác thơ của Matsuo Basho (松尾笆焦, Tùng Vĩ Ba Tiêu).

thơ PHÁP HOAN dịch

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VỮNG TAY LÈO LÁI

Trời đất nổi cơn gió bụi dữ dội, sóng gió ầm ào, lũ thủy quái trong nước muốn làm lật thuyền, bọn người trên bờ quăng câu liêm muốn giật lấy thuyền… Nhiều người hoảng sợ bỏ lên bờ, kẻ sang thuyền khác, cũng có nhưởi lại hùa theo muốn nhấn chìm nó. Ông lão lái thuyền và vài người còn lại quyết giữ lấy con tàu. Ông lái kêu thống thiết:

- Quý huynh đệ muốn rời thuyền cứ rời, xin đừng nhẫn tâm nhấn đạp cho nó chìm!

Bọn thợ chài thấy thế tức giận mạ lỵ không tiếc lời, ra tay quyết đoạt cho bằng được.

- Lão già cứng đầu, ông không sợ chết sao? Dám chống lại triều đình?

Ông lão lèo lái con thuyền dõng dạc:

- Chúng tôi chẳng chống ai, chúng tôi cũng chỉ mong lái con thuyền đến bến bờ bình an, chuyện huynh đệ của chúng tôi cứ để chúng tôi tự giải quyết!

Ông lão thật cô đơn, quanh ông giờ chỉ còn dăm ba người, những huynh đệ pháp hữu đều cạn tàu ráo máng. Ngày ông lão tịch, lễ tang vô cùng đơn giản, trong những liễn đối mà người đời hằng ngưỡng mộ gởi vế kính viếng, thiên hạ đọc thấy có câu:

*"**Quảng** khắp thế gian đức hạnh sa môn tinh thần vô úy ra tay lèo lái thuyền đạo pháp*

***Độ** cả trong ngoài trí huệ tăng nhân từ bi vô hạn dấn thân đương đầu chuyện nước non."*

CÁI NHÌN NGHIỆP LỰC

Có ba người bạn chí cốt dưới quê, cả đời lam lũ, một hôm rủ nhau lên thành chơi cho biết người biết ta. Bọn họ vô cùng ngỡ ngàng trước cảnh vật thành đô, sao mà sang trọng quá, hay ho quá. Họ thấy người thành đô ai cũng mang kiếng trông lịch lãm nên cũng bắt chước mua kiếng để mang. Một người mua kiếng râm mang vô rồi thảng thốt:

- Trời đất, sao bỗng dưng tối sầm như sắp tận thế vậy?

Người mua phải kiếng xanh, cãi:

- Anh quả là quê mùa, tối đâu mà tối, chung quanh toàn màu xanh đẹp quá trời luôn!

Người còn lại mua phải kiếng màu hồng, nên cự:

- Hai anh rầy rà mệt chuyện thật! Thành đô màu hồng đẹp như chuyện cổ tích, nhìn thích quá đi thôi!

Họ cãi nhau ầm ĩ, chẳng ai chịu ai. Lúc ấy có người đi qua, nghe và thấy thì biết ngay sự thể, Ông ấy ôn tồn:

- Cả ba anh đều sai, cảnh vật chẳng đen, xanh hay hồng chi cả! Chỉ tại mấy anh nhìn qua cái kiếng đấy!

Ba người nghe thế bèn gỡ kiếng ra, họ tẽn tò nhìn nhau.

ĐỨA ĐẦU TÊU

Nhà kia có sáu đứa con, cả sáu đứa loạn động quanh năm, chúng chẳng chịu yên dù chỉ là phút giây ngắn ngủi. Đứa này bám víu cái này thì đứa khác dính mắc cái nọ. Người chủ khổ sở với chúng nhưng chẳng cách nào điều phục được. Có bậc cao nhân thấy vậy thương tình bảo:

- Anh phải chế ngự sáu đứa tặc tử đó, bằng không anh sẽ khổ đời và còn cả đời sau nữa!

Người chủ nghe lời, cố gắng hết sức để kiềm tỏa sáu đứa con, khổ nỗi hễ ép được đứa này thì đứa khác bùng lên, rốt cuộc anh ta vẫn lao đao. Vị cao nhân kia khi quay trở lại thấy mọi việc vẫn như cũ nên chỉ cho anh ta bí quyết:

- Anh khắc chế cả sáu

đứa thì khó lắm, chi bằng anh tìm ra được đứa đầu têu và xử nó thì những đứa kia ắt sẽ yên.

Người chủ nghe xong thì ngồi yên tịnh tâm, chú ý hơi thở, miên mật không ngừng, dồn năng lực nhiếp phục thẳng ý, quả nhiên chẳng bao lâu thì những đứa kia đều lặng lẽ tuân theo sự hành xử của người chủ.

TÁNH THẤY

Cậu bé và ba đi chơi, họ trông thấy một anh diễn viên điện ảnh nổi tiếng nên đến xin chữ ký, lát sau gặp người ăn mày. Cậu bé kêu lên:

- Ba, người kia cao sang quý phái mà người này sao thấp kém bẩn thỉu quá!

Thế rồi thời gian qua nhanh, chẳng mấy chốc cậu bé đã thành một thanh niên bảnh bao. Hai người đi ăn và cũng gặp một người ăn xin. Anh thanh niên nhớ chuyện xưa nói với ba:

- Anh diễn viên và người ăn mày khác nhau vì cái nhân không đồng.

Vài năm sau nữa anh thanh niên trở thành trung niên và người cha đã già. Họ nói chuyện với nhau, người trung niên ấy bảo:

- Anh diễn viên và người ăn mày tuy cao thấp khác nhau nhưng cũng đều giả tạm, duyên hợp mà thành.

Bấy giờ người cha cười:

- Khi con lên mười cái nhìn của con khác với cái nhìn lúc thanh niên và bây giờ, cái nhận thức và nhãn thức thay đổi theo cảnh nhưng cái tánh thấy vẫn y như vậy, tánh thấy bất biến!

GIỖ HẢI NGOẠI

Nhà nọ ở hải ngoại có giỗ, mân cỗ tuy không thịnh soạn lắm nhưng cũng khá đầy đủ, thức ăn tây – ta – tàu đều có cả. Trong ngoài nhà có nhiều cái vong đến dự bữa cỗ, một cái vong Việt thì thầm:

- Chén nước mắm thơm bể mũi, thiếu nó là tui không thể thọ hưởng thực được.

Một cái vong tây bịt mũi nhăn mặt:

- Cái mùi kinh khủng quá, sao bảo là thơm, sao có thể ăn được cơ chứ?

Một thần thức đạt quả dự lưu quán sát thấy nghe thế bèn nói với cả hai:

- Chẳng thơm cũng chẳng hôi, chẳng ngon hay dở, nó đơn giản chỉ là nước vàng rỉ ra từ xác cá chết mà thôi!

Sau khi hương trên bàn thờ tàn, chủ nhà dọn cỗ, họ hàng cùng bạn bè thân sơ ăn uống rất rôm rả. Có người buột miệng khen:

- Chén nước mắm tuyệt hảo, hổng có nó thì mấy món ăn này mất ngon!

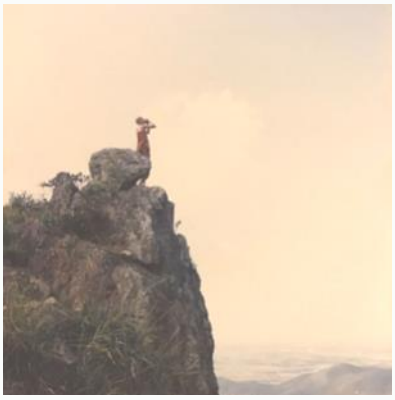

XỨ QUỠN

Xứ quỡn xưa nay có lắm chuyện buồn cười, người xứ ấy cũng đa phần ngả nghiêng theo thời cuộc. Có lần anh Ba than:

- Xứ quỡn dạo này nhiều chuyện tưởng như đùa, nào là: bệnh viện tâm thần có phòng bán thuốc lắc, bán giấy chứng bệnh giả cho tội phạm; viện tim nâng khống giá máy soi tim; viện mắt thay giác mạc giá rẻ nhưng tính tiền loại xịn…

Chú Bảy nói:

- Nào phải giờ mới có, lâu nay vẫn xảy ra mà!

Chị Bốn tức khí chửi:

- Mấy xứ khác chính phủ mua vaccine chích cho dân, xứ mình kêu dân góp tiền mua vaccine và chích cho thành phần trên trước.

Chửi xong chị ứng khẩu đọc vè:

Kiểm lâm ăn cây gỗ
Chứa bạc ăn tiền hồ
Viện tim ăn tiền mổ
Viện mắt ăn giác mạc
Cảnh sát ăn bánh mì
Bác sĩ ăn tiền bệnh
Cấp dưới cúng cấp trên
Phe ta nện phe nó
Lợi danh như bã chó
Chức vị liệu mà lo.

XỨ SỞ HOA HỒNG

Vốn là mảnh đất trù phú, xưa nay lừng danh thiên hạ về hoa hồng, dân chúng hiền hòa sống bình an bao đời nay. Thời loạn thế, sau khi cực hữu phát xít sụp đổ thì làn sóng đỏ nhuộm khắp vùng đông cựu lục địa. Xứ sở hoa hồng cũng chịu chung số phận. Những hồng bang chủ đời đầu của xứ sở cũng hung hăng và lý tưởng lắm:

- Chúng ta phải xây dựng thế giới đại đồng, nhuộm hồng nhân loại, làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu… Đặc biệt hoa hồng chúng ta phải đỏ một màu cách mạng!

Cũng vì vậy mà xứ sở trở nên nghèo nàn, dân chúng đói kém, hoa hồng tàn phai hương sắc. Thời thế lại đổi thay. Tổng đàn chủ Nga la Tư sụm bà chè, dân xứ hoa hồng nổi dậy lôi cổ vợ chồng hồng bang chủ đời chót ra xử bắn một cách nhục nhã. Dân chúng hả hê, các xứ lân bang cũng rần rần nổi dậy. Có vị giáo sĩ rất bác ái, thế mà ông phát biểu:

- Vợ chồng hồng bang chủ chết thảm, chết nhục nhưng chẳng ai xót thương y, vậy là đã rõ lòng dân.

STEVEN N
Georgia, 06/2021

Mối tình thân hữu

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Nắng vàng buổi chiều dịu lại, phảng phất trên các ngọn cây xanh của rừng rậm. Gió nhẹ thổi mặt nước hồ khẽ gợn sóng, rung rinh những bóng cây cao hai bên bờ in hình trong đáy nước.

Trong khung cảnh những buổi chiều êm mát này của chốn núi rừng, một con linh dương đang thong thả uống từng ngụm nước trong. Nó hình như đang chờ đợi. Nó nghĩ đến một chiều trước đây, nó làm quen với chàng rùa cùng chị chim gõ kiến. Cả hai bạn nó đều cùng cư trú ở bờ hồ này và thường về vào cái giờ mà nó đến uống nước. Lâu rồi thành quen nhau. Rồi chuyện trò qua lại trở nên thân thiết, mỗi lần mà một con nào đến trễ là những con kia trông đợi và tỏ vẻ lo lắng.

Nhưng kìa linh dương ngẩng mặt lên mừng rỡ vì chàng rùa, đã bò gần đến và trên cành cây chị gõ kiến cũng đã reo lên những tràng tiếng dài. Câu chuyện của rừng sâu, của lưng trời, của bờ nước, được trao đổi cùng nhau. Trong lúc linh dương cúi thấp xuống gần sát chàng rùa và chim gõ kiến đang gạt những con nhện vẩn vơ trên bộ lông linh dương mướt màu nâu lợt. Cho đến khi mặt trời khuất sau trái núi đằng xa, linh dương rời hai bạn để trở vào bên trong đám cây rậm rạp.

Một hôm kia, một người thợ săn lảng vảng đến rừng này. Hắn mang theo cung tên giáo mác đầy đủ. Hắn lần theo dấu chân linh dương và khám phá ra chỗ linh dương thường hay đến uống nước. Hắn núp vào một bụi rậm chờ đợi.

Trưa đã qua rồi, mặt trời đã chết về phương tây. Mệt mỏi hắn đứng dậy, ra khỏi bụi, nhìn hồ nước, nhìn cái gốc cây rồi bỏ đi nơi khác. Trong óc hắn đang chuẩn bị một kế hoạch sát hại gì đây? Ngày mai hắn trở lại. Hắn đào đất thành hục nhỏ, ở mỗi hục hắn đặt một chiếc bẫy rồi khỏa đất lại liền láng. Hắn còn bỏ thêm lên vài chiếc lá để không ai để ý tới những dấu đất mới ở trên đường. Hắn khôn ngoan đoán trước những chỗ mà linh dương sẽ để chân tới mà đặt bẫy. Xong đêm ấy hắn quanh sang đường khác, đi trở về, hẹn sáng mai trở lại để trói chặt bốn chân linh dương xỏ vào đầu gậy quẩy về. Từ trước đến nay, chưa lần nào hắn đặt bẫy mà không đánh được con thú nào.

Nắng vàng buổi chiều dịu lại, phảng phất trên các ngọn cây xanh, linh dương thong thả bước đi. Nó lánh một đôi dấu lạ trên đường và tiến đến bờ hồ để gặp hai bạn thân thiết. Vừa uống từng ngụm nước, nó vừa kể chuyện của rừng sâu trong lúc chàng rùa và chị gõ kiến lắng tai nghe.

Gió mát quá thành ra cả ba đều muốn kéo dài thời gian gặp gỡ. Đến khi linh dương từ giã bạn ra về thì trời đã gần tối. Trong rừng sâu, đêm đổ xuống rất mau, đường đất chỉ trông thấy mờ mờ. Linh dương đang đi bỗng sụp một chân xuống, nó nhảy lướt tới, nhưng không kịp nữa rồi, một cái gì giữ chặt chân nó. Nó giựt mạnh và nghe chân càng bị thắt chặt thêm. Nó biết là nó bị mắc bẫy rồi. Cảnh tượng như thế này đã in sâu vào trí nó. Chính cha nó, trước đây đã bị trói chặt chân sau, khi dẫn nó đi ăn, hồi nó còn nhỏ lắm. Rồi liền sau đó hai người dữ tợn từ bụi rậm nhảy xổ ra, vật ngã cha nó, trói chặt bốn chân, khiêng đi trong lúc nó chạy lùi lại xa, đứng nhìn theo, nước mắt tuôn trào, đến nỗi nó không còn thấy gì nữa.

Giờ đây đến lượt nó, nó nhìn ra hai bên cây là tối đen, không có hai người tàn ác đó nhưng nó cũng đoán biết là chính loài người đã gây ra tai ác này. Tại sao con người lại tìm cách giết nó, giết gia đình nó, trong lúc chúng nó không làm gì hại ai cả.

Nó giật mạnh chân lần nữa. Sợi dây càng thắt chặt hơn trước nó làm tê cả bắp đùi. Nó kêu cứu khe khẽ. Trong rừng lúc này, tiếng kêu của nó thật không lợi gì cho nó vì loài thú dữ có thể theo đó mà tìm đến. May quá là chim gõ kiến nghe được liền chạy đến ngay. Tội nghiệp quá! Nó nhìn quanh quẩn hỏi

lâu quanh linh dương mà chẳng tìm được cách nào để cứu bạn. Thấy bạn lo lắng, linh dương không lộ vẻ đau đớn nữa. Rồi bỗng gõ kiến bay đi. Chim vất vả lắm mới tìm được chỗ rùa. Rùa đoán biết được việc chẳng lành vì từ đầu hôm đến nó thấy nóng lòng không sao ngủ được. Gõ kiến vừa nói xong, rùa vội vã giục đi. Gõ kiến dẫn đường. Rùa bò theo sau, nhanh gấp mấy lần ngày thường. Đường tối mò, hai ba phen rùa ngã lăn lóc, nhưng rồi cũng trở dậy được, bò theo kịp bạn.

Tới nơi rồi, rùa không khỏi đau lòng khi nghe linh dương thở mệt nhọc, và rờ thấy chiếc dây thừng to đang xiết chặt chân bạn. Rùa bắt đầu thử sức nó mổ vào sợi dây thừng. Dây thừng bằng gai bền chắc, làm tê cả hai hàm răng. Nó mổ nhát thứ hai. Lần này dây thừng bị xơ ra đôi ba sợi ngoài nhưng hàm răng rùa cũng rung rúng.

Rùa ngậm dây, nghiến từng sợi nhỏ. Chậm, nhưng chắc chắn và ít đau. Công việc phải làm xong trong đêm nay. Gõ kiến suốt đêm canh chừng, và rùa không một chút nghỉ ngơi, cắn đứt từng sợi trong lúc linh dương chịu đau giữ cho dây căng thẳng.

Gần sáng, dây thừng đã đứt quá nửa, việc cắn dây dễ làm hơn trước, nhưng rùa đã mệt quá sức rồi. Có nhiều lần rùa gục đầu vào dây không cử động được. Nhưng rùa cố tỉnh lại để nghiến đứt thêm một vài sợi con nữa.

Trời sáng hẳn, thật khó lòng giải thoát cho linh dương trước khi người thợ săn đến. Phải làm thế cho tên tàn ác đến chậm, gõ kiến vụt bay đi. Chi tìm ra nhà người thợ săn vào lúc hắn bước ra cửa mang theo tất cả những đồ dùng sát hại của hắn. Gõ kiến bay đến trước hắn, kêu lên những tiếng buồn thảm nhất. Tên thợ săn ngẩng đầu lên lẩm bẩm, chửi rủa. Hắn cho là điềm xấu nên vội quay lại. Khá lâu rồi mà không thấy hắn ra. Nhưng kìa hắn đã lách cửa sau, định tiến bằng đường khác. Rất nhanh, chim bay tới trước mặt hắn và kêu lên ai oán. Hắn nhìn lên chửi rủa rồi lại đi trở vào.

Mặt trời đã lên cao, không chậm trễ được nữa, hắn hối hả tiến vào rừng mặc cho gõ kiến buông những lời oán trách tội ác trước mặt hắn, hắn đi nhanh như chạy, hắn nghĩ đến cách hả hê khi vật ngã con thú đã kiệt sức, đến những ly rượu hòa với máu tươi, đến đĩa thịt phay ưng ửng hồng màu máu. Hắn gần đến nơi rồi, con linh dương đang đứng ở đằng kia kìa. Đích là nó đã mắc bẫy rồi. Tên thợ săn có cả sự thật để tự hào là xưa nay nó chưa lần nào đặt bẫy mà không bắt được một con mồi. Hắn thỏa thích không gì bằng.

Dây vẫn chưa chịu đứt, không lẽ công trình cả một đêm chỉ đưa đến kết quả thảm hại thế này ư? Trên cây gõ kiến giục quyết liệt. Rùa gom góp cả toàn lực cắn phát cuối cùng trong lúc linh dương giựt thật mạnh. Dây thừng đứt ngang. Một đoạn còn lại nằm cong queo trên mặt đất. Rùa ngã lăn ra ngất lịm đi. Linh dương không thể nỡ rời bạn. Nhưng không còn có thể trì hoãn nữa, nó vội vã lánh vào đám rậm lánh sang rừng bên cạnh. Tên thợ săn chạy như bay đến nhưng không còn đuổi kịp linh dương nữa. Hắn dậm chân tức tối. Hắn lượm hòn đá quăng vào bụi rậm để xua đuổi chim gõ kiến mà nó ghét cay ghét đắng. Hắn định dậm nát thân rùa cho hả dạ, nhưng suy nghĩ lại, hắn bắt rùa bỏ ngay vào cái giỏ đang mang sau lưng. Hắn thâu các bẫy lại và buồn bực trở về.

Người thợ săn đi được một quãng đường thì thấy phía trước mặt mình con linh dương đang đi thấp thỏm. Hắn mừng quýnh hắn đi nhanh hơn định bắt lại con vật mới xổ ra khỏi tay hắn. Hắn đến gần hơn, gần hơn. Hắn chạy nhanh lại, nhưng linh dương nhanh nhẹn lánh sang lối khác. Phía sau xa này rõ ràng tên đi săn nom thấy con linh dương đi thấp thỏm một cách đau đớn. Chân sau vẫn còn mang theo

một đoạn thừng. Hắn lại rượt đuổi theo mà có cái gì nặng cứ đập thình thịch sau lưng hắn như muốn trì hắn lại. Thì ra, hắn nhớ lại là con rùa đáng đánh chết này đang bò ngom ngóp trong chiếc giỏ mang sau lưng hắn. Nếu không có cái giỏ này chắc chắn hắn đã bắt kịp con linh dương từ buổi đầu, hắn nghĩ như thế.

Đàng xa, linh dương đi chậm lại, có lẽ linh dương đã mệt đừ rồi. Phải rồi! Vùng vẫy suốt một đêm, còn gì sức đâu mà chạy thi với hắn nữa. Tên thợ săn tin ở tài chạy của hắn lắm. Nhưng phải trừ bỏ cái giỏ bất tài vô tướng này. Hắn vội gấp tay, rút ra khỏi quai giỏ. Hắn quăng giỏ sang một bên và đuổi theo linh dương. Hắn tin rằng chỉ trong dây lát, con thú sẽ thuộc về hắn.

Nhưng khi hắn tới gần thì linh dương vụt lao nhanh sang đường khác và chạy như biến. "Ừ có giỏi thì cho mày gắng giỏi một lần cuối cùng này nữa". Nghĩ thế rồi, tên thợ săn quên mệt đuổi theo.

Trong lúc này chim gõ kiến vẫn theo dõi cuộc đuổi của người thợ săn. Cho đến lúc người thợ săn mệt nhoài chạy theo linh dương mà tiến sâu vào rừng, thì gõ kiến dẫn linh dương đi ngõ tắt trở lại chỗ rùa. Đến nơi linh dương thấy rùa lúng túng trong giỏ mà thương lắm. Thật là may mà nó còn gặp lại bạn, ân nhân của nó ở đây. Không thì còn cách nào để đền đáp ơn cứu thoát. Linh dương chân đạp một quai giỏ, miệng cắn chặt vành giỏ. Nó giật một cái mạnh, xé rách một mảnh lớn. Rùa mừng rỡ bò ra khỏi ngục tù, gật đầu cám ơn bạn và đi luôn không thèm ngó lại cái giỏ xấu xí. Trên cành cây chim gõ kiến reo từng tràng dài vui vẻ.

Chiều hôm ấy, trong bầu trời yên tĩnh và mát mẻ bên bờ hồ quen thuộc, linh dương một tiền thân của Đức Phật và hai bạn thân thiết cùng yên lặng để tưởng nghĩ đến tai nạn khủng khiếp vừa qua, giữa lúc mối tình thân hữu đang rạo rực bừng dậy từ mọi cõi lòng.

QUẢNG HUỆ

Khi tai nạn gấp rút mới biết được lòng bạn, có đánh nhau mới biết kẻ yếu người mạnh, có luận nghị mới biết được người trí, lúc cơm thua gạo kém mới biết người có lòng nhân.

PHƯỢNG THẮM HÈ XƯA

Hoa phượng thắm rơi đầy trên sân cỏ,
Trong không gian rộn rã tiếng ve sầu...
Nhớ hè xưa, nắng Sai-gon oi ả...!
Khoảng đường dài hun hút cuốn về đâu..?

Những quán hàng vắng người sao buồn quá!
Xe xích lô chờ khách đợi bên đường,
Lác đác người bước nhanh trong vội vã,
Hoa phượng rơi lả tả khắp muôn phương....

Nắng lên cao, rồi nắng lẩn vào mây,
Mặt trời cao lấp lánh giữa hàng cây.
Trong không gian tiếng ve sầu rộn rã,
Từng đàn chim bay bổng cuối chân mây...

Còn đâu đường xưa rợp bóng cây
Phố cũ đông về gió heo may,
Một thời để thương và để nhớ,
Kỷ niệm mãi mãi như bóng mây...

VÀO CỔNG CHÙA

Rặng cây xanh thấp thoáng mái chùa cong
Tiếng chuông chùa vang vọng tận hư không
Vào cổng chùa an nhiên và tự tại,
Bao buồn vui chỉ còn lại Chân Tâm.

NÉN TÂM HƯƠNG

Vào chùa thắp một nén tâm hương
Thành kính dâng lên Phật tổ tường,
Nhiếp tâm an trú vào chánh niệm,
Tâm thành tỏa rạng khắp mười phương...

TỈNH THỨC AN YÊN

Ta Bà tỉnh thức sống an yên
Tịnh tâm ly xả bao muộn phiền,
An vui thực hành Bát Chánh Đạo,
Cuộc sống luôn luôn được bình yên....

thơ THỤC UYÊN

BÀI HỌC ĐÁNG NHỚ:

Việc Xảy Ra Chẳng Phải **NGẪU NHIÊN** Tại Gieo **NHÂN, DUYÊN** Đủ, **QUẢ** Liền Hiện Ra

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

Xin mời quí vị đọc câu chuyện thật thú vị sau đây trích từ: https://phatgiao.org.vn/trom-cap-tao-nghiep-gi-d32734.html

Đọc, gạn lọc lấy điều hay,
Đem áp dụng, mong đổi thay cuộc đời.

Câu chuyện quả báo của việc trộm cắp đáng suy ngẫm

Tại một ngôi chùa trên núi cao có một vị sư già trụ trì. Xa xa là xóm dân ở rải rác. Một hôm, có nhà kia bị mất con bò. Người chồng đi vắng, người vợ đi tìm bò, nhìn lên vườn sau nhà chùa thấy thấp thoáng hình dáng con bò của mình đang đứng, nhưng không tiện một mình lên đòi, bèn chờ chồng về nói cho biết là cô ta trông thấy con bò có vẻ như bị buộc trên vườn chùa. Người chồng bèn lên chùa đòi bò. Vị sư trả lời là ông không hề lấy bò, không hề buộc bò vào vườn nhà chùa, nhưng có lẽ vì buổi trưa ông giặt y vàng hoại sắc, phơi trên hàng rào, nhìn xa trông giống da bò nên vợ anh này tưởng lầm chăng. Anh hàng xóm không chịu, đem việc lên cáo quan.

Quan phủ cho mời vị sư lên, hỏi:

- Thầy có lấy bò của người này chăng?

Vị sư trả lời:

- Thưa không.

Quan hỏi:

- Thế thì Thầy bị oan à?

Sư trả lời:

- Không oan.

Quan hỏi:

- Không oan thì Thầy có lấy trộm bò à?

Sư trả lời:

- Tôi không lấy trộm bò.

Quan hỏi:

- Không lấy trộm bò, vậy là Thầy oan chứ gì?

Sư lại trả lời:

- Không oan.

Ông quan giận dữ bèn ra lệnh tống giam vị sư vào nhà tù. Vị sư già có một đệ tử, nghe tin Thầy bị ở tù, bèn tới thăm hỏi:

- Thầy ơi, con tin chắc là Thầy oan, sao không minh oan mà để đến nỗi bị tù thế này?

Vị sư nói:

- Không oan.

Người đệ tử ngớ người ra hỏi:

- Không oan thì Thầy ăn cắp bò à?

Vị sư trả lời:

- Ta không ăn cắp bò.

Vị đệ tử vò đầu:

- Thầy nói thế thì con không sao hiểu nổi.

Chừng đó vị sư mới từ tốn:

- Con ơi! Cái mà ta đang nhận chỉ là quả báo thôi. Ta trì giới hạnh tinh nghiêm như thế mà bị nỗi oan này thì hẳn là trong thời quá khứ ta đã từng ăn trộm, nay phải trả quả báo đây mà. Nhân đã gây thì phải lĩnh quả, để đền cái tội mình đã phạm, dù là trong quá khứ lâu xa...

Thế mới biết, khi được hỏi rằng: "Người đại tu hành có rơi vào Nhân quả chăng?" Ngài Bá Trượng đã trả lời rằng: "Người đại tu hành không lầm Nhân quả" (Bất muội nhân quả). Bởi vậy, **muốn thoát khỏi mọi khổ ải do quả báo từ những nhân xấu ác mình đã tạo từ vô lượng kiếp** thì **chỉ có một cách là phải tu hành tinh tấn, tịnh hóa nghiệp chướng mới mong ra khỏi được vòng luân hồi sinh tử, rốt ráo giải thoát.**

Tâm Như

***

Đọc hết câu chuyện trên, chúng tôi thấy hay quá nên đã cố viết bài văn vần, tóm tắt ý chính để tu tập:

BÀI HỌC ĐÁNG NHỚ:
Việc Xảy Ra Chẳng Phải **NGẪU NHIÊN**.
Tại gieo **NHÂN, DUYÊN** đủ, **QUẢ** liền hiện ra.
Đề tài cho ta biết:
Làm việc THIỆN, hưởng QUẢ LÀNH.

Dưới đây, chúng tôi chỉ trình bày phần:

Làm việc ÁC, thọ QUẢ DỮ.
Việc xảy ra chẳng phải ngẫu nhiên,
Tại gieo NHÂN, DUYÊN đủ, QUẢ liền hiện ra.
Vậy, quả xấu đến, do lỗi ta,
Mình làm, mình chịu kêu ca nỗi gì!
*Nhận tội cho **NGHIỆP** nhẹ đi,*
Mới là làm đúng những gì được khuyên!
*Rồi **Sám Hối** tội đã gây nên,*
*Đó là **Công đức**, **Hồi hướng** liền kẻo quên.*
Còn điều xấu đến, sinh não phiền!
Dù tu mãn kiếp, vẫn nguyên thế này!
Sáng suốt, hãy chọn cách hay,
*Mà lo tu tập, có ngày **TÂM AN.***
TÂM AN, vui sướng vô vàn,
Tưởng ở Tiên cảnh trần gian ấy mà!
Được vậy, chuyển cho bạn gần xa,
Người tập tu bớt khổ, Phước ta tăng dần.
Chuyện đời lắm khổ ải trái ngang,
Từ Quả báo NHÂN xấu ta làm trước đây.
***Cố TU, TỊNH HÓA** nghiệp ác còn dày,*
Ấy cách TỐT NHẤT từ nay, gắng làm.

"Bài học đáng nhớ" ở đây là **việc xảy ra không phải ngẫu nhiên** mà có. Tất cả đều tại do ta gieo NHÂN, rồi khi đủ DUYÊN, QUẢ sẽ hiện ra. Như câu chuyện trên, vị sư biết việc bị nghi là ăn trộm bò, không phải là vô cớ, mà do **"trong thời quá khứ đã từng ăn trộm nên nay phải trả quả báo**. **NHÂN đã gầy thì phải lĩnh QUẢ, để đền cái tội mình đã phạm, dù là trong quá khứ lâu xa..."**

Qua bài học này, từ nay gặp chuyện ai "gán ghép tội" cho mình hoặc nghi mình làm điều xấu,... ta hãy đừng có buồn, tức. Thậm chí, cũng đừng nên quá sân hận, chẳng hạn, có khi người đầu tiên "gán ghép tội" cho mình chỉ nói xấu ít thôi, nhưng tới nhiều người sau đó, câu chuyện "gán ghép tội" đã khác xa một trời một vực. Nếu có vậy, thật ra, cũng chỉ tại mức độ TỘI mình đã làm, chưa được kể hết. Có nghĩa tội mình đã làm khá NẶNG nhưng người đầu tiên chưa kể đủ nên nhiều người sau phải thêm thắt vào cho hợp với TỘI mình đã gây ở kiếp xa xưa. Chúng tôi lí luận như vậy vì nghĩ **"Việc xảy ra chẳng phải ngẫu nhiên."** Có phải tin như vậy, mới thật tin đúng luật NHÂN QUẢ không? Nếu quí vị thấy hợp lí và chẳng may gặp hoàn cảnh như trên, xin cứ giữ TÂM bình thản cho dù mức độ bị "gán ghép tội" tới mức nào! Vì "nhận tội cho NGHIỆP nhẹ đi" mà! Còn không tin Luật NHÂN QUẢ, cứ cho mọi việc bị bôi nhọ, vu khống... là oan ức, chắc sẽ khổ sở mãi không thôi:

Bị vu khống, thật đoạn trường,
Hậm hực, uất ức, tưởng chừng khó quên!

Hay ta thử ứng dụng những lời dạy sau đây trong "Mười Điều Tâm Niệm' xem có bớt buồn khổ khi bị cho là oan ức hay không:

"Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu xa nổi dậy
Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là nhân ngã chưa xả.
Bởi vậy, Đức Phật dạy:
Lấy oan ức làm cửa ngõ đạo hạnh."

Trên đây, chúng tôi chỉ nói đến "quả báo" là việc bị người khác "gán ghép tội". Bây giờ xin nói rộng ra hơn: "quả báo" có thể là mọi thứ xấu xảy ra trong cuộc đời.

Chẳng hạn phải gặp nghịch cảnh như: con cái bất hiếu, phá gia chi tử (=đứa con làm tan nát tài sản của gia đình), hoặc bị người lừa đảo, quỵt nợ, gặp người phối ngẫu ghen tuông, gặp chồng sa ngã vào tứ đổ tường (Cờ bạc – Rượu chè – Trai gái – Hút chích), gặp người phối ngẫu bỏ theo người khác... thì phải nhớ:

Việc Xảy Ra Chẳng Phải NGẪU NHIÊN.
Tại Gieo NHÂN, DUYÊN Đủ, QUẢ Liền Hiện Ra.

Có tin được chân lí ấy thì đời ta sẽ bớt giận, tức, khổ sở,...Vì rõ ràng theo luật nhân quả "Gieo Nhân Nào, Gặt Quả Đó" nào có sai chạy đi đâu!

Tới đây xin nói ra một điều cũng rất đáng ghi nhớ. Như trong những quả báo vừa kể: **"người chịu nhận tội"** mình đã gây trong quá khứ thì coi như không còn ân oán gì với

"người đã tạo ra sự việc" không may cho mình. Vậy **"người đã tạo ra sự việc"** có bị quả báo về sau này không? Chắc chắn là có vì họ đã tạo ra điều Ác.

Thật ra trong cuộc sống còn vô số NGHIỆP xấu sẽ xảy ra khi đủ duyên. Bây giờ, muốn giải trừ bớt phần nào những "quả báo" ấy, chúng ta **"phải tu hành tinh tấn"** để **"tịnh hóa nghiệp chướng".**

Đây là cách rất hay ta cần học tập. Ta **"phải tu hành tinh tấn" để** tạo "Nghiệp Lành." Còn **"tịnh hóa nghiệp chướng",** tức là làm cho Nghiệp Ác mất đi. Có nghĩa Nghiệp Lành hiện diện thì Nghiệp Ác tan biến. Hai sự việc trên xảy ra nhịp nhàng, có khác nào Ánh Sáng đến sẽ xua tan Bóng Tối:

Ánh Sáng ví như Nghiệp lành,
Bóng Tối như Nghiệp Ác rành rành hai bên.
Vậy là, Ánh Sáng đến, xua liền,
Bóng Tối tích tụ triền miên lâu đời.

Còn không cố gắng **tu hành tinh tấn,** thì coi như cứ ngồi chờ "quả xấu" đến hay sao?! Những người này thường có cuộc sống nội tâm rất khổ khi mọi việc trong đời không được **xuôi chèo mát mái**. Ấy là chướng duyên đến, rồi than trời trách đất:

Chướng duyên đến, khổ vô ngần!
Trách trời nỡ đặt số phần trái ngang.

Kính mong quí bạn đọc hữu duyên cùng chúng tôi cố gắng thực hành để vượt qua những cảnh "họa tự nhiên đến", hầu giữ cho tâm tư được an bình, quí vị nhé.

Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đều trọn thành Phật đạo.

Thành thật cám ơn quí vị đã đọc bài viết và thực hành./.

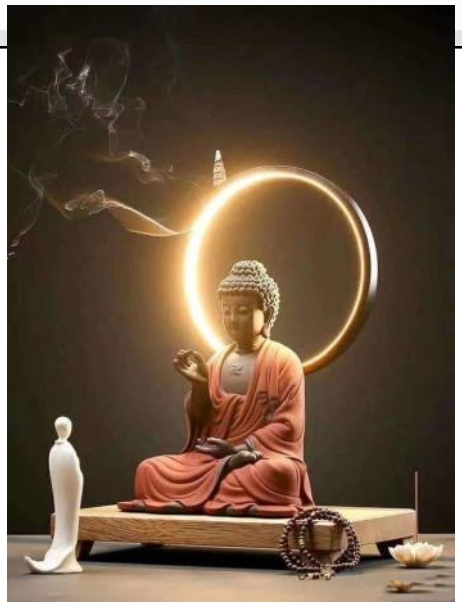

CON VỀ BÊN PHẬT

Con về quỳ dưới Phật Đà
Mà nghe mầm Đạo tỏa ra bốn bề
Tĩnh tâm lòng hết si mê
Từ bi, độ lượng Phật về mười phương

Con về xin lại tình thương
Bên thầy, bên bạn vấn vương đậm đà
Từ trong tâm thức tỏa lan
Ơn Thầy, nghĩa bạn đầy tràn tình thương

Con về đốt nén trầm hương
Mùi thơm lan tỏa mười phương ta bà
Lắng nghe kinh tụng Pháp Hoa
Thân tâm tĩnh lặng ta tìm thấy ta

Con về nghe tiếng kinh cầu
Câu kinh Bát Nhã để hầu tu thân
Từ nay dứt bỏ lòng trần
Con xin tìm đến bên chân Phật Đà

Con về quỳ dưới Phật Đà
Xin Ngài độ lượng, vị tha lỗi lầm
Hư không một cõi hồng trần
Ngộ ra mới biết… tâm thân vô thường…!

thơ TÂM TƯỜNG - LÊ ĐÌNH CÁT

Ý NGHĨA DANH HIỆU BỒ TÁT DI LẶC, ĐỊA TẠNG, VI ĐÀ HỘ PHÁP VÀ TIÊU DIỆN ĐẠI SĨ

Thích Nữ Giới Hương

Sáng nay nắng ấm, gió vi vu thổi, quý Phật tử ai cũng phấn khởi như ngày tết vì hôm nay (Chủ nhật ngày 30 tháng 05 năm 2021) có nhiều niềm vui nhân đôi, nào là Chùa Hương Sen vừa tổ chức Phật đản, vừa tổ chức lễ an vị Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Địa Tạng, Hộ Pháp Vi Đà Thiên Tướng và Tiêu Diện Đại Sĩ lộ thiên.

BỒ TÁT DI LẶC (Sanskrit: Maitreya, Pali: Metteyya) là một vị Phật tương lai, kế tiếp sau thời Đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni. Di Lặc dịch nghĩa là Từ Thị (bậc có lòng từ, ban từ bi hỉ xả cho người) hay còn gọi là Vô Năng Thắng (Bấc tối thượng, không ai hơn), Phật hoan hỉ (Laughing Buddha), vị hay mang niềm vui cho người khác, cho nên ngày vía của ngài là Mồng Một tết, ngày đầu năm vui thì suốt năm đều vui.

Hình tướng của vị đương lai hạ sanh thành Phật Di Lặc mập tròn, bụng phệ tượng trưng cho sự giàu có, phồn thịnh; miệng cười toe toét dù cho sáu chú tiểu (lục tặc) chọt loét, quấy phá, thọt lỗ rún… ngài vẫn cười hỉ xả, không phiền não, vướng bận, tâm hồn rỗng rang, tràn đầy lòng hoan hỉ. Vì ý nghĩa này, nên nhiều chùa Việt Nam hay Châu Á thờ ngài để mang niềm vui đến cho mình và người.

Tượng Bồ tát Di Lặc lộ thiên bằng đá trắng Chùa Hương Sen

BỒ TÁT ĐỊA TẠNG VƯƠNG (Sanskrit: Kṣitigarbha) là một hóa thân bồ tát thường nguyện vào chốn u minh tối tăm của địa ngục để cứu độ chúng sinh bởi lẽ Ngài có một đại nguyện như sau:

"Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,
Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ-đề."

Dịch nghĩa là "Từ nay cho đến vô số kiếp sau, tôi vì những chúng sanh tội khổ trong sáu đường mà giảng bày nhiều phương tiện làm cho họ được giải thoát. Họ giải thoát hết rồi, thì lúc đó tôi mới chứng thành Phật đạo."

Do lập nguyện bi mẫn rộng lớn như vậy, nên đến nay đã trải qua trăm nghìn muôn ức vô số kiếp, ngài vẫn còn là vị hóa thân Bồ Tát luôn lặn lội đến những nơi tối tăm, địa ngục A-tì, để cứu vớt, độ thoát tất cả chúng sinh đang bị tội khổ.

Trên đầu của Bồ tát Địa Tạng Vương có đội mão năm đỉnh tượng trưng cho Ngũ Trí Như Lai (*Đại Nhật Như Lai/Tỳ Lô Giá Na Như Lai, A Súc Bệ Như Lai, Bảo Sanh Như Lai, A Di Đà Như Lai và Bất Không Thành Tựu Như Lai*) gia trì cho công hạnh của Địa Tạng.

Tay trái ngài cầm trái châu như ý sáng soi đường xuống ngục tối, trong khi tay phải

cầm tích trượng (có 4 khoen) để giộng xuống đất, khiến những tội nhân đang bị hành hình đau khổ dưới địa ngục thức tỉnh, sám hối và chú tâm niệm Phật siêu thoát.

Ngài cưỡi trên lưng con lân là một thú quý trong tứ linh hay tứ thánh thú (long, lân, quy và phụng). Chân phải của kỳ lân thì đạp trên viên ngọc mani, dưới bụng có bộ Kinh Khổng Tước.

Bồ tát Địa Tạng Vương và Bồ tát Di Lặc là hai trong sáu vị bồ tát quan trọng của Phật giáo Đại thừa thường được thờ trong chùa. Bốn vị còn lại là Bồ tát Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí, Văn Thù Sư Lợi, và Phổ Hiền. Các ngài đều vì chúng sanh khổ mà thị hiện đồng sự, tiếp cận để cứu khổ ban vui.

VI ĐÀ HỘ PHÁP VÀ TIÊU DIỆN ĐẠI SĨ

Vi Đà thiên tướng là một vị thần Hộ Pháp của Phật giáo, giữ gìn ngôi già lam thánh chúng. Ngài là một trong tứ Đại Thiên Vương và là người đứng đầu 32 vị thần tướng thuộc quyền của bốn Đại Thiên Vương.

Ngài hiện thân là một vị thần hiền, phúc hậu, một vị thiên tướng (tướng trời) oai phong, nghiêm nghị, mặc áo giáp mũ sắt và giữ chày kim cương hộ Tam bảo thường còn tại thế gian.

Tượng Vi Đà Hộ Pháp lộ thiên bằng đá xám trắng Chùa Hương Sen

Tiêu diện đại sĩ (còn gọi là Ông Tiêu) cũng là một tướng trời với mặt mày hung dữ oai nghiêm để trị ác (nhất là những ai phá hoại ngôi tam bảo), trừ ma quỷ, hàng phục yêu quái, những thế lực xấu, tiêu cực. Ngài cũng mặc trang phục võ tướng, tay trái chống nạnh, tay phải cầm lá cờ, đội mão ba sừng, lưỡi le dài, răng nanh bén, hai mắt lồi to trợn ngược để răn đe người ác.

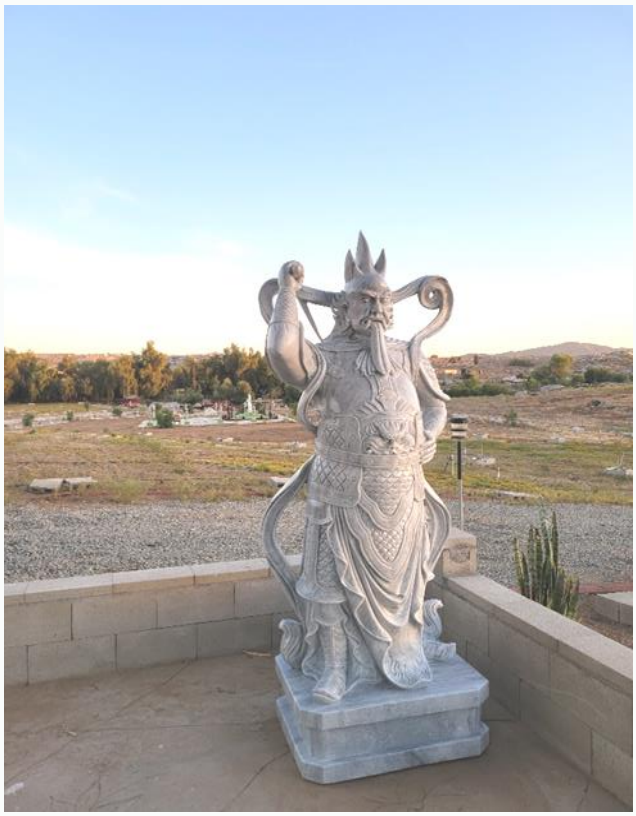

Tượng Tiêu Diện lộ thiên bằng đá xám trắng Chùa Hương Sen

Vi Đà Hộ Pháp và Tiêu Diện Đại Sĩ thường là một cặp hộ pháp song hành như vị thần hiền và thần dữ. Vi Đà thường dùng ái ngữ và phương pháp ôn hòa (nhu) để cảm hóa người trong khi Tiêu diện dùng phương pháp nghiêm khắc mạnh mẽ (cương), nhưng "bi thể giới lôi chấn" (dùng biện pháp mạnh như sấm, sét, nhưng gốc xuất phát từ tình thương muốn cảm hóa), mục đích của hai ngài đều nhằm bảo vệ Phật pháp trường tồn.

Dưới đây là hai bài kệ tán thán công hạnh của hai ngài Hộ pháp:

Trời, A-tu-la, Dạ xoa thảy
Đến nghe pháp đó nên chí tâm
Ủng hộ Phật pháp khiến thường còn
Mỗi vị siêng tu lời Phật dạy.
Bao nhiêu người nghe đến chốn này
Hoặc trên đất liền hoặc hư không
Thường với người đời sanh lòng từ
Ngày đêm tự mình nương pháp ở.
Nguyện các thế giới thường an ổn
Phước trí vô biên lợi quần sanh
Bao nhiêu tội chướng thảy tiêu trừ

Xa lìa các khổ về viên tịch.
Hằng dùng giới hương xoa vóc sáng
Thường trì định phục để giúp thân
Hoa mầu bồ đề khắp trang nghiêm
Tùy theo chỗ ở thường an lạc.

Vị Đà thiên tướng, Bồ Tát hóa thân,
Ủng hộ Phật Pháp phát nguyện rộng sâu,
Tay cầm thanh kiếm trấn áp ma quân,
Công đức vô biên thật khó nghĩ bàn.

Hôm nay Chư Ni và Phật tử Chùa Hương Sen rất vui mừng làm lễ an vị Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Địa Tạng, Hộ Pháp Vi Đà Thiên Tướng và Tiêu Diện Đại Sĩ lộ thiên trong mùa Phật đản 2565, dương lịch 2021, dưới sự chứng minh của Hòa thượng Thích Bửu Lợi, Hòa thượng Thích Kim Đài, Thầy Nguyên Tường, Sư bà Thích Nữ Như Hương, Ni sư TN Giới Hương, Sư cô Nguyên Hiếu, Sư cô Liên Tạng, Sư cô Viên Tiến, Sư cô Viên Chân, Sư cô Viên Trang, Sa di ni Diệu Hoa cùng quý Phật tử đồng hương tại Riverside và các vùng lân cận.

Vùng bán sa mạc Perris, quận Riverside, hoang sơ nắng nóng đầy bụi cát hôm nay trở nên xanh mát và hòa dịu khi có các tượng Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Địa Tạng, Hộ Pháp Vi Đà Thiên Tướng và Tiêu Diện Đại Sĩ về tọa lạc. Nhân dịp này thành tâm tri ân các thí chủ hảo tâm hỗ trợ tịnh tài và công sức trong việc thỉnh và an vị các ngài.

Cầu nguyện Bồ tát Di Lặc, Bồ tát Địa Tạng, Hộ Pháp Vi Đà Thiên Tướng và Tiêu Diện Đại Sĩ linh thiêng gia hộ đại dịch Coronavirus trên toàn cầu sớm dứt hẳn, dân chúng sống khỏe mạnh, an toàn và tinh tấn tu tập.

Cầu nguyện các nạn nhân, bịnh nhân tử vong do nhiễm dịch Covid Corona hay các nhân duyên khác sớm siêu sanh về miền Cực Lạc thế giới Tây Phương.

Mùa Phật Đản, ngày 31/05/2021
huongsentemple@gmail.com

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của VĨNH HẢO

CHƯƠNG TÁM

Nắng buổi chiều theo tôi lùa vào khung cửa sắt, rọi sáng cả phòng, nhưng chỉ được một vài giây ngắn ngủi. Viên cán bộ trực đóng ập cửa lại, khóa lách cách. Tôi cởi áo sơ mi và quần tây dài ra, bắt đầu thấm ngay được cái nóng bức và ngột ngạt của phòng biệt giam.

Tôi đến bên cửa, ló mặt ra cửa gió để hít thở không khí bên ngoài. May phòng này là phòng đôi nên có được hai cửa gió, ông Trọng một cái, tôi một cái, khỏi phải thay phiên hít thở như các phòng biệt giam khác.

Tôi đứng hít thở đâu chừng mười lăm phút thì đến giờ điểm danh. Theo nội qui, các tội nhân trong phòng biệt giam phải đứng nơi cửa, không được ló mặt ra cửa gió, nhưng phải giữ khoảng cách và vị trí thế nào để khi cán bộ kiểm tra nhìn lướt vào là thấy có mặt. Tội nhân trong phòng biệt giam không bị bắt buộc phải mặc quần áo, xếp hàng, đếm số, đọc nội qui như bên các phòng giam tập thể. Nhưng khi cán bộ điểm danh đến ngay cửa phòng của mình thì phải có sẵn đó để báo cáo nhân số.

Sau giờ điểm danh, tù nhân bắt đầu ăn cơm tối và vui chơi, ca hát cho đến giờ báo nghiêm, tức là giờ ngủ. Đến giờ đó, không được ồn ào nữa. Riêng các phòng biệt giam như phòng chúng tôi, cửa gió sẽ bị cán bộ trực đóng lại và cài chốt từ bên ngoài trước khi trời tối. Cửa gió đóng rồi, chúng tôi chỉ có thể tiếp xúc với thế giới bên ngoài bằng một kẽ hở rất nhỏ ở cái góc cong gần như hình bán nguyệt bên dưới của cánh cửa gió. Như vậy, không gian bên ngoài lúc cửa gió đóng lại sẽ được trình hiện trước mắt tôi qua cái khuôn giới hạn của một vầng trăng lưỡi liềm mỏng manh.

Khi cửa gió đóng, chúng tôi ăn bữa cơm tối dưới ánh đèn vàng vọt của phòng giam. Phần ăn của mỗi người vẫn là chén cơm hơi vun, hai muỗng nước mắm trại. Nước mắm trại là thứ nước muối đun sôi có bỏ vào một ít đường đã thắng làm màu cho có vẻ là nước mắm thật. Ông Trọng nói, đôi lúc trong thùng nước mắm bốc khói mà các anh nuôi mang phân phát, thấy có vài tóp mỡ nổi lềnh bềnh trên mặt. Mỗi tuần, có một lần được ăn canh rau muống hoặc canh bí. Có canh thì phần nước mắm hàng ngày bị cúp. Phần canh của mỗi người là một chén nước lỏng bỏng với hai cọng rau muống không đầy một gắp đũa. Gặp khi có canh bí rợ thì mỗi người được nửa chén nước vàng vàng chẳng thấy bí ở đâu. Kẻ nào may mắn lắm thì được một miếng bí lớn bằng ngón chân cái vô tình lọt vào phần của mình.

Ăn xong, chúng tôi lại đứng bên cửa gió để ráng hít lấy chút không khí lọt vào cái khe hở hình vầng trăng lưỡi liềm.

Bỗng nghe tiếng gõ trên vách từng chặp một, rồi có tiếng người ở phòng giam kế bên hô lên:

"Phòng 8 đến bên cửa gió chưa?"

"Có đây," ông Trọng đáp lớn.

"Có một người mới vào phải không, tôi mở cửa gió cho phòng 8 nha?"

"Ư, mở dùm đi," ông Trọng đáp.

Vài giây sau, bỗng nghe "cạch" một tiếng, cái then cài cánh cửa gió phía bên ông Trọng được kéo ra. Ông Trọng đẩy hẳn cửa gió ra ngoài:

"Ôi, sướng quá! Cám ơn nghe! Có muốn nhắn chuyện gì với người mới vô không?"

"Muốn. Anh ấy tên gì? ở đâu vậy? tội gì?"

"Tên… gì vậy?" ông Trọng quay qua tôi, "à, tên Khang. Tù chính trị. Cũng ở Sài Gòn," ông Trọng trả lời.

"Mới vào chưa có thăm nuôi phải không? Để tôi chuyền ít đồ qua nghe. Đón sẵn ở cửa gió nè."

Một cái túi ni-lông nhỏ đựng thức ăn và thuốc lá, từ phòng giam kế bên được một cánh tay vô danh nào đó trườn qua, dúi vào tay ông Trọng đang chờ sẵn. Tôi thắc mắc làm sao họ có thể tự mở cửa gió lại còn mở dùm cho phòng khác, rồi đưa thức ăn qua nữa. Ông Trọng nói họ làm một cái giây thòng lọng luồn qua khe hở, kéo cái then ra; còn mở cửa cho phòng kế thì cứ việc trườn hết cánh tay qua mà mở thôi; có điều, phải cẩn thận kẻo cán bộ trông thấy. Các phòng biệt giam, cứ theo thứ tự, từng cặp có cửa xây khít nhau, khoảng cách giữa hai cửa gió đâu chừng tám tấc; như vậy, cửa của phòng 1 sát với phòng 2, cửa phòng 3 sát với cửa phòng 4… cửa phòng 7 sát với phòng 8. Nhờ vậy mà người bên phòng 7 có thể mở được cửa phòng 8 của ông Trọng. Mà vì cái then sắt cài cửa gió nằm thuận từ phía phòng số nhỏ, cho nên, nếu ông Trọng có thể tự mở được cửa gió phòng 8 của ông thì cũng không mở giúp được cho cửa gió phòng 7, chỉ có phòng 7 giúp được cho phòng 8 mà thôi.

Đèn phòng giam thắp sáng suốt đêm, đến 6 giờ sáng mới tắt. Buổi tối, các phòng giam ồn ào hẳn lên. Tôi nghe tiếng nói cười, ca hát, tiếng trống vỗ bập bùng của những bàn tay vào các thau hay ca nhựa… Bằng sự chú tâm phân biệt các âm thanh huyên náo, tôi có thể nghe được đủ loại ca khúc từ dân ca đến cổ nhạc, tân nhạc… Mạnh ai nấy ca, mạnh phòng nào, phòng nấy ca… nhộn như một cái chợ. Âm thanh hỗn loạn, hòa vào nhau, có khi va chạm vào nhau nghe như tiếng loảng xoảng của kim khí hay thủy tinh vỡ. Ban ngày có cán bộ trực làm việc, phòng giam có vẻ im lìm, có nói cười gì thì cũng vừa phải. Ban đêm, chỉ có lính canh (từ mới gọi là *chiến sĩ gác*) lâu lâu đi tuần qua một vòng ngoài hành lang; mà những anh lính gác này không chú trọng đến chuyện ồn ào ca hát của đám tù nhân bên trong phòng giam. Có lẽ lính gác chỉ có nhiệm vụ kiểm soát các cánh cửa và các vách tường của buồng giam mà thôi. Ông Trọng nói lính gác dễ dãi và vui vẻ với tù nhân lắm. Có đêm ông chờ lính gác đi ngang qua, nhờ anh mở giúp cánh cửa gió, hỏi chuyện anh đôi điều. Lính gác dễ dãi hơn cán bộ công an nhiều.

Đến khi kẻng đánh báo nghiêm, tiếng ồn ào lắng xuống thật nhanh rồi im bặt. Ông Trọng và tôi cùng rời cửa gió, quay lại chỗ nằm. Chỗ nằm của chúng tôi là hai cái bục xi măng xây cao hơn nền đất chừng một gang tay, chiều ngang tám tấc, chiều dài đâu chừng một mét sáu vì có một bức vách nhỏ bằng gạch chắn ngang giữa chỗ nằm và cái cầu tiêu. Với chiều dài khiêm tốn đó, cả ông Trọng lẫn tôi đều phải nằm co chứ không duỗi thẳng chân được. Chẳng có mùng mền, chiếu, gối gì cả. Chúng tôi lấy áo quần mà gối đầu. Cũng may trời đang mùa hè, không lạnh. Hai ngọn đèn từ trên trần chiếu thẳng xuống ngay mặt, chói chang. Cũng ngọn đèn đó, lúc chúng tôi ăn cơm tối thì thấy ánh sáng vàng vọt lờ mờ mà tự dưng bây giờ lại sáng trưng như có tăng thêm điện hay bóng đèn vậy.

Không ngủ liền được, ông Trọng ngồi dậy, đốt thuốc hút, ngồi tư lự, ủ rũ. Các phòng giam tập thể phải theo nội qui, không được nói chuyện trong giờ báo nghiêm nữa, nhưng ở phòng biệt giam, chúng tôi không bị ràng buộc bởi nội qui cho lắm. Tôi gợi chuyện với ông Trọng:

"Chú bị giam ở đây bao lâu rồi?"

"Trước cậu nửa tháng chứ đâu có lâu gì."

"Chú cũng bị tội chính trị nên mới vào trại giam này?"

Ông Trọng rảy tàn thuốc vào miếng giấy bạc xếp thành cái gạt tàn, kéo thêm một hơi thuốc dài rồi nói với giọng buồn buồn, nhưng cung cách ông nói thì lại có vẻ như rất hứng thú:

"Chỉ bị tình nghi thôi. Tôi thường lui tới ông Vạn để thăm bệnh, hốt thuốc nam cho ông ấy. Chẳng dè ông là lãnh tụ một nhóm Hòa Hảo có vũ trang, chống lại chính quyền. Công an bắt tôi cùng một ngày với nhân sự của lực lượng Hòa Hảo đó. Vào nhà lục soát tùm lum, rồi bắt tôi đi trước mặt vợ con. Tội nghiệp, đứa con tôi nó la khóc dữ quá, cứ níu áo níu chân, chẳng chịu để tôi đi. Nó còn lạy mấy thằng công an để xin tha cho ba nó. Hờ, nó có năm tuổi chứ mấy. Cậu thắc mắc à, có gì đâu, tôi lấy vợ trẻ hơn tôi hai mươi bốn tuổi. Tôi chưa nói rõ chắc cậu lại không hiểu, tưởng rằng tôi già xồn rồi mới chịu lấy vợ. Không phải đâu, tôi lấy bà thứ hai đó. Bà vợ trước tôi lấy từ lúc tôi mới lớn kia, và bầy con của đời vợ trước có đứa út cũng xấp xỉ tuổi cậu chứ có nhỏ nhít gì. Đó là lúc còn ở Long Xuyên, sau này về Chợ Lớn, tôi mới lấy cô vợ

trẻ này. Năm nay cô ấy mới ba mươi tròn, có đứa con năm tuổi thì đâu có gì lạ."

Thực ra tôi đâu có thắc mắc gì chuyện ông có đứa con năm tuổi. Chuyện vợ con của người đời, tôi chỉ hiểu đơn giản rằng, lập gia đình thì phải có con, ông lớn tuổi, đã có vợ, vậy thì ông có con, có gì lạ đâu mà thắc mắc…

"Cậu không tin hả? Tôi nói thiệt đó, vợ tôi trẻ lắm. Cậu mà gặp cô ấy có thể cậu lầm là con gái tôi chứ chẳng chơi."

"Đâu có, cháu tin chứ. Chú cứ kể tiếp đi. Vậy rồi khi bắt chú, họ có đọc lệnh bắt gì không?"

"Lệnh thì có nhưng lệnh bằng miệng thôi chứ có văn bản giấy tờ đâu. Bọn nó vô nhà nói: chúng tôi có lệnh bắt ông vì tội phản cách mạng. Rồi bảo tôi đưa hai tay lên, khám xét trong người, lôi ra xe. Vợ tôi bình tĩnh lắm, khóc thì khóc nhưng cũng gom vội vài thứ linh tinh vào một cái giỏ lác, xách ra xe, xin tụi công an cho tôi mang theo. Nhờ vậy mà có thuốc hút, có khăn lau và mấy cái quần đùi để thay. Cũng đỡ hơn cậu há. Cậu bị bắt ngoài đường thì làm sao gia đình biết đường mà rớ. Phải chờ lâu lắm, khi nào khai cung xong xuôi mới xin cán bộ thông báo cho gia đình để thăm nuôi. Tôi bây giờ cũng chưa được thăm nuôi, nhưng ít nhất gia đình tôi cũng biết tôi hiện bị giam ở đâu. À, trở lại chuyện tôi. Như tôi nói với cậu khi nãy, thực ra tôi đâu có tham gia gì lực lượng của ông Vạn! Tôi chỉ hốt thuốc cho ông ấy thôi. Cái tụi này nó nghi thì nó bắt chứ chẳng có chứng cớ khỉ khô gì hết. Cho nên bữa giờ bọn nó kêu tôi lên, quần hết ngày này đến ngày nọ mà có nẻ ra được chút manh mối nào chứng tỏ tôi có hoạt động với lực lượng của ông Vạn đâu. Nhưng mà, kinh nghiệm tù cộng sản cho biết, trường hợp tình nghi cũng phiền lắm chứ chẳng phải chơi. Thà mình phạm tội gì rõ ràng, bị chúng kết án mấy năm cho xong, như vậy dễ tính, còn biết ngõ mà chờ đợi, mà tính ngày; chứ cái màn tình nghi này thì *mút mùa lệ thuỷ* đó cậu ơi. Chúng điều tra cho đến khi nào hết nghi, lúc đó chúng mới chịu thả. Mà đã nghi thì làm gì có chuyện hết nghi, phải không? *Thà bắt lầm còn hơn bỏ sót,* hừ, đó là phương châm bắt người của tụi cộng sản. Còn cậu thì sao, cậu có phạm tội rõ ràng không, hay là cũng bị tình nghi như tôi?"

Thấy ông Trọng có vẻ trực tính, cởi mở, tôi cũng chẳng ngại ngùng nói ông nghe chuyện của tôi:

"Chuyện của cháu rõ ràng lắm, không phải tình nghi."

"Hồi trưa cậu nói rằng cậu bị bắt ngoài đường, phải không. Cha, cái vụ của cậu không phải đơn giản đâu nghe."

"Sao vậy?"

"Vì cậu bị bắt ngoài đường. Chưa hiểu à? Thường thường mấy người bị bắt ngoài đường thì một là xui xẻo gặp phải chiến dịch xét bắt tội phạm ở khắp nơi, hai là bị công an theo dõi từ lâu, ba là có người chỉ điểm. Cậu kể tôi nghe rõ hơn chút là tôi biết ngay cậu dính vào trường hợp nào. Cậu bị bắt ở đâu vậy?"

"Dạ… trên chuyến xe lam từ Hàng Xanh đi Thủ Đức."

"Cậu đang đi đâu mà bị chặn bắt?"

"À, cháu đi theo một ông thầy…"

"Một ông sư hả?"

"Không, một ông thầy bên Thiên Chúa Giáo. Cháu chẳng hiểu rõ các chức sắc bên đó, chỉ biết đại khái ông cũng là một thầy tu, chưa thụ phong linh mục. Bạn cháu gọi ông ấy là thầy Tư."

"Vậy là cậu cũng không quen thân ông ấy. Mới biết nhau thôi chứ gì?"

"Đúng, chỉ mới biết nhau, do một người bạn cháu giới thiệu cách đây chừng một tuần."

"Cậu đi theo ông ấy làm gì?"

"Ừm… ông ấy hứa là sắp xếp chỗ an toàn để cháu vừa ẩn lánh công an, vừa có thể tiếp tục tham gia đấu tranh…"

"Sao mới quen mà cậu lại tin ông ấy quá vậy!"

"… Vì ông ấy có quen một vị thầy uy tín trong Phật giáo mà cháu biết, mà ông ấy lại

do bạn thân cháu giới thiệu nữa."

"Vậy rồi cậu cùng ngồi xe lam với ông ấy, cậu bị bắt, ông ấy không bị bắt?"

"Không, ông ấy không có mặt trên xe lam. Ông ấy lấy xe đạp chở cháu đến bến xe, nói rằng ổng ấy về lấy xe gắn máy đi trước và sẽ chờ đón cháu tại chợ, trước mặt bến xe lam Thủ Đức."

"Vậy mà cậu không nghi ngờ gì hết à?"

"Ông ấy nói cháu là người đang bị truy nã, còn ông ấy là người hoạt động có chút ít uy tín bên đạo Thiên Chúa, không nên đi chung xe, dễ gây sự chú ý…"

"Ủa, vậy chứ thằng bạn thân nào của cậu, bộ hắn không có ý kiến gì về chuyện cậu đi theo ông thầy Tư à?"

Thực ra lúc này, như đã nói ở trước, tôi đã nghi ngờ về Hân, người bạn mà ông Trọng muốn hỏi tới; nhưng tôi cố tình kể chuyện thật vô tư, không đưa ra nhận xét chủ quan nào của mình về Hân, để âm thầm nhờ cậy sự xét đoán khách quan của ông Trọng. Tôi nói:

"Anh ấy giới thiệu ông thầy Tư cho cháu thì dĩ nhiên anh ấy cũng tin tưởng ông thầy Tư rồi."

Ông Trọng lắc đầu nguầy nguậy:

"Tức quá! Sao lại tin cái thằng bạn trời đánh gì đó của cậu chứ! Cậu quen hắn bao lâu, hắn đối xử với cậu thế nào mà cậu giao cái mạng cậu cho hắn?"

"Anh ấy luôn tốt với cháu và anh ấy cũng cùng hoạt động chung với cháu từ bốn năm nay."

"Cùng hoạt động mà sao hắn không bị bắt vậy hả?"

"Anh ấy cũng trốn tránh như cháu. Trốn trong một ngôi chùa giống như chùa hoang."

"Cậu cũng trốn chung một chỗ?"

"Không, cháu trốn ở nhà một người quen, ở quận khác."

"Thế sao cậu không ở yên chỗ đó mà lại nghe lời hắn đi theo ông thầy Tư làm gì!"

"Thì… cháu không muốn ở yên nữa, cháu muốn tìm chỗ mới, tìm cách kết hợp với một lực lượng mới… Bạn cháu thấy vậy nên giới thiệu ông thầy Tư cho cháu."

"Té ra là vậy! Cậu cũng gan há, đang bị truy nã mà còn tính chuyện tiếp tục hoạt động! Nhưng mà, tôi hãy còn thắc mắc nhiều lắm: bạn cậu cũng trốn, cậu cũng trốn, vậy sao hắn không cùng đi với cậu theo ông Tư, lại để cậu đi và bị bắt một mình? Hắn sợ không dám hoạt động nữa hay vì lý do nào khác?"

"Anh ấy cũng muốn theo ông thầy Tư, nhưng bảo cháu đi trước để đánh giá xem thực hư thế nào rồi mới cho anh ấy biết, anh ấy sẽ theo sau. Vả lại, anh ấy còn bận bịu vợ con, có một số việc cần phải lo thu xếp trước khi quyết định đi theo ông thầy Tư hay không; còn cháu thì độc thân, muốn đi lúc nào lại chẳng được. Ngoài ra, cháu còn nghĩ: nếu có đi cũng chia nhau mà đi, lỡ có gì thì một người chịu thôi, chứ ai lại kéo đi một lúc để chết chùm."

"Cậu nói như thể cậu cẩn thận lắm vậy, nhưng thực ra, cậu sơ hở quá. Thứ nhất, đáng lẽ trốn được chỗ nào, cậu nên ở yên chỗ đó, đừng qua lại nhiều; thứ hai, cho dù là bạn thân, cũng không nên vì tin hắn mà tin luôn cả người do hắn giới thiệu; thứ ba, cậu không chịu dành nhiều thì giờ để tìm hiểu thêm về ông thầy Tư trước khi đi theo ông ta. Cậu gặp ông ấy chỉ một hai lần thôi, phải không? Cho dù những lần gặp gỡ đó kéo dài suốt ngày, cũng chưa thể hiểu rõ được ông ấy thực sự thuộc thành phần nào… Ôi chà, hoạt động chính trị, nhất là dưới chế độ cộng sản, phải hết sức cẩn thận mới được. À, vậy chứ cậu hẹn gặp ông thầy Tư ở đâu để cùng ra bến xe lam?"

"Ông ấy đến chùa, chỗ người bạn cháu đang ở, để đưa cháu đi."

"Bạn cậu chơi thân với cậu lắm phải không? Ý tôi muốn hỏi, tình cảm giữa cậu và hắn có sâu đậm không, có nhiều kỷ niệm gắn bó với nhau không? Có hả. Vậy bạn cậu biết rõ cậu sẽ đi với ông thầy Tư, phải không? Hắn có tiễn cậu ra cửa không?"

"Tiễn ra cửa? Chi tiết này có quan trọng gì đâu?"

"Thì cứ trả lời đi, có hay không?"

"Không."

"Lúc đó hắn ở đâu, làm gì mà không tiễn cậu ra cửa?"

"À… anh ấy đi ra nhà sau làm vệ sinh buổi sáng. Lúc ấy còn sớm lắm, mới sáu giờ kém. Ông Tư đến gõ cửa, cháu đã dậy sớm từ trước nên mở cửa cho ông vào. Cháu ngồi tiếp ông Tư một lúc thì ông Tư giục cháu đi. Bạn cháu thức dậy… để cháu nhớ lại xem… bạn cháu thức dậy, bước ra chào ông Tư, rồi xin phép ra sau làm vệ sinh…"

"Hắn chỉ chào ông Tư thôi, chứ không nhìn cậu à?"

"Nhìn cháu? Dĩ nhiên là có nhìn. Nhưng chi tiết này cũng đâu quan trọng…"

"Hắn đi một mạch ra sau nhà vệ sinh, có quay đầu nhìn lại không?"

"À, phải rồi, đến ngang bực cửa, anh ấy có quay lại, nhìn cháu."

"Rồi sau đó thì sao, cậu và ông Tư ngồi đó chờ hắn trở lại hay là ông Tư thúc cậu đi trước khi hắn đi vệ sinh xong?"

"Ông Tư giục cháu đi. Cháu thấy chuyện từ giã lúc ấy không cần thiết nên đi luôn, là vì suốt đêm trước, cháu và bạn cháu đã bàn bạc với nhau kỹ lưỡng cả rồi."

"Hờ, kỹ lưỡng! Cậu thấy đó, kỹ lưỡng đến mức bây giờ cậu bị vào tù, còn hắn với ông thầy Tư thì ở ngoài. Tụi nó giăng bẫy lừa cậu đó. Tụi nó là công an, nếu không phải vậy thì

cũng là đặc tình của công an.”

“Đặc tình?” tôi vừa giật mình nhưng cũng vừa hứng thú một cách khó hiểu khi thấy rằng nhận xét của ông Trọng giải đáp được mối nghi ngờ của tôi sáng nay trong lúc khai cung. Tại sao tôi chưa khai mà Long đã biết rõ quá vậy. Cách Long lấy cung tôi có vẻ như để xác định lại những chứng cớ mà hắn đã lấy được từ trước chứ không phải là hỏi những điều chưa biết. Hắn hỏi mà thực ra là chỉ buộc tôi nhận lời. Hắn đã biết đích xác những gì tôi làm.

“Cậu không biết danh từ *đặc tình* hả?”

“À, cháu biết chứ, danh từ này cháu có đọc trong một tập truyện ngắn trinh thám do nhà xuất bản Công An in. Đặc tình là loại tình báo đặc biệt do mấy anh công an tự tìm lấy, không phải là công an chính ngạch có ăn lương của nhà nước. Đại loại như vậy, phải không?”

“Đúng rồi, có khi tụi đặc tình này là bạn bè, thân nhân của mình chứ chẳng ở đâu xa. Công an nhân dân bao gồm cả thứ đặc tình này đó. Nhưng đặc tình là thứ nguy hiểm nhất, vì chúng gần gũi với mình mà lại sẵn sàng bán đứng mình vì một quyền lợi nhỏ nhặt nào đó. Cậu không bao giờ nghi ngờ thằng bạn cậu và ông thầy Tư là công an sao?”

“Không. Nhưng theo cách nói của chú, bây giờ cháu hơi ngờ rằng họ có thể là đặc tình của công an.”

“Ngờ thôi à! Cái màn gài bẫy này tôi có một người bạn cũng y hệt như cậu đó. Đây, tôi kể cậu nghe, ông ấy bị công an truy nã, ẩn lánh một nơi thật kín đáo, công an không làm sao tìm ra nổi. Công an bèn theo dõi những người bà con hay bạn thân nhất của ông ấy; công an còn nghiên cứu về sở thích, ý hướng của ông bạn tôi để tìm cách dụ ông ló mặt… Cuối cùng, một người bạn của ông ấy, bằng cách nào đó, tìm được ông, hứa đưa ông trốn một chỗ an toàn hơn. Cậu thấy chưa, một chỗ an toàn thoải mái hơn cho một người đang ẩn náu suốt nhiều tháng tại một căn hầm nóng bức, không biết gì bên ngoài. Đề nghị hấp dẫn quá làm sao ông ấy từ chối nổi. Huống chi người bạn của ông còn đưa ra cái mồi rất lý tưởng là sẽ cùng tiếp tục hoạt động… Vậy là ông theo người bạn đến ‘mật khu’ của lực lượng mới. Đi bằng xe gắn máy, người bạn ông chở. Trên đường đi, họ ghé lại một quán cóc để uống cà phê, ăn điểm tâm. Ngồi đâu chừng một lúc, người bạn của ông đứng dậy đi ra sau làm vệ sinh. Ông ấy đâu có thắc mắc gì. Người bạn đi gần đến cửa phòng vệ sinh thì quay lại, nhìn ông. Ông nói, cái nhìn có vẻ đau lòng, não nuột lắm. Vậy rồi, ngay sau đó, đâu khoảng ba phút, công an ập vào, xét giấy tờ mấy anh thanh niên, xét tất cả khách ăn uống của quán. Chẳng có ai khác ngoài ông bạn tôi bị bắt vào lúc đó, dĩ nhiên. Công an không xét kỹ phòng vệ sinh của quán nên đâu có lối người bạn của ông ấy ra. Thấy vậy, ông mừng cho bạn ông. Nghĩ rằng bọn công an sơ sót. Vào tù, đi khai cung, ông mới biết ông bị người bạn gạt. Quá trễ rồi, phải không? Bốn năm tù, từ năm 1979 đến 1983, mới năm kia chứ đâu, ông ấy mới được tự do. Ra ngoài một thời gian, ổn định rồi, ông đi tìm người bạn đã lừa ông vào bẫy của công an để thanh toán món nợ cũ. Cậu biết kết quả ra sao không? Ông ấy không gặp được người bạn, vì người bạn ông đã tự tử, chết rồi. Ông nghĩ là hắn làm vậy vì ray rứt hối hận, vì ngoài ông ra, còn nhiều người khác cũng bị hắn gạt như vậy, trong số đó, có người bệnh chết trong tù. Hắn bất nhân, bất nghĩa thật, nhưng khi đi làm vệ sinh, hắn có quay lại nhìn ông lần cuối. Ông cho rằng cái nhìn đó, chứng tỏ hắn vẫn còn chút lương tri. Ông tha thứ hắn rồi, nhưng kinh nghiệm thì nhớ mãi.”

Không rõ vì trong phòng nóng bức hay vì câu chuyện của ông Trọng kể mà mồ hôi tôi đổ ra như tắm. Tôi nhớ lại câu chuyện của tôi. Chỉ mới sáng nay thôi, khi tôi rời chùa Tân Nghĩa để theo ông thầy Tư đi Thủ Đức…

(còn tiếp)